

"LỜI NÓI ĐẦU" TRONG BẢN DỊCH QUÊ NỘI SANG TIẾNG PHÁP, CỦA ALICE KAHN

Khi giới thiệu quyển truyện "Quê nội" của Võ Quảng người ta bảo tôi: Đây là một loại Tôm Xây-dơ của Việt Nam. Đã từ lâu tôi rất thích tác phẩm Tôm Xây-dơ. Nhưng sau khi làm quen với tác phẩm của Võ Quảng tôi cảm thấy mình còn thích các nhân vật Cúc và Cù Lao hơn.

Võ Quảng đã đặt câu chuyện xảy ra tại chính quê hương mình, ấy là làng Hòa Phước, tỉnh Quảng Nam, một tỉnh nằm giữa nước Việt Nam. ở đây các sự kiện nhỏ đặt liền nhau, khăng khít nhau tạo nên câu chuyện. Câu chuyện bắt đầu sau Cách mạng tháng Tám, sau ngày lễ tuyên bố độc lập của nước Việt Nam năm 1945, một thời kỳ mà mãi đến nay vẫn còn để lại dấu tích trong nền văn học Việt Nam.

Tác phẩm phản ánh tâm trạng phấn khởi có phần hơi ngây thơ của dân làng, lòng tin tưởng kỳ diệu của họ vào tương lai đất nước.

Tôi đã có dịp hỏi vài người từng sống trong thời kỳ ấy, khi họ còn trẻ. ở họ đều còn đọng lại một niềm nhớ thương thấm thiết.

Bạn đọc người Pháp có thể tìm thấy gì qua các hình tượng ở đây? Có thể ở một số người sau bốn mươi năm, những nỗi đau xót nảy sinh từ cuộc chiến tranh ở Đông Dương chưa xóa hết được. Trong truyện, người Pháp hiện diện như kẻ áp bức, như những kẻ thù. Tác giả không nhào nặn lại lịch sử, nhưng ở đây trong mọi thể hiện đều có mức độ. Có một tí gì mỉa mai nhẹ nhàng và thân ái trong khi tác giả nhắc lại bài diễn thuyết có phần khoa trương của một cán bộ cơ sở. Nhưng chúng ta không thể nào nhầm, vì đây không phải là những lời trống rỗng. Chú Năm Mùi không hề thủ đoạn, không đầu cơ chính trị. Chú đấu tranh cho cách mạng, chú hiểu rõ bà con trong làng xóm của mình. Những lời nói của chú không phải là những câu châm ngôn sách vở, chú cũng không phải là kẻ khoe khoang. Trái lại, trong nhiều trường hợp chú tỏ ra biết

nhieu kinh nghiệm, có những hiểu biết sâu sắc về cuộc sống và con người. Ngoài ra chú không phải không biết hóm hỉnh.

Ở Việt Nam, Võ Quảng được công nhận là một trong những nhà văn ưu tú viết cho thiếu nhi. Mặc dù sự khan hiếm về giấy đã hạn chế gay gắt số lượng bản in, tác phẩm của Võ Quảng được tái bản nhiều lần và nhanh chóng được tiêu thụ.

Trước kia trong thời kỳ thực dân Pháp đô hộ, ông hoạt động cách mạng chống Pháp. Năm 1941 ông bị thực dân Pháp bắt giam. Sau Cách mạng tháng Tám, ông phụ trách chính quyền Đà Nẵng, phụ trách việc xét xử ở các toà án miền Trung. Từ năm 1957 đến nay, ông chăm lo công việc giáo dục thiếu nhi bằng các phương tiện văn học nghệ thuật.

Bản dịch bằng tiếng Pháp của Quê nội đáng tiếc là chưa thể chuyển đạt hết cái hay của ngôn ngữ địa phương mà tác giả sử dụng rất có tình cảm. Bản dịch cũng không truyền đạt được chất nhạc trong ngôn ngữ độc đáo của câu chuyện. Độc giả Pháp có thể không đồng cảm hết với tác giả, một sự đồng cảm nảy sinh từ chất nhạc của câu văn. Võ Quảng trước tiên là một nhà thơ. ạng sáng tác cho các em những bài thơ đầy chất nhạc, đến độ các em bốn, năm tuổi cũng rất thích lặp đi lặp lại.

Sự đồng cảm về ngôn ngữ có phần hạn chế nhưng bản dịch ít nhiều cũng gợi lên được phong cảnh, những công việc làm ăn hàng ngày ở một vùng quê Việt Nam. Chúng ta hy vọng tài năng của tác giả trong việc sáng tạo những hình tượng văn học, trong việc tạo ra sự sống động của các nhân vật. Không phải không được cảm nhận ở đây. Làm sao người ta có thể quên được quang cảnh những ngọn đèn trôi dọc bờ rào của những người đi học lớp xóa nạn mù chữ trong đêm tối, quên được những con gà trống ở Hòa Phước, con trâu Bình bước giữa ngàn sao, quên bà Hiên... Chúng ta hy vọng tính chất kín đáo rất mực tinh vi của những tình cảm bộc lộ trong câu văn sẽ được truyền qua bạn đọc. Chú Hai Quân bị lý trưởng đánh đòn buộc phải bỏ làng ra đi. Trước khi đi chú sửa lại tao nôi của đứa bé gái con của chú. Những lời từ biệt của Cục và Cù Lao được thể hiện qua tiếng hát của các cô lái đò xuôi Hội An. Lần chia tay thứ hai trái lại là một sự rút ra đột ngột vào lúc bến đò Hòa Phước nhộn nháo giữa chiến tranh. Và câu chuyện của Cục và Cù Lao cũng kết thúc ở đây.

Các độc giả phương Tây có lẽ sẽ ngạc nhiên trước bao nhiêu khía cạnh dân tộc của người Việt Nam. Chẳng hạn sự say mê xem hát tuồng của dân làng và vai trò quan trọng của sân khấu trong đời sống của họ, cảnh chạy trốn chiến tranh hay chạy trốn đói nghèo kéo dài suốt lịch sử đất nước Việt Nam qua bao thế kỷ đã từng tạo nguồn cảm hứng cho bao nhiêu bài hát dân gian.

Về phần tôi, tôi mong muốn trước hết được Cục và Cù Lao đưa lại cho chúng ta một sự hiểu biết nhiều hơn về một nước Việt Nam hầu như còn hoàn toàn xa lạ đối với người Pháp.¹

1987

¹ Tác phẩm "Quê nội" của nhà văn Võ Quảng đã được nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình văn học Việt Nam bình luận. NXB Kim Đồng đã có dịp giới thiệu những ý kiến đó. Trong lần xuất bản này, chúng tôi xin dành việc đánh giá tác phẩm "Quê nội" dưới cách nhìn của một người nước ngoài.

I

Sau ngày Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám, tôi thường thức dậy sớm. Khi thức giấc, tôi cứ tưởng mình như vừa chợp mắt, tai tôi còn nghe tiếng hô tập tự vệ của chú Năm Mùi:

- Tất cả quay bên phải! Bên phải là bên tay ta cầm đũa, nghe chưa?

Chị Ba tôi đang tập liền hỏi to:

- Tôi cầm đũa tay trái, tôi quay bên nào?

Chú Năm Mùi quát:

- Đây không phải việc cô giỡn đâu! Đây là việc quân! - Chú quát mắt, hô đúng là to:

- Nghiêm! Quay!

Tôi nằm nhớ lại từng động tác luyện tập của đội tự vệ, chợt con gà trống ở phía nhà bếp nổi gáy. Tiếng nó lạnh lạnh. Tôi biết đó là gà của anh Bốn Linh. Con gà này có bộ lông mã tía, cổ bạch, mào hạt đậu. Tiếng nó đồng dục nhất xóm. Nó thường làm tôi chú ý. Nó nhón chân, bước từng bước oai vệ, ức ưỡn ra đằng trước, có gan nhảy lên lưng trâu Bình, vỗ cánh phành phạch rồi gáy như thét vào tai trâu. Bị chó Vện đuổi, nó bỏ chạy. Đột ngột nó quay

lại nện cho chó Vện một đá vào đầu rồi nhảy phóc lên cây rác đứng nhìn xuống vẻ phớt lờ, nổi gáy như thách thức:

- Tao không sợ ai hết!

Sau gà anh Bốn Linh, gà của ông Kiểm Lài gáy theo. Tiếng của nó nghe khàn khàn làm tôi nhớ đến tiếng rao của ông thợ hàn nôi khi đi qua xóm:

- Ai hàn nôi không?

Con gà của ông Kiểm Lài hay bơi bẫy. Nó có bộ mã khá đẹp, lông trắng, phao to, mỏ búp chuối, mào cờ, hai cánh như hai vỏ trai úp, nhưng lại hay tán tỉnh lão khoét. Nó đến chỗ bờ tre mời bọn gà mái theo nó để nó đái giun. Bơi được con giun, nó lấy mỏ

kep bỏ ra giữa đất, kêu tục tục mời bọn gà mái đến xơi. Bọn này vừa xơi tới, nó đã nuốt chửng con giun vào bụng. Nó còn giả vờ nghênh cổ kêu oác như phân bua: "Ủa! Chớ con giun đâu mất rồi hè?" Bọn gà mái từng hừng nhưng vốn dễ tính nên bỏ qua. Nó còn ra nường bẻ bắp bị tôi bắt quả tang, xuýt chó cắn cho một trận. Chó vật mất túm lông đuôi. Một con gà trống bị mất túm lông đuôi trông cụt ngủn, đầu như bị chúc về đằng trước, nom hết sức buồn cười. Sau gà ông Kiểm Lài, gà bà Hiến nổi gáy theo. Nó phóng ra ba tiếng không đều nhau éc, e, e. Gà bà Hiến là gà trống tơ, lông đen, chân chì, giò cao, cổ ngắn. Tiếng nó gáy còn vương trong cổ, chưa ai mê được. Mấy lần tôi gặp nó nhảy tót lên cây rác thật cao phóng tầm mắt nhìn quanh như muốn mọi người hãy chú ý, nó sẽ gáy một hơi thật to, thật dài. Nó xòe cánh, nghênh cổ, nhưng rốt cục chỉ rặn ra ba tiếng éc, e, e cụt ngủn. Nó ngượng quá đỏ chín mặt, hấp tấp nhảy xuống đất. Gà thầy Lê Hảo, gà ông Tư Đàm, gà chú Năm Mùi cũng thi nhau gáy. Gà trong làng nổi gáy loạn xạ. Tôi nghe loáng thoáng gà ông Bốn Rì bán thịt chó ở dưới xóm, gà dựng Hương Thư và gà ông Hoạt ở ngoài vạn Hòa Phước cũng gáy theo. ạng Hoạt và dựng Hương Thư ở thuyền, nhốt gà trong một chiếc lồng tre, chiếc lồng treo bên mạn thuyền, nom xa giống như quả lựu đạn. Mỗi lần dựng Hương Thư rải thóc cho ăn bọn gà tranh nhau phóng cổ ra ngoài. Cái lồng bỗng nhiên mọc đầy mũi nhọn. ...n xong, những mũi nhọn đó lại thụt đi mất. Dựng Hương Thư mở lồng, bọn gà bay ra tứ tung, tiếng oang oác nổ ra inh ỏi. Chúng bay xuống đậu chỗ mé nước, có con nổi gáy năm ba tiếng.

Ông Hoạt đậu thuyền bên cạnh nhô cái đầu có búi tóc ra khỏi khoang, nói với dựng Hương:

- Giống gà rừng của anh tốt thiệt! Lần sau đi Dùi Chiêng nhờ mua cho một đôi. Tôi nuôi thien vài con ăn Tết.

Thật ra gà dựng Hương Thư không phải giống gà rừng. Chúng cũng là giống gà nhà. Dựng Hương thường mua gà ở trên rừng, xứ Dùi Chiêng, vì quê dựng trên đó!



Dưới nhà bếp, chị Ba tôi cũng thức dậy nhóm lửa. Bóng chị chập choạng trên vách bếp. Chị đang đưa tay vuốt tóc. Chị Ba vừa

cắt tóc ngắn. Các chị thanh nữ làng tôi, sau Tổng khởi nghĩa, đều cắt tóc ngắn, nói là để cắt đứt với phong kiến. Chị Ba cầm đèn bước lên nhà trên vứt cái yếm thao và khăn ăn trầu đem nhét vào gói mẹ tôi. Chị nói với mẹ là chị không dùng những thứ lạc hậu đó nữa. Chị đã mua thuốc cạo hết răng đen. Răng chị hóa trắng nõn. Mẹ tôi kêu lên, vẻ thất vọng: "Răng mày trắng, tao thấy như răng chó!" Chị Ba đưa cây đèn về phía tôi, gọi:

- Cục ơi! Trời sáng trắng rồi! Dậy đưa trâu đi ăn!

Tôi rướn người nhóm dậy bước ra chuồng trâu, mở dây mũi đưa con Bình đi gặm cỏ ngoài bờ sông.

Ra khỏi xóm, sao Mai trên trời đã bạc thếp. Bóng tối bắt đầu rời khỏi cây sung đầu làng. Một con chèo bẻo đứng trên nóc miếu bà Tầm đập cánh kêu mấy tiếng choẹt choẹt! Từ chỗ sân đình vang lên tiếng hô của đội tự vệ. Anh Bốn Linh làm đội trưởng có tiếng hô tốt lắm. Đây là đội tự vệ nòng cốt, chọn toàn những trai tráng khỏe mạnh trong làng. Buổi sáng sớm họ tập những động tác cơ bản, sau đó còn luyện nhiều miếng võ dân tộc. Anh Bốn Linh dạy luyện côn. Cây côn trong tay anh quay vun vút. Anh quát chúng tôi phải tránh thật xa, nhờ cây côn va phải thì đầu chúng tôi bay mất.

Tôi ngồi trên lưng trâu Bình ra đến chỗ cây bàng, tôi nhón người, bắt tay lên miệng làm loa gọi to: Hu hu, hu hu! Đó là hiệu lệnh của tôi ra quân, báo cho bọn chăn trâu trong xóm biết là tôi đã sẵn sàng "xuất trận" để chơi trò giật lá.

Về phần lũ trẻ cũng phải mau mau đưa trâu ra sông để đánh bại bọn chăn trâu xóm dưới. Chư tướng của tôi vừa nghe tiếng gọi liền trả lời bằng hai tiếng hu, hu! Như vậy có nghĩa là: Xin tuân lệnh!

Sau ngày cướp chính quyền, môn chơi giật lá ở quê tôi hóa thịnh hành. Chơi giật lá phải chia làm hai phe. Người tham gia giắt sau lưng một que dâu dài chừng bốn tấc. Phải xông ra giật cho kì được que dâu của đối phương. Đứa nào bị giật mất que dâu thì xem như đã bị chặt mất đầu, tức khắc phải nằm lăn ra, mặt úp xuống đất không được ngo nguậy. Bên nào bị chặt đầu nhiều nhất là bên đó bị bại. Tôi được phong làm nguyên suý. Không phải vì tôi đánh giặc giỏi mà vì tôi thuộc nhiều tích tuồng. Ở chợ Quảng Huế, gần làng tôi, có một rạp hát tuồng. Thỉnh thoảng chị Ba cho tôi hai xu để mua vé vào xem. Do đó tích tuồng tôi đều biết hết. Phe

chúng tôi có năm đứa, tôi gọi là năm tướng Ngũ Hồ. Tôi tự xưng là Triệu Tử Long. Dưới trần này tôi chưa thấy ai vừa đẹp vừa oai như vị tướng đó. Mặt đỏ như son, mắt sắc như gươm, xiêm giáp rực rỡ đủ màu, sau lưng còn cắm bao nhiêu cung tên cờ xí. Khi Triệu Tử Long bước ra sân khấu, tôi choáng ngợp vì vẻ oai phong凛冽. Bốn đứa khác, tôi cũng phong cho mỗi đứa một tên. Tướng Trương Phi có những cơn thịnh nộ khủng khiếp. Tướng Lưu Khánh biết bay trên trời như chim. Tướng Hạng Võ có sức mạnh vô địch. Tướng Quan Công vượt năm cửa ải chém sáu tướng của Tào Tháo. Tôi chống hai tay lên hông thét vào mặt bọn chần trêu xóm dưới:

- Hồi quân Tào tặc! Ta đây là Triệu Tử Long! Chỉ cái tên của ta cũng đủ làm bọn bay khiếp vía. Hãy mau mau giải giáp quy hàng thì ta tha chết!

Bọn chần trêu xóm dưới rống to không kém:

- Chúng bay là những thằng đui! Chúng tao là Lía đây. Không phải Tào tặc nào cả.

Một thằng mắt gườm gườm chỉ vào đầu của mình:

- Hãy xem quả chùy của tao đây! Nó nặng nghìn cân. Cho một chùy là bọn Ngũ Hồ chúng bay hồn về chín suối!

Thằng này chiến đấu khá lợi hại. Nó tên là Thân ở xóm chợ, có cái đầu trọc lóc. Khi xáp trận, nó liều mạng húc đầu vào bụng chúng tôi làm nhiều đứa ngã ỵch. Một thằng khác vỗ hai tay đánh đét, thị uy:

- Còn tao là Võ Tòng, Võ Tòng đả hổ đây! Tao từng nhai hổ nghe rau rầu. Sá gì những mèo ướm chúng bay!

Nói xong, nó nhón một chân, quay vòng, trề môi, méo mồm, điệu bộ phách lối đến cực độ.

Những đứa khác cũng nhảy ra phùng mang trợn mắt tự xưng mình là Cốt Đột, là Thiên Lôi. Có đứa còn xưng mình là quỷ Đầu Trâu, phen này chúng phải bắt cho hết bọn Ngũ Hồ đem làm gỏi ăn cho sướng. Tôi cố giữ nhuệ khí:

- Bọn bay là lớp sinh sau đẻ muộn, miệng còn hôi sữa, sao dám ngạo mạn với các tướng Ngũ Hồ chúng tao!...

Tôi nói chưa dứt lời, thằng Cốt Đột đã nhảy xổ ra. Nó làm điệu bộ như xách chiếc đèn soi vào mặt chúng tôi, cười hề hề đầy vẻ khiêu khích:

- Tưởng là Triệu Tử Long nào, té ra mày là thằng Cục! Nguyễn Văn Cục hái trộm ổi của ông Bảy Hóa là mày! Mày là thằng miệng hùm gan sứa. Bị chó đuổi, mày bỏ chạy vấp gãy một chân. Còn một chân tao vật hết lia chó gặm. Còn thằng này, mày không phải Quan Công Quan Kiết nào cả. Mày là thằng Kê có cái bụng chứa to như cái cối. Mày ăn thịt chó bị đau bụng kinh niên, nước da vàng như nghệ. Còn mày là Hạng Võ! Hạng Võ bị mọt² chùm bao, chân đi cà nhấc, sức không trối nổi con gà. Còn mày nữa - nó vừa nói vừa chỉ vào mặt Trương Phi - mày là thằng hỗn ăn, tọng bánh bèo nóng bị rụng hết răng cửa.

Hạ uy thế chúng tôi xong, nó hô to:

- Hồi chư tướng! Hãy xông lên chém đầu bọn Ngũ Hổ. Bọn chúng là phát xít Nhật đã bắn vào đồng bào ta ở ái Nghĩa hôm cướp chính quyền.

Tôi lấy hết gân cổ, cố giảng giải:

- Chớ nói bá láp! Bọn thằng Lía chết đòi tu huyết tu lai, còn bọn phát xít đang sống sờ sờ. Nếu chúng tao là phát xít thì làm sao đánh nhau với thằng Lía được?

Tôi chưa nói xong, bọn chúng đã ào lên như nước lũ. Phe tôi phải nghênh chiến. Thế trận diễn ra vô cùng ác liệt. Cát bụi trên bờ sông Thu Bồn tung bay mù mịt. Tiếng reo hò của ba quân dậy đất. Trương Phi gạt tất cả những đòn chùy lợi hại của thằng Thân đầu trọc. Có lúc bị ngã tênh hênh, một tay phải ôm quần, Trương Phi bỗng đứng lên vô cùng mau lẹ. Bọn giặc mất đà ngã lăn lông lốc. Hạng Võ đúng là một hổ tướng, biết giương đông kích tây dồn bọn thằng Lía vào thế bí. Nhưng Hạng Võ chỉ mới đánh vài ba hiệp, mồ hôi mồ kê đã đổ ra như tắm. Tôi ra hiệu cho các tướng Ngũ Hổ vừa đánh vừa rút lui. Đợi địch xông đến, chúng tôi rẽ ra hai bên, ép địch vào giữa. Bọn thằng Lía không đòi hỏi gì hơn vì chúng sẽ có dịp cắt các tướng Ngũ Hổ ra làm đôi. Chợt Trương Phi ngã quay lơ, chưa kịp đứng dậy, cành dâu vắt sau lưng đã bị cướp mất. Bọn thằng Lía reo hò:

² Nhọt. Mọt chùm bao: nhọt làm mủ lâu không lành.

- Trương Phi chết rồi! Hãy lấy đầu Triệu Tử Long. Đừng để nó múa mép!

Thằng Lía thét một tiếng to, ném người vào bụng tôi. Tôi chưa kịp tránh, hai cánh tay của Lía đã móc chặt ngang hông, quật tôi ngã xuống đất. Hai tay tôi giữ chặt que dâu sau lưng, hai chân đạp loạn xạ. Tiếng reo hò lại nổi lên:

- Hạng Võ nghèo rồi! Chặt lấy thủ cấp!

Tôi cố ngoi đầu nhìn lên. Cả Quan Công cũng đang giãy giụa. Quan Công đang bị quỷ Đầu Trâu đè ngang bụng lấy tay bóp cổ. Chỉ còn Lưu Khánh lạch bạch đang bỏ chạy. Tình thế rất khó chuyển bại thành thắng. Việc thua trận của phe Ngũ Hổ đã hiển nhiên. Trong năm tướng Ngũ Hổ thì Trương Phi và Hạng Võ đã bị mất đầu, các tướng còn lại cũng sắp bị chặt mất thủ cấp.

*
* *

Chợt không hiểu vì sao thằng Lía đang vít chặt lấy tôi bỗng buông tôi ra. Nó đứng phắt dậy, nhìn nhìn rồi ba chân bốn cẳng bỏ chạy. Có tiếng kêu to:

- Chúng bay ơi! Có thằng mọi biển! Mau ra coi!

Bọn Cốt Đột, thằng Lía, bọn Thiên Lôì bỏ chạy. Trương Phi, Hạng Võ, Quan Công bỗng đứng lên. Tất cả chạy đến vây quanh một thằng mặt mày nom kì dị. Nó có cặp mắt xếch, nước da nó đen thui. Chừng bao nhiêu tuổi, tôi không đoán được. Có thể mười tuổi, có thể mười hai, mười ba tuổi gì đó. Nó gầy đét. Đầu nó đội cái mũ giống chiếc mũ nôi, đủ màu xanh đỏ từng khoanh ghép lại. ở làng tôi cũng có những người ở Sài Gòn, Lục Tỉnh về. Họ đội nhiều cái mũ nom rất lạ. Nhưng tôi chưa hề thấy một chiếc mũ nào lại có nhiều màu sắc sặc sỡ như vậy. Bọn trẻ đứng vây quanh, đi qua đi lại - dòm dòm ngó ngó như những láì mua trâu. Một đứa chợt nói toạc:

- Đen quá hè!

Tất cả nổi cười ồ. Một đứa hỏi:

- Tên mày là chi?

Thằng lạ mặt đứng lặng thinh. Nó hơi núng vì thấy đứa nào cũng có vẻ hung tợn. Sau cuộc chơi giật lá, mặt mày bọn chặn trâu đang đỏ lửa phừng phừng.

Chợt thằng Thân ở xóm chợ nhảy ra:

- Tên là Cù Lao đó!

Nó huơ tay ra sức giảng giải:

- Nó ở xứ cù lao Chàm ngoài biển Đông.

Tên nó cũng Cù Lao, tên mới dị chứ! Nó về đây hôm qua. ở xứ biển Đông có con cá ạng to lắm, bằng cái đình vậy! Khi đông tố, ghe thuyền bị chìm. Người ăn ở có hậu đã có ạng cống vào, không chết đâu mà sợ. Khi ạng chết, trời cũng mịt mù...

Thân đầu trọc còn định nói dài nữa, nhưng đứa khác đang nóng ruột muốn hỏi thằng Cù Lao.

- Phải vậy không? Có phải tên là Cù Lao không?

Thằng lạ mặt bước thụt lui hai bước, quay lưng đi về phía bờ cây bã đậu. Nó quay lại nhìn nhìn rồi co giò bỏ chạy. Bọn chặn trâu nổi cười ồ.

Thân đầu trọc nói át tất cả:

- Nó ở dưới biển Đông. Biển Đông là chỗ mặt trời mọc. ở đó gần mặt trời, nước nóng lắm!

- Hèn gì! Mặt trời đốt nó cháy đen thui. -Một thằng vừa nói vừa gật gù như vừa khám phá một điều bí mật.

Tất cả những đứa khác cũng gật gù theo. Thân đầu trọc càng quả quyết:

- Tao xem đi xem lại, thằng đó cũng là mọi biển. Mọi biển thằng nào cũng đen như đất trã. Mọi núi cũng đen. Bọn ở cao càng đen, vì gần mặt trời. Mọi cao có giống có đuôi. Chúng có một thứ "ngải" kinh lắm!

Nó kể lại một lần đi theo cha nó lên nguồn gặp mọi có đuôi biết bỏ ngải. Bị bỏ ngải là bỏ xù! Cái bụng sẽ phình lên, to mãi, căng mãi rồi, đoàng! Bụng nổ như pháo cối, ruột gan văng tung đi hết...

Nhưng chuyện bụng nổ như pháo cối không hấp dẫn bằng chuyện cái đuôi. Một thằng hỏi:

- Nhưng tao muốn hỏi cái đuôi đó mọc chỗ nào? Có phải mọc chỗ này không? - Vừa hỏi nó vừa sờ vào chỗ mông của thằng đứng bên cạnh. - Nó to hay nhỏ, giống cái đuôi lợn lảng quăng hay cái đuôi trâu? Như vậy nó cứ cộm, làm sao ngồi đặng?

Thân đầu trọc giờ ngón tay út:

- Bằng cái lông tay này nè. Ghế ngồi đều phải đực một cái lỗ trống.

Một vài đứa tiếc rẻ là lúc nãy quên xem thằng mọi biển có cái đuôi hay không?

Thân đầu trọc quả quyết:

- Làm gì có đuôi! Nhưng nó biết uống nước bằng lỗ mũi, uống được nước mặn!

Một thằng ở xóm dưới bỗng nổi cười lăn cười lóc:

- Bay nè! Tao gặp nó ngoài chợ. Ai đời, hi hi! Cái "dung" đây cái nôi mà nó nói là cái vung. Cái trã nó gọi là cái trách. Có trách mọc ai đâu. Hi, hi! Nó nói với bà bán nôi: Bán cho tôi cái vung để đây cái trách. Bà bán nôi chịu chết, không biết nó nói cái chi chi, hi, hi! Đi "dề" nhà, nó nói đi huề nhà, hi hi! Nó uống nhiều nước mặn nên bị cứng lưỡi! - Nói đến đây nó ngã lăn xuống đất, ôm bụng cười rũ rượi.

Một đứa khác phụ họa:

- Nó chẳng biết mọc gì cả. Hôm qua tao lại chỗ nó. Nó lấy tay đánh đập, đập chết con muỗi. Nó lượm con muỗi đem ra sân ngắm nghía như một con gì lạ. Thấy người ta ăn nhộng, nó sợ mất máu. Nó nói là ăn sâu.

Một thằng khác chép miệng tiếc rẻ:

- Úy! Nhộng ngon vậy mà không biết ăn!

Nó ăn cái chi?

- Tao thấy nó mua đường với mắm cái. - úy mẹ ơi! Kinh lắm! Ăn đường với mắm cái phải oẹ ra hết.

Một vài đứa khác nhổ rồi nôn oẹ như chính mình vừa ăn đường trộn với mắm cái.

- Thấy con ngỗng, nó không biết con chi.

Gặp trâu nó tránh xa, giương mắt ếch. Nó nhát như cáy. Gặp nó, tao thét một tiếng, nó hoảng cái chơi!

Một đứa đây về quan trọng:

- Tao xem thằng này dị tướng! Nó lại ở xứ biển Đông, chỗ mặt trời mọc. Thầy Lê Hảo nói phát xít Nhật cũng ở chỗ đó. ở cùng một chỗ, chúng phải quen nhau - Nó hạ thấp giọng - Phải coi chừng mới được!

Đến đây không khí bỗng đổi khác. Đứa nào cũng hóa nghiêm nghị tưởng như mặt thám Nhật đã đột nhập vào sông Thu Bồn. Một đứa nhìn khắp chung quanh:

- Phải báo ủy ban bắt quách!

*
* *

Trưa hôm đó, đưa trâu về nhà, tôi thuật lại với chị Ba tôi vừa gặp một thằng mọi biển. Tên nó là Cù Lao, ở ngoài cù lao Chàm mới về. Thấy chị Ba nghe có vẻ chăm chú, tôi càng nhấn thêm một vài chi tiết có vẻ giật gân. Nào là thằng Cù Lao đó trông rất gớm ghiếc. Nó biết uống nước bằng lỗ mũi. Cặp mắt nó con nhỏ con to cứ lăm lét. Chị Ba nghe xong xì một tiếng:

- Làm gì có mọi biển mọi núi! Họ cũng là người như ta cả. Thằng Cù Lao đó là con của chú Hai Quân. Chú Hai Quân ở ngoài cù lao Chàm về đây hôm qua. Trước kia bị lí trưởng đánh, chú bỏ làng đi mất. Chú cùng họ với nhà mình, chú của anh Bốn Linh đó. Chú có đứa con trai, chắc là thằng mày gặp. Chúng mày ma cũ chớ ăn hiếp ma mới. Chớ bịa đặt những chuyện bậy bạ!

Cách nói của chị Ba có một cái gì quả quyết làm tất cả những điều tôi tưởng về thằng Cù Lao bỗng tan ra mây khói. Chị Ba bảo tôi đi xúc ngô ra giã. Tôi xách mủng leo vào cót xúc một mủng bắp đổ vào cối. Chị Ba hứa sẽ làm món ló bắp. Nghe vậy tôi giã càng nhanh. Chợt chị Ba ra hiệu bảo tôi dừng chày:

- Im để nghe thử!

Hình như có tiếng ai khóc. Tôi dừng chày lắng nghe. Rõ ràng có tiếng kể lể từ phía nhà anh Bốn Linh đưa lại. Chị Ba gác chày lên cối, bỏ chạy. Tôi vút chày chạy theo.

Trước nhà anh Bốn Linh, bọn trẻ con đang nhón nháo. Trong nhà có tiếng khóc ồ ồ và tiếng kể lể:

- Ôi trời ơi! Chị chết đi bỏ một mình anh ở lại... sống một ngày dương gian bằng nghìn ngày âm phủ...

Quái! Chị Bốn Linh hôm qua bị cảm đã nhờ chị Năm Như cào xông. Sau đó lại làm thêm mấy bát cháo hành. Không nhẽ chị Bốn lại đành bỏ anh Bốn về với ông bà đột ngột như vậy? Tôi nhìn quanh trong nhà cũng chẳng có ai nằm im đắp chiếu, cũng chẳng thấy có cỗ áo quan nào cả. Bác úc ngồi xếp hàng trên phản cười tủm tỉm. Thầy Lê Hảo cười hà hà. Chú Năm Mùi cười hì hì. ạng Bảy Hóa cười như người ta ho khặc, khặc! ạng vừa cười vừa vuốt râu ra bộ khoan khoái lắm. Bộ râu của ông Bảy vừa rậm vừa dài tỏa xuống đến rốn. Xem điệu bộ ông vuốt râu, người ta tưởng ông còn muốn kéo râu ông dài đến đất. Một người lạ mặt, tóc hoa râm ngồi cạnh bác úc. Tiếng khóc và tiếng kể lể nổi lên:

- Ôi chị Hai ôi! Anh Hai đã về đó mà chị đi đâu?...

Thì ra bà Hiến đang ngồi khóc. Bà là người khóc to nhất. Chị Bảy Có, chị Năm Như ngồi chung quanh cũng thút thít. Tôi rất lạ là trong lúc các bà đang khóc lóc thì bên nam giới lại cười nói ồn ào. Từ nhỏ đến lớn, tôi chưa hề thấy một cảnh vừa cười vừa khóc như vậy. Trong những hội hè đình đám tất cả đều uống rượu, ăn thịt, đều cười hề hả, không ai khóc.

Tôi cũng có đi xem những đám ma, nhiều đám to lắm, cũng chỉ thấy người ta khóc. Nếu không khóc cũng làm ra vẻ buồn, chẳng có người cười người khóc bao giờ cả. Bà Hiến nắc lên: - Khi anh Hai bỏ làng ra đi thì chị Hai cũng đi biệt tích. Chị em thương nhau từ thuở ẵm chõm. Con rận, con chí cũng cần làm đôi, không nhớ không thương sao được!

Ông Bảy Hóa lại vuốt râu dài cười khặc khặc:

- Ôi cái bà này! Trước đây anh Hai bị đế quốc phong kiến áp bức, cực chẳng đã phải bỏ làng ra đi. Nay Cách mạng lên rồi. Đất đã lành thì chim phải bay về đậu. Anh Hai về tìm lại quê cha đất tổ, bà con ta phải mừng chứ làm răng bà lại khóc? - Ông bắt chước cách nói lối của hát tuồng - Anh Hai giận làng ra đi, bỏ chị Hai ở lại. Ra ngoài cù lao Chàm lại lấy được một bà khác. Bà sau sinh được một cậu quý tử. Thật là hạnh ngộ!

Ông Bảy Hóa đưa mắt nhìn quanh. Chợt ông chỉ tay vào chỗ góc cột:

- Có phải nó kia không?

Tôi nhìn theo ngón tay chỉ của ông Bảy

Hóa. Thì ra thằng Cù Lao đang đứng nép sau góc cột.

Ông Bảy Hóa đưa tay vẫy vẫy:

- Ra đây. Mày ra đây để bác xem cái tướng mày ra sao? á chà! Trán cao, mắt xếch, tai xừng, đường đường như Lục Vân Tiên. Lại đen thui đen thui! úy, có cái mũi khéo đã hung! Cho bác mượn bác đội một chút cho sướng.

- Ông quay về phía người lạ mặt: - Nè anh Hai, đã về đến đây, anh để cho em nó ăn mặc chi lạ vậy? Quần dài không ra quần dài, quần xà lỏn không ra quần xà lỏn. Phải sắm cho em nó một bộ đồ tây, có cái ca-vát hằn hoi, đội cho nó cái mũ phớt, ngó mới được!

Thằng Cù Lao mắc cỡ lại thụt vào sau góc cột.

Ông Bảy Hóa cười to:

- Con trai sao lại thậm thà thậm thụt làm vậy! Phải can trường lên chứ! Lục Vân Tiên tuổi vừa đôi tám đã đánh được bọn lâu la. Về đây, nên dùi mài kinh sử. Cách mạng đã thành công, phong vân ta đã gặp hội!

Ông Bảy Hóa quay sang phía thầy Lê Hảo:

- Sẵn đây có thầy Lê Hảo, anh Hai nên nhờ thầy lo bề đèn sách cho em nó. "Danh con đặng rạng thì tiếng thầy đồn xa" đó thầy!

Anh Bốn Linh ở dưới nhà bếp bước lên nói liền theo:

- Tôi phải lo cho nó học tập cái đã. Chú tôi về được đây, ông chẳng phải lo cái chi cho mệt. Mất cha còn chú. Chú cũng như cha. Vợ chồng tôi sẽ lo hết cho chú. Chữ hiếu trung bọn này giữ trọn.

Ông Bảy Hóa khếch khếch to hơn:

- Vậy mới phải đạo chứ! Tôi còn muốn hỏi, vậy cái khoản mừng anh Hai về làng, anh chị Bốn định sao?

- Trưa nay tôi có con gà, làm bữa qua loa.

Mời ông Bảy ở lại với chú tôi cho vui, không mấy khi hai ông gặp lại. Ngoài chuồng, tôi còn con heo. Tôi bảo mẹ Bốn thúc cho nó béo ú ừ rồi mời bà con đến cầm... chén rượu!

Dưới nhà có tiếng gà bị bắt kêu oang oác. Chợt con Vện nhà anh Bốn Linh sủa ran.

Con Vàng nhà tôi cũng sủa. Chó nhà bà Hiến sủa rộn lên. Ông Kiềm Lài bên hàng xóm chạy qua, chú Năm Mùi, dượng Hương Thư, ông Bốn Rì ở xóm dưới chạy đến. Ông Kiềm Lài vừa bước vào cửa đã oang oang:

- À anh Hai! Anh về đó hả? Anh giận có người, chớ sao lại giận cả bà con, bỏ đi biệt tích. Sáng nay anh về... Hèn gì con chim khách cứ bay qua bay lại kêu choẹt choẹt. Tưởng có khách lạ. Té ra anh Hai về.

Ông Bảy Hóa về râu:

- Sáng nay tôi cứ hắt xì, hắt xì, đoán có điềm lành. Hóa ra thật!

Bác úc cười:

- Bữa nay mà ông Bảy còn nói chuyện mê tín. Sách của ông Bảy cũng phải đốt đi.

Ông Bảy nửa đùa nửa thật:

- Thế tôi xem tướng có sai không nào?

Khi anh Sáu còn bị đế quốc làm tù, tôi xem tướng biết cái hậu vận của anh sẽ làm ông lớn. Nay nghe nói anh làm đến chức gì rồi đó! Có đúng không nào?

Ông quay sang phía chú Hai Quân chỉ vào cái cằm của chú:

- Theo sách tướng, người có cái cằm dài và nhọn như thế này thì cả đời lao khổ. Nhưng được một cái thượng đình³ bằng bằng như anh Hai thì hậu vận về sau phú quý.

Bác úc cười to hơn:

- Nước nhà độc lập, rồi đây ai chẳng phú quý. Đoán như vậy cũng chẳng khác chi thầy bói "đoán cho một quẻ trong nhà, vợ chú đàn bà chẳng phải đàn ông".

³ Phần trên của mặt.

Mọi người cùng cười. Bà Hiến nín khóc cười theo:

- Còn cái hậu vận của tôi nè?

- Bà hử? Bà có hai tai to, hai má bầu bầu. Như vậy tướng bà đúng là tướng phật. Tiên phật ra đời phải nể đủ mùi cay đắng. Đức Quan âm cũng vậy, phải chịu hết oan khiên. Đá thử vàng gian nan thử sức, sau đó mới ngồi được trên tòa sen. Bà từ nhỏ đến già, không nơi chui rúc. Nhưng nhờ cái hiếu trung giữ trọn nên đã đến lúc... thái lai. Vài ngày nữa bà có một gian nhà mới, có hai trái tám cột đằng hoàng!

- Phải chịu thầy coi tướng giỏi! ủy ban đã cấp đủ tranh tre kèo cột. Đợi vài bữa sẽ có nhà mới.

Tiếng cười như pháo nổ. Ai cũng muốn hỏi chú Hai rất nhiều chuyện, mời chú Hai về nhà mình chơi. Cho đến lúc chị Bốn Linh nhắc chồng quét bàn để dọn cơm, mọi người mới lần lượt giải tán.

II

Chú Hai Quân là người làng Hòa Phước, nằm trên bờ sông Thu Bồn, hình thế giống như một con rùa nằm cạnh bờ bể. Bể đó là một rừng dâu xanh.

Chuyện kể lại rằng:

- Lúc khai thiên lập địa, trời đất còn hỗn mang, chưa có sông Thu Bồn. Tất cả nguồn nước không chảy về phía đông mà cứ chảy loanh quanh ở phía tây, vì ở đó có con giao long khổng lồ hút hết nước. Thuở ấy thần Mưa tính hay lơ đãng, có lúc quên cả những việc có thể gây ra cái chết cho cả trăm loài. Một năm thần Mưa quên gọi Mây tưới nước xuống phía đông, gây ra những cơn hạn hán khủng khiếp. Ao hồ cạn nước, cây cối khô queo. Lưỡi lửa suốt ngày cứ bập bùng. Loài biết bò và loài biết bay, loài có râu và loài không râu đều cháy ra tro bụi. Hồi đó trên non cao có một vị thần tên là Thượng Ngàn. Ngài cao to khác thường. Người đời phải có tầm mắt thật xa mới nhìn thấy được ngài trong ráng chiều lộng lẫy. Ngài hay qua lại giữa khoảng trăng sao. Một hôm nhìn về hướng đông, biết có cơn hạn lớn, ngài vội vã đi tìm con giao long hút nước. Ngài nhổ sẵn nhiều cụm núi rồi đứng đợi. Giao long vừa há mồm, ngài lập tức tọng nhiều quả núi vào họng nó. Nó giãy lên làm núi non ào ào sụp đổ. Một phen đất chạy đá bay! Giao long bị quật chết, ngã sòng sượt, xương xẩu nanh vuốt của nó chất thành núi như núi Mĩ Yên, núi Lập Thạch trùng điệp và lởm chởm đến vài mươi dặm, hiện nay còn thấy. Nước không bị giao long hút cứ tràn ra. Vị Thượng Ngàn phải chẻ núi, vạch nguồn Chiên Đàn, nguồn Thu Bồn, và nguồn ọ Da. Tất cả ba nguồn Chiên Đàn, Thu Bồn, ọ Da ngài cho nhập lại thành một con sông to. Đó là sông Thu Bồn ngày nay. Sông Thu Bồn chảy đến Văn Li, ngài Thượng Ngàn cho chẻ ra làm đôi như đôi tay ôm lấy khu Gò Nổi. Vị Thượng Ngàn còn vạch dọc theo bờ bể sông Trường Giang, sông Tam Kỳ, sông Bầu Bầu... Ngang dọc chỗ nào cũng có sông, có nước, đủ cho dân cư nảy nở.

Nhưng việc mới lại đẻ ra.

Dân cư trên sông Thu Bồn hóa đông đúc. Số người đẻ ra nhiều thì số người chết không ít. Nhà cửa dưới âm phủ ngày càng thấy thiếu, mọi việc trở nên phiền phức. Vua Diêm Vương thấy cần thiết phải xây dựng thêm nhà cửa và cung điện. Ngài sai bọn Hà Bá mang theo bọn Thuồng Luồng, Bạch Tuộc lên nguồn đốn gỗ. Chúng ngược sông Thu Bồn, hô mưa gọi gió gây ra những bão táp dữ dội, vật hết gỗ tốt.

Vị Thượng Ngàn phải đánh trả. Ngài nhổ những núi to ném xuống. Bọn thủy quái chết có hàng triệu, thây đặc cả nước. Núi rơi loạn xị cấm xuống đất, có hòn cao ngất như Núi Chúa, núi Cu Đê, núi Phò Nam. Có hòn làm thành những hình thù kì quái: Hòn Nghê giống như con sư tử đứng chồm ra biển, cụm Ngũ Hành Sơn giống như năm ngọn tháp chọc trời xanh, núi Quắp giống như một cái vuốt hổ, dãy Phò Nam giống như đàn cá kinh vùng vẫy...

Như vậy sau những cuộc chiến đấu ác liệt, núi cũng như sông ở quê nội của thằng Cù Lao đã hình thành, hiện nay còn nguyên như cũ.



Câu chuyện vẫn tiếp tục.

Nhờ những trận đánh trả quyết liệt của vị Thượng Ngàn, nhân dân đã sống sót. Nhưng sau trận lụt bão, nạn dịch tả lại hoành hành. Một năm bệnh đậu mùa làm người chết như rạ. Viên quan dưới âm phủ lo về nhân thế bộ không ghi hết danh sách. Một số cô hồn phải ở lại trần gian. Chúng nổi lên phá phách, bắt mọi người phải cúng lễ. Một số thay đổi hình dạng. Có lúc chúng biến thành chim, thành cá hoặc hóa thành những ông già, hoặc những người bạn thân thiết. Có người đang ngồi nói chuyện với một người bạn, chợt người bạn đó hóa thành hai, giống nhau như đúc. Người nào cũng cho mình là bạn thật, làm không biết đâu là thật, đâu là giả. Bọn ma quỷ gieo rắc hoang mang giữa bạn bè, anh em, cha con. Cuộc sống bị đảo lộn. Vừa lúc đó có một vị đạo sĩ ra đời. Ngài biết con đường đi vào trăng sao và con đường đi vào lòng người. Do đó thật hư ngài đều hiểu rõ. Ngài cầm chiếc quạt nan, mặc áo vải, đi chân đất, nhưng đến đâu bọn ma quỷ đều khiếp sợ. Vị đạo sĩ dùng bùa chú, tập hợp các loại âm hồn giảng giải:

- Ta không hiểu sao các người cứ làm tổn hại đến sinh linh. Nếu người sống còn lại ít thì tất nhiên việc lễ bái cũng sẽ ít đi. Số chết đi biến thành ma quỷ ngày càng đông, thì cái ăn của các người càng bị thiếu. Cái ăn càng thiếu thì dễ sinh làm bậy. Ta khuyên các người nên tập hợp lại, làm giấy khai với Diêm Vương để xin hóa kiếp. Kẻ vì việc nghĩa phải chết, đầu thai làm bậc thánh hiền hoặc làm thành cây tùng cây bách đũa reo với gió. Kẻ vô tội sẽ hóa kiếp làm người đi cày đi cấy. Kẻ phạm tội sẽ đầu thai vào muôn loài điều thú, tự tìm lấy mà ăn, ung dung ngày tháng. Có cần gì phải làm điều phi nghĩa. Ta có thể tâu với Nam Tào giúp các người làm việc đó. Nếu các người trừ trừ, sẽ mang lấy họa!

Bọn ma quỷ nổi lên hú hí om sòm. Rốt cục chúng chia làm hai phe: một phe đi đầu thai hóa kiếp, một phe chúng nào tạt ấy cứ phá phách trong nhân dân. Vị đạo sĩ luyện tay ấn, dùng bùa phép dồn chúng lại ở những nơi ho-ang vắng. ở quê tôi, bọn cứng đầu cứng cổ đó bị nhốt lại ở chòm đá Lí. Đó là một mảnh đất hoang có nhiều cây đa âm u cao vút. Gốc đa sù sì đầy hang hốc, cành đa cao to, lông lá cheo nhau thành một vòm kín mít. Chốc chốc vài quả đa rơi lộp độp. Có tiếng rào rào như có ai đang nhảy nhót trên cao, kẻ bạo dạn nhất qua đây cũng phải co giò bỏ chạy. Vào lúc trời hửng sáng hoặc lúc có mưa lâm thâm, có người đã thấy bọn quỷ Bạch Thổ Năm Nanh ngồi đu đưa trên cành cây vừa ru con vừa chải chấy, tóc xoắn dài tới đất. Ai chẳng may nhìn thấy chúng đều bị nổ mắt hoặc phải hộc máu trào com. Trước ngày Tổng khởi nghĩa, đêm đêm những ngọn lửa ở đó cứ chập chờn, lúc phụt tắt như ma trời trông rất ghê sợ!

Vị đạo sĩ dẹp xong bọn ma quỷ, nhân dân yên ổn làm ăn. Lúc đầu họ chỉ biết trồng ngô và cấy lúa. Một hôm có vị tiên nữ tên là Tây Lăng đang đi du sơn du thủy, chợt thấy trước mắt phong cảnh hữu tình. Đó là con sông Thu Bồn giống như dải thắt lưng của tiên nga múa lượn. Hoa màu trải ra như gấm vóc. Nhớ đến cảnh những nàng tiên ngồi quay tơ ca hát, bà Tây Lăng nghĩ nên bày cho nhân dân ở đây trồng dâu và nuôi tằm. Nhờ bà Tây Lăng, bãi dâu dọc sông Thu Bồn trải ra xanh ngát. Tiếng thoi reo vui, lụa phơi óng ánh. Dân vùng tôi lập miếu thờ bà. Hai chữ Tây Lăng hơi khó nhớ nên mọi người đều gọi là Bà Tằm. Hôm nào cúng tế, miếu Bà Tằm mở cửa. Lệ làng cứ ba năm một lại tổ chức hát hội để tế bà. Đó là những ngày hội lớn, không có vui nào sánh với cái vui đó được!

*



Khi chú Hai Quân ra đời rồi lớn lên, chú thấy đã có miếu Bà Tầm dựng lên thuở nào không biết. Cũng đã có sông Thu Bồn, có chòm đa Lí. Trời đất bốn mùa vẫn thay đổi. Mùa xuân dâu non xanh mướt. Cũng là mùa tầm tơ rộ rịp. Mùa hè bãi dâu chuyển màu xanh đậm. Nắng to. Đất nứt. Đồ nẻ. Vùng nổ. Cho đến tháng chín trời bỗng âm u, rồi những cơn mưa tối đất. Con sông Thu Bồn duyên dáng bỗng phình to vùng lên gào thét, giống như con bạch tuộc giương những vòi dài vào các làng xóm, chìm tất cả xuống nước. Giữa dòng nước cuộn cuộn đục ngầu, những cây to bị vật, kết bè trôi xuôi vun vút. Chú Hai tin đó là Diêm Vương sai bọn Hà Bá lên nguồn vật gỗ đem về làm cung điện. Chú Hai lớn lên, biết trồng dâu nuôi tầm. Chú Hai tin là ở trên trời chỗ xanh xanh kia có các vị Thượng Đế đã định trước số mệnh con người. Chú Hai lớn lên lấy vợ. Hai năm sau chú sinh được một bé gái đầu lòng. Và sau khi mặt trời mọc ở phương đông và lặn ở phương tây ba trăm sáu mươi lần thì bé gái của chú cũng vừa tròn một tuổi. Vừa lúc đó làng tôi có tổ chức hát bội ở miếu Bà Tầm. Cả làng bỗng rộn lên, cái vui không biết để chỗ nào cho hết. Trẻ con đứa nào cũng hóa nhanh nhẹn. Người lớn động viên: - Làm cho giỏi đi! Tao cho đi xem hát bội!

Những đứa lì lợm nhất cũng hóa nhanh chân nhanh tay, mọi khó khăn đều vượt được tuốt. Một thiên đàn sắp mở cửa.

Chó sủa gâu gâu như đoán biết một ngày hội to sẽ mở. Lợn đang ngủ trong chuồng bỗng bị gậy thọc vào bụng bắt đứng dậy để xem được bao nhiêu mỡ. Trâu cũng nhón nhác lo cho số phận của mình. Quán thịt chó bắt đầu dựng. Bọn cờ bạc mang thùng mang đĩa kéo đến. Ngoài đình tiếng lợn rống, tiếng trâu bò bị chọc tiết âm ò. Dao mác chặt xương nghe lóc cóc. Đến lúc đào kép tề tựu thì cái vui lên đến cực độ.

Chú Hai Quân cũng háo hức như mọi người. Chú thuộc vào hạng giáp phe trong làng, nên càng phải làm việc tới tấp trong ngày lễ hội. Ông xã gọi, ông hương kêu, chỉ dạ dạ vâng vâng cũng không kịp. Ông bảo đảng này, ông sai đảng nọ, mọi việc càng thêm rắc rối. Đêm đầu, làng hát tuồng Ngũ Hồ bình Liêu, hôm sau hát tuồng Sơn Hậu. Chú Hai ngồi bầm thịt, bụng dạ cứ để đâu đâu. Người lại người qua bên cạnh luôn luôn tán thưởng:

- Ôi chà chà! Vai Đồng Kim Lân hay nổ trời nổ đất!

- Thăng Côi tài quá! Tuyệt diệu! Tuyệt diệu!

Trống châu giục giã. Loáng thoáng một vài câu hát nam hát khách từ rạp đưa sang. Chú Hai biết đó là lớp Đồng Kim Lân và Khương Linh Tá thử lòng trung nghĩa của Tử Trình. Đó là lớp Đồng Kim Lân chém tên cai ngục để đưa bà Phi bé con chạy thoát.

Tiếng trống châu càng dồn dập. Phạt đang ngồi trên bàn cũng phải nhảy xuống đi xem. Chú Hai chịu không được nữa, buông con dao chạy sang rạp hát lúc nào không biết.

Người xem không chen lọt. Chú Hai trèo lên một cành cây thả người xuống mái rạp, vạch tranh dòm xuống. Trên sân khấu, một tướng mặt đỏ, mắt sắc, đầu đội mũ văn có cắm hoa đỏ, mặc áo có rồng thêu, chân đi hia, tay cầm giáo đầy vẻ uy nghiêm. Đó là Đồng Kim Lân đang phò bà Phi chạy trốn. Bà Phi trong bộ đồ tang màu trắng, tay ẩm hoàng tử vừa lọt lòng mẹ. Đồng Kim Lân giục:

- Xin bà rời chỗ chết, mà lên ngựa cho mau!

Đồng Kim Lân đỡ lấy hoàng tử, ẩm hoàng tử vào lòng, trao cho bà Phi cây kiếm. Đồng Kim Lân mời bà Phi lên ngựa: - Chờ khi nguy biến, ngăn bọn tặc binh, bà kíp thượng trình, đêm thời đã đến!

Đồng Kim Lân cũng lên ngựa rồi hát câu nam chạy:

- Đêm đến mau mau tị nạn. Nát gan vàng đòi đoạn chua cay!

Bà Phi hát tiếp:

- Mấy phen trời đất đổi thay! Càng cao danh vọng càng dày gian nan.

Cả rạp rào rào. Tiếng trống châu dồn dập. Đồng Kim Lân vượt qua ải. Đêm tối trập trùng. Chợt bà Phi bị lạc mất. Khương Linh Tá, bạn sống chết của Đồng Kim Lân vừa sa cơ bị giặc giết. Trên tay Đồng Kim Lân, hoàng tử khát sữa nổi khóc. Bọn giặc hò hét đuổi sát sau lưng. Đồng Kim Lân bị lạc giữa rừng sâu, đêm tối mịt mù không tìm ra phương hướng. Bỗng một cơn gió thổi, rồi một ngọn đèn bông chập chờn bên khe núi. Đó là hồn của Khương Linh Tá vừa hiện lên:

- Em đây là Khương Linh Tá!

Xưng tên xong, Khương Linh Tá chỉ về phía trước:

- Không quên lời thề ước, chân trời góc bể phải có nhau. Giặc đang đuổi gấp. Nhắm thành Sơn Hậu khá đi mau!

Đồng Kim Lân bàng hoàng hỏi:

- Tôi vừa chôn anh đó, vậy trần gian âm phủ xa cách thế nào?

Chú Hai Quân bị hút theo Đồng Kim Lân đang gập ghềnh bước theo bóng ma của Khương Linh Tá. Đồng Kim Lân hát:

- Vin cây, leo đá ngại gì. Đèn soi chính nghĩa, non ghi cảnh tình!

*
* *

Chợt chú Hai Quân nghe có ai nắm chân kéo. Chú với tay không kịp, ngã quay xuống đất. Chú nổi quát:

- Chơi cái mả tổ bay hả?

Chú chưa dứt lời thì hai bạt tai nẩy lửa văng vào mặt chú. Chú Hai nhào sấp xuống đất, la to:

- Bớ làng! Bớ làng! Du côn đánh tôi!

Đốp, đốp! Những bạt tai khác nện vào mặt, vào tai túi bụi:

- Á! Tao là du côn hả! Mày chửi tao là chửi tiên sư làng này.

Chú Hai cố mở mắt. Thằng lí trưởng mặt đỏ như lửa, quát:

- Việc cúng tế, việc trên đầu trên cổ. Mâm cúng chưa xong, mày dám đi mất. Gọi mày xuống, mày chửi. Dân đâu! Trói nó lại! Căng nó ra giữa đình cho tao!

Nó chỉ vào bọn thủ hạ, gầm lên:

- Trù trừ gì? Mau lên!

Bọn thủ hạ xông vào. Chú Hai la làng inh ỏi:

- Bớ làng! Xã Cống giết tôi! Bớ làng...

Chú vừa thét vừa đâm đá, giẫy giụa. Bọn anh em xã Cống ập lại vật chú ngã xuống, đè lên người, cõng dây thắt lưng trói quặt hai cánh tay và hai chân chú lại.

- Bớ làng bớ xóm! Cứu tôi với! Nó giết tôi rồi! Tổ cha mày!

Thằng xã Cống chạy rút chiếc roi mây, quất tới tấp:

- Chửi này! Chửi này! Phản này! Nghịch này!

Chiếc roi trên tay xã Cống đã nát. Quần áo chú Hai rách bươm, khắp người rớm máu. Xã Cống vút roi, đi thẳng vào rạp hát, cầm dùi đánh châu bảo cứ tiếp tục hát.

Khắp sân đình người đổ ra đông như kiến. Họ dón dác gọi nhau, chen lấn, xô đẩy, cố xem tận mắt người bị đánh:

- Bà con ơi! Có người bị giết!

- Ở làng nước ơi! Có kẻ giết người!

- Nó sắp chết rồi! Có án mạng rồi!

- Nó phá làng không cho hát!

- Mặt mày nó hung ác lắm!

- Nó là thằng Hai Quân, du côn làng này đó! Có người bị đẩy ngã ập lên trên chú Hai. Chú Hai bị trói phơi giữa sân đình. Đến chiều tiếng rên rỉ của chú yếu dần, cặp mắt chú cứ nhắm lại. Thím Hai hoảng sợ chạy lên chạy xuống kêu khóc âm ỉ. Việc đã khẩn cấp. Có người bày cho thím Hai đặt một khay trầu cau đến xin xã Cống tha cho chú. Bọn hào lí bàn ra bàn vào cho là kẻ quân tử không nên chấp đưa tiểu nhân. Thím Hai phải lạy mấy lạy, xã Cống chịu cho chú Hai cởi trói.

Bà con công chú Hai về nhà, tìm ngải cứu dầm với rượu đắp vào những chỗ toạc máu. Mười lăm hôm sau, chú Hai ngồi dậy được. Ngoài làng, cột cờ dựng giữa sân đình đã hạ xuống, rạp hát từ lâu đã dỡ đi, cuộc sống đã trở lại như cũ. Mỗi buổi sớm, vẫn bọn bồ chao hú gọi ngoài bờ tre làng. Chiều tối, vẫn tiếng trống thu không khắc khoải. Mọi vật đâu đó vẫn y nguyên. Nhưng trong lòng chú Hai đã có cái gì rạn vỡ. Chú không còn cái vui làm lụng để nuôi vợ nuôi con. Chú đứng dưng với nụ cười của bé gái. Thím Hai nói động gì là chú nổi lên quát mắng. Cuộc sống chung quanh trở nên bức bối. Những cảnh áp bức bị xóa mờ nay lại hiện lên. Chú nhớ lại có lần chú đi khiêng đám ma, chú khiêng chống đòn vì người chú cao. Người chú cao hay thấp, cái đó do bà mụ nặn ra, nhưng chú bị bọn lí hương quát mắng. Chú nhớ lại tháng nào trong làng cũng có tiếng trống mõ báo động, việc đốt nhà trộm trâu xảy ra liên tiếp. Người bị cùm kẹp ở điểm canh gào khóc trong mùa sưu thuế! Kẻ bắt ốc mò cua lưng sục trong ao sình vào

những tháng đói. Những ma đậu mùa, dịch tễ gào rống. Chú Hai không hiểu vì sao một khi con người sinh ra phải chịu bao nhiêu tai họa. Chú nhớ đến Đồng Kim Lân, tai họa cứ dồn dập kéo đến. Đồng Kim Lân còn được hồn Khương Linh Tá hiện lên soi đường. Còn thân phận của chú!... Khi nhớ lại mình bị cột ở sân đình dưới cặp mắt chê cười của thiên hạ, chú nghe hoảng hốt. Một tiếng gà gáy. Chú Hai giật mình biết suốt đêm chưa ngủ. Chợt một ý nghĩ bật sáng:

- Phải bỏ làng ra đi!

Cái ý nghĩ đó cứ bám riết lấy chú.



Chú Hai hóa lăm lì. Một hôm chú cầm cùi lột lá mía đem giọt lại chỗ dột trên mái nhà, che lại tấm phen để gió khỏi lọt, sửa lại cái vành nôi của con bé. Chiều đó, chú bỏ thêm gạo vào nôi. ...n xong còn gói một gói, nói là sớm mai vào rừng đón củi. Tối, chú đi nằm sớm. Một chốc sau quanh làng đã im lặng. Chú Hai khe khẽ ngồi dậy, chú cột mo côm trên cây đòn xóc, đẩy cửa bước ra. Bên ngoài, trời tối như mực. Trên trời không một vì sao. Vài con đom đóm kéo những vệt sáng nhè nhàng. Con mưa đã tạnh, nhưng tiếng động cứ vang lại từ xa. Chú Hai ra khỏi làng. Chú vừa đi vừa chạy. Đi đâu chú cũng chưa biết, chỉ biết cần xa làng, xa cuộc sống chung quanh cái đã. Có thể đến một người bà con cũng bỏ làng ra đi, hiện nay đang làm nghề trồng chè đâu ở vùng núi Trường Định, Phò Nam bên kia núi Chúa. Đến đó cái đã, đi đâu hãy hay. Chú tránh những con đường lớn. Trên những đường đó có vô số điểm canh. Ra khỏi làng không có giấy căn cước sẽ bị bắt. Chú men theo những con đường nhỏ, vượt qua cách đồng đầy tiếng ếch nhái van vỏi. Chú xuống một cái dốc, vượt qua một bãi dâu. Một con sông hiện ra trước mặt. Giữa khuya, sông không có đò. Trời bắt đầu sáng. Chú Hai chui vào giữa một bãi mía ngồi nghỉ. Những xúc động làm chú mệt nhoài. Chú chợp mắt ngủ lúc nào không biết. Khi tỉnh giấc, trời đã xế chiều. Tiếng con bìm bịp nghe rời rạc. Trên trời, một vài con dơi đen bay chấp chới. Chú Hai chui ra khỏi đám mía, lại tiếp tục đi. Người ta bảo Trường Định, Phò Nam ở bên kia núi Chúa. Đi hết đêm thứ ba, chú dừng trước một con sông. Trời vừa sáng, đò bên kia sông vừa sang. Chú ngồi nép sau

một bụi dừa, có tiếng người bảo nhau đây là đò ái Nghĩa. Chú ngạc nhiên, đứng nhìn lên. Đứng bên kia sông là Gò Mùn, trước mặt là sông ái Nghĩa. Thì ra trong đêm tối, chú đã lạc đường, đi quay trở lại. Sang bên kia đò, đi sáu cây số lại lộn về thôn cũ. ở đấy thím Hai và bé gái đang đợi. Một ý nghĩ vụt ra: Hay là ta quay về với vợ con! Chú bước ra khỏi bụi dừa, toan gọi đò. Nhưng chiếc đò đã xô ra khỏi bến. Chú đã lỡ đò! Chú Hai tin lỡ đò là điềm không tốt. Chú lưỡng lự rồi quay gót đi luôn, đi một mạch không nhìn lại.

Chú Hai nhắm hướng mặt trời lặn đi thẳng. Chú đi mãi đến sát những dãy núi phía tây. Đi lẫn vào những nơi có cây cối rậm rạp. Gặp rẫy sắn rẫy khoai, chú dừng lại moi mấy củ ăn để đỡ đói. Nửa tháng sau, chú Hai biết mình đã ở bên kia núi Chúa. Vì khi ở nhà, ánh điện ban đêm của xứ Hàn ở về phía bắc. Nay cũng ánh sáng đó đã nằm về phía đông nam. Như vậy Phò Nam, Trường Định, nơi có người bà con trồng chè cũng không còn xa nữa.

Trước mắt là một cánh rừng. Vượt qua cánh rừng, chú Hai sẽ men theo những sườn đồi thoải thoải đi xuống phía đông. Nơi đây đã xa nhà, không còn lo sợ có người rượt theo đuổi bắt. Buổi sớm sương xuống dày đặc, đọng mãi đến nửa buổi chưa tan. Chú Hai nhớ mình đi đã lâu nhưng bụi bờ gai góc cứ trải ra như không bao giờ hết. Chợt rừng núi chung quanh trở tối mịt. Gió thổi ào ào. Một tia chớp sáng lóa. Sấm nổ! Mưa! Một trận mưa to chưa từng thấy, tưởng như có hàng vạn chiếc chum đang trút nước trên cao! Đói rét và gió mưa đã làm chú Hai kiệt sức. Chân tay tê cứng, chú Hai bước chập choạng. Chợt chú có cảm giác như mình vừa bị rơi vào một chỗ nào đó, sâu lắm, sau không còn biết gì nữa!



Chú Hai bừng mắt, thấy mình đang nằm trong một căn nhà nhỏ. Khắp nhà vắng tanh, xa xa một bóng đèn leo lắt. Có tiếng hỏi:

- Đã tỉnh chưa?

Chú Hai mở mắt thấy một ông già. Ông già hỏi:

- Có biết tôi là ai không?

Chú Hai nhìn chăm chăm rồi lắc đầu. Ông già bước tới cầm tay chú. Ông lấy ngón tay trỏ và ngón tay giữa bấm vào cổ tay chú

Hai xem mạch. Chú Hai dần dần nhớ lại những việc đã xảy ra. Một vị quế cay cay đọng lại trong mồm. Ông già lấy cháo loãng đút cho chú mấy thìa, chú Hai tỉnh hẳn lại. Ông già nói rõ từng tiếng:

- Cha mẹ ở hiền thì con cháu gặp lành.

Làm điều ác thì ác báo, làm điều thiện thì thiện báo. Tôi đi với mấy người tìm cây tìm lá, tưởng đã gặp người nào bị hổ tha. Khi đến gần thì ra gặp chú, mình mấy thấy vẫn còn nguyên, ngực nghe còn âm ầm. Tôi nói với anh em nên cứu người để lưu cái phước cho con cháu. Họ công chú về đây, may chú sống được!

Ông già hỏi chú Hai ở đâu đến và đến đây có việc gì. Chú kể dần dần đuôi mọi việc. Ông già thở phào:

- Thế thì Trường Định cũng gần đây thôi.

Ở đây nhiều chè. Người bà con trồng chè ở đâu không biết.

Ông già khuyên chú Hai nên ở lại với ông, đợi ít lâu, thế nào chú cũng gặp được người bà con của chú.

Chú Hai đã ở lại với ông già. Chú Hai tính vốn chịu khó, chú cắt tranh lột lại mái nhà, đốt rẫy trồng khoai, đan thúng mủng. Chú tìm đá đục được một cái cối giã gạo. Ông già rất mến.

Ông già cho biết tên mình là Tùng Sơn. Bác Tùng Sơn nguyên là người dưới xuôi lên đây làm rẫy. Một người cháu trai lên đây với bác, nhưng người đó đã bỏ về làng vì không chịu nổi cái buồn ở rừng núi. Khi trò chuyện, bác Tùng Sơn hay dẫn nhiều chữ nho. Bác từng thi đỗ tam trường gì đó, sau về làm ruộng. Bác thuộc lâu các sách sử. Những đêm trăng, giữa tiếng cây lá rì rào, bác kể chuyện đời Xuân thu Chiến quốc, chuyện tướng này đánh với tướng khác, vua này đánh với vua khác, đánh ở đâu, vì lẽ gì, ai thắng, ai bại, bác đều nhớ hết. Bác Tùng Sơn giảng giải:

- Đời nào cũng có anh hùng. Đời nay cũng không thiếu. Họ thường ẩn núp chốn núi non.

Chú Hai đánh bạo:

- Gặp được họ, ta đi làm giặc coi cũng sướng! Nghiệt nổi ta không có súng!

- Không có súng là tại ta! Ta học hành lèm nhèm quá. Nếu ta biết hết được những lẽ huyền vi trong kinh điển ta cũng đúc được súng. Như trong Kinh Dịch, phép đúc súng, đúc máy bay đều có dạy. Lời lẽ thánh hiền thường khó hiểu, không thể biết được!

Bác Tùng Sơn còn thuộc vô số những bài thơ cổ. Bác thuộc lâu lâu, không chỉ biết tên tác giả mà còn biết tên người chú thích. Nhiều câu hát tuồng, chú Hai chưa hiểu nghĩa, bác Tùng Sơn giảng giải cho chú nghe rất rõ ràng. Chú Hai hỏi:

- Bác nhớ nhiều làm chi cho nặng bụng?

- Có muốn vậy đâu. Nhưng đọc đâu nhớ đó, cạy không ra nữa. Một lần tôi đi thi, quan chủ khảo ra bài phú có chữ "lãng", nghĩa nó là sóng. Tôi thuộc từ điển vẫn, biết đó là chữ "lang" chứ không phải là chữ "lãng". Khi làm bài tôi gieo vần theo vần lang. Bọn chấm thi là đồ ngu dốt. Tôi bị đánh hỏng.

Chú Hai cười:

- Sao bác không làm ông kí ông thông cho sướng? Lên rừng làm rẫy chi cho mệt!

- Cực chẳng đã tôi phải bỏ làng!

Chú Hai ngờ bác Tùng Sơn cũng từng chạm trán với lí trưởng:

- Bọn lí trưởng đánh người.

Bác Tùng Sơn liền nghiêm nét mặt: - Chúng không dám động đến cái lông chân tôi đâu! Bọn quan trên cũng phải nể mặt...

Thì ra không chỉ những người bị đánh đập mới bỏ làng ra đi. Cả những người học giỏi, thông minh, được vị nể cũng phải bỏ đi lên núi.

Bác Tùng Sơn như ôn chuyện cũ:

- Tôi như nghệt thở! Đến đâu cũng gặp những trò chương tai gai mắt. Nhân tâm thay đổi, thế sự đảo điên. Bọn tiểu nhân gặp thời đắc chí lên mặt. Kẻ quân tử bị tai họa gông cùm. Bọn gian nịnh vinh thân phì gia. Người nghĩa sĩ mắc vòng hoạn nạn. Hứa Do ngày xưa vì nghe một lời vô đạo phải ra suối rửa tai. Bá Di, Thúc Tề phải lên núi ăn rau mà sống...

Bác Tùng Sơn ngừng một lúc lại tiếp:

- Chung quy cũng vì ta mất nước. Nước mất thì nhà tan. Tôi bỏ làng ra đi... Kẻ quân tử lúc thời loạn phải thích rừng núi. Tôi cũng muốn gặp một người "chơn nơn" nhưng chưa gặp được!

Bác Tùng Sơn còn biết rất nhiều cây lá dùng để chữa bệnh. Bác hái về, chỉ tên từng loại, bày cho chú Hai cách sao chế dùng để

hộ thân và để cứu người. Bác đem tiền lo lót lí trưởng trong làng mua cho chú một thẻ thuế thân có đóng dấu và có chữ kí hằn hoi. Nhờ đó chú đi khắp vùng Trường Định hỏi thăm tông tích người bà con trồng chè. Có lúc chú gánh một gánh chè xuống tận vùng xuôi để bán. Thỉnh thoảng bác Tùng Sơn cũng "xuôi" một chuyến, có khi nửa tháng mới về.

Một chuyến bác Tùng Sơn về thăm làng, mãi không thấy quay lại. Một tháng, hai tháng... Bác Tùng Sơn đi biệt. Quê bác ở đâu, chú Hai không rõ.

Vắng bác Tùng Sơn, chú Hai quay ra quay vào cũng chỉ một thân một bóng. Rừng núi càng hóa quạnh hiu. Suốt đêm vượn hú. Chú Hai trần trọc nhớ nhà. Một tiếng động rất khẽ. Chú Hai nhìn ra ngoài thấy một vành trăng như gần lắm. Chợt chú thấy thím Hai bước vào. Thím mặc chiếc áo mới. Chú Hai ngờ ngợ hỏi thím đi đường nào. Thím Hai bảo thím đi đường thẳng, đi theo đường chim bay thì gần.

Chú Hai hỏi:

- Thế ở làng ra sao?

- Người đói rất nhiều. Mình bỏ làng ra đi là phải. Còn tôi, tôi đã về rồi!

Thím Hai khóc thút thít.

Chú Hai bừng mắt. Thì ra chú vừa nằm mơ. Bên ngoài gió bẻ một cành cây kêu rảng rác. Chú Hai nghe bàng hoàng, biết là thím đã về báo mộng. Chú nhớ câu thím Hai vừa nói: "Tôi đã về rồi!" Xưa kia thánh hiền đã nói "Sống chỉ là ở tạm, chết mới thật là trở về. Như vậy thím Hai đã chết! Mưa đổ ào ào. Mùa mưa đã đến. Nhớ đến thím Hai, nhớ đến con dại, chú Hai nghe đau như cắt.

Ròng rã hai tháng, rừng núi như trải qua một cơn điên loạn. Tất cả đều ngập ngụa, cây lá ngổn ngang. Cảnh hoang tàn bày ra khủng khiếp. Chú Hai thấy mình đã lạc vào một thế giới xa lạ. Cảm giác đó lớn dần làm chú hoảng sợ, chú thấy rõ không thể ở lại...



Mưa chưa dứt hẳn, chú Hai đã chuẩn bị đi bán chè. Chú Hai còn mang theo cây lá chữa bệnh và mấy liễn trầu nguồn để biếu những nhà quen biết. Chú Hai bán loại chè ngon. Uống một bát, ai cũng khen đúng là chè nguồn, vừa thơm vừa ngọt. Có ai đau đầu sổ mũi, chú biếu cho vài vị thuốc, trong uống ngoài xoa, bách bệnh tiêu trừ, hiệu nghiệm như thần như thánh. Một vài bà ở Nam ạ nhận thấy một việc lạ. Người nào về Nam ạ cũng phải mua một chai nước mắm ngon về cho vợ. Đàng này chẳng thấy chú Hai làm việc đó. Có bà dò hỏi:

- Này anh Hai, phải mua cái chi cho chị Hai chứ?

Chú Hai vẻ mặt rầu rầu:

- Nó bỏ tôi rồi!

- Thế cô ta lại có một nơi mô rồi hả?

- Nó chết, tôi mới tiếc chứ!

- Úy! Lâu chưa?

- Bốn năm!

- Vẫn ở vậy?

- Chớ ở với ai?

- Tội nghiệp chưa! Nhưng rồi cũng phải kiếm nơi mô chớ!

- Chưa dám.

- Hừ! Tại sao?

- Chưa có ai nhờ đỡ một tay.

Các bà nổi cười:

- Vì mình chưa nhờ đó thôi! Một cô chưa chồng ở làng này có thể lấy một ông chưa vợ ở xã khác chớ!

- Nhưng đi theo tôi thì phải rúc núi! Họ có sợ hùm beo hay không?

- Ừ, đàn bà xứ này sợ hùm lắm. Hay là cưới xong, anh về ở quách dưới ni. Thế gian cũng lắm người ở theo quê vợ.

Các bà quả quyết:

- Về dưới ni, hay đó! Vượt suối băng ngàn chi cho mệt! Về dưới ni, ra khơi, một chuyến được ông bà phù hộ, của tiền không

để đầu cho hết. Không ra khơi thì muối mắm, đóng bộng đóng thùng. Thiếu chi việc. Bắt mạch bốc thuốc cũng được...

Nói vậy cho vui chứ thâm tâm chú Hai không dám nghĩ đến những chuyện đó. Chú là một thằng trốn làng, quan trên bắt được không thoát tù tội. Chú nghĩ còn phải bay xa. Cây cung còn đang chờ chú. Chú nói cho qua chuyện:

- Muôn sự rồi đây phải nhờ cô bác...

Mỗi lần về Nam ả bán chè, chú Hai thấy nhiều thuyền đánh cá ra khơi. Chú nghĩ: nếu mình được vượt biển đến một nơi xa lạ! Giữa một đảo vắng, trời biển mênh mông, còn ai biết được. Một chuyến xuống Nam ả, chú Hai gọi chuyện với các bà quen biết, muốn ra ngoài đảo một chuyến để kiếm đồng lời. Bà Hương Quý buôn trầu cho biết bà sẽ đi cù lao Chàm thăm người bà con ngoài đó. Chú Hai muốn đi, sẽ theo thuyền đánh cá cùng đi.

- Chị em mình ra ngoài nớ thăm chơi. Ngoài nớ, tôi có con cháu gọi tôi bằng dì. Nó đẹp nết, siêng làm, chỉ phải cái hay kén chọn. Nói đến chồng con là nó cứ giãy nảy.

Chú Hai nửa đùa nửa thật:

- Thế phải nhờ mối lái thật giỏi. Bà chị phải ra tay, mọi việc mới xong được.

*
* *

Một con thuyền ra khơi đánh cá, nhân tiện đưa bà Hương Quý và chú Hai ra cù lao Chàm. Trời bể mênh mông, chiếc thuyền như nô đùa trên sóng. Chú Hai đang vượt trùng dương để đi biệt tích đến một nơi xa lạ. Từ lúc bỏ làng ra đi, chú chưa bao giờ thấy một cảm giác bình tĩnh dễ chịu như lúc đó.

Bà Hương Quý giới thiệu với mọi người bà có người em bên chồng ra thăm bà con ở đảo. Nhân tiện em chồng của bà có mang theo nhiều "linh đơn" để cứu nhân độ thế. Bà mở đôi bầu, lấy ra từng vị thuốc. Ai cũng xúm lại kề mũi hít hít. Nó thơm tho, không giống những rễ cây đa cây đề của những ông lang dưới biển. Chú Hai tặng cho bà con mỗi người một thứ. Uống lành được bệnh, sau này hãy mua, nay chú không lấy tiền, đừng đưa vô ích. Hôm đó, có một đứa bé cứ kêu đau trong cổ, nước bọt cứ trào ra. Chú Hai lấy nắm lá rẻ quạt tán nhỏ đem rà vào họng cho nó. Hôm sau, đứa bé

đã lành. Chú Hai không ngờ thuốc mình lại hiệu nghiệm đến thế. Bà Hương Quý đưa chú đến gặp cô cháu gái. Cô không đẹp lại bị gù lưng. Chú Hai nghĩ chưa phải cô chê chồng mà cô bị chồng chê. Chú Hai bụng mừng vì cô có gù lưng thì dì của cô là bà Hương Quý mới hết lòng giúp đỡ nên đôi nên lứa. Chú Hai bảo sau này sẽ cho cô vài lá cao là cái lưng gù sẽ biến mất. Bà Hương Quý đang lo có thật chú Hai góa vợ hay không? Bà hỏi lại kĩ. Chú Hai nói chú sẽ sắp xếp về ở quê vợ, như vậy để bà con hiểu rõ bụng chú.

Chú Hai cóp nhật được số tiền đem đưa cho bà Hương Quý nhờ bà lo việc cưới xin. Nhờ bà Hương Quý, mọi lễ nghi đều được miễn giảm. Bên nhà trai chỉ ông Hương Quý về dự.

Chú Hai đã ra giầu tông tích ở cù lao Chàm. Những hôm tạnh trời chú nhìn ra xa, rất xa về phía đất liền, lòng chú nao nao, bao nỗi nhớ thương dâng lên cuộn cuộn.

Hơn một năm sau, thằng Cù Lao ra đời. Tiếng khóc của nó hòa lẫn với tiếng sóng đại dương. Nó lớn lên giữa bao la trời biển. Lên ba, mẹ nó mất giữa một đêm đông bão. Hồi đó nó đã biết chạy chơi trên bãi cát trắng. Năm tuổi, nó tập đùa nghịch với sóng. Tám tuổi, nó tập đi khơi. Mặt trời và nước biển đã làm da nó đen kịt, thịt xương nó quánh lại. Đã mười hai tuổi nhưng người nó bé tí tẹo như đứa lên chín lên mười. Khoảng rộng đã làm đôi mắt nó hóa tinh. Nó nhìn thấy một đàn chim én bay lẫn trong mây không ai thấy được. Cho đến Tổng khởi nghĩa! ở ngoài cù lao Chàm, cờ đỏ sao vàng phấp phới. Các ủy ban được thành lập. Chú Hai nhận ra một việc kì diệu: biển cả không còn là nơi cách biệt. Con đường về làng từ lâu bị cắt đứt bỗng nhiên nối lại. Con sông Thu Bồn, bỗng thấy gần đâu đây. Chú Hai biết rõ cơn bão táp dữ dội đã quét sạch mây mù ở quê. Đất đã lành, chim bay về tổ cũ. Chú Hai dắt thằng Cù Lao lên thuyền. Thuyền rẽ sóng bay về Cửa Đại. Chú lên phố Hội An rồi vội vã thuê đò về ngay Hòa Phước.



Chú Hai Quân và thằng Cù Lao đã về ở với anh chị Bốn Linh. Nhà tôi với nhà anh Bốn Linh chỉ cách nhau một cái vườn. Ngồi ở nhà tôi thấy đàn gà đang bới ở nhà anh Bốn. Ra vào, tôi thường gặp thằng Cù Lao. Tôi biết nó muốn làm thân với tôi. Thật bụng tôi không thích chơi với nó. Không phải tôi muốn đòi hỏi gì,

nhưng nom nó buồn cười quá. Chỉ cái mũ nhiều màu và cái quần có quai của nó cũng đã làm cho bọn trẻ cười bò. Lại còn tiếng nói của nó trọ trẹ, đầu nó lại trọc lóc, thì bảo đứa nào muốn gần nó?

Những việc tôi làm dễ như chơi, thằng Cù Lao xem như việc phi thường dưới trần này chỉ có tôi mới làm nổi. Được nó tán phục, tôi càng ra mặt tài giỏi. Thường lúc lên lưng trâu, tôi trèo đăng hông, hai tay cố bấu vào sống lưng trâu, một chân đặt vào khuỷu chân trâu, lấy đà trèo lên. Nhưng khi có thằng Cù Lao, tôi lại lên đăng đầu. Tôi nhảy lên ngồi trên đầu trâu Bình giữa hai cái sừng nhọn hoắt, sau tôi mới nhảy lên lưng trâu. Thằng Cù Lao nhìn tôi, lắc đầu phục lẫn phục lóc:

- Tui không làm nổi!

Tôi hỏi:

- Thế sao tao làm được?

Nó cứ trầm trồ là ở đây ai cũng giàu, cũng nhiều đồ dùng, nhiều của. Cái gì nom cũng lạ, khác chỗ nó ở, chỉ thấy lưới với thuyền. Thuyền nào cũng giống như nhau cả. Ông Kiềm Lài làm nghề tráng bánh đa, nghèo xơ xác, nó cũng cho là giàu, vì ông có nào là cối xay bột, nồi tráng bánh, cái sấy bằng tre, mảnh bằng nan. Nó cho anh Bốn là người giàu nhất, vì anh có đến hai mươi cái nong, bảy cái nia, một cái đuổi để tầm. Ngoài hè còn nào là cây chống, nẹp tre. Giỏ tre cái nào cũng to bằng vại muối mắm. Cả bà Hiến nghèo chấy gắp nó cũng khen nhà bà có lắm cái đẹp. Bà có một tờ tranh in hình hai ông Tây. Một ông có râu, một ông không râu, hai người đang cầm li rượu mời nhau uống. Xung quanh nhà bà có vô số những chum vỡ, lọ vỡ, ống bơ, những đồ người ta vứt đi, bà Hiến nhặt về, thằng Cù Lao nhìn nhìn ra vẻ thích thú. Một hôm nó chạy về thở hổn hển. Nó cho biết nó vừa thấy hai cái che ép mía ở nhà ông Tư Trai.

- Thế mà thấy cái phủ đặt trên đầu ông che chưa?

Nó lại chạy sang nhà ông Tư Trai hỏi cái phủ. Bọn chó thấy nó đội cái mũ lạ lạ xông ra đờ uối cấn.

Tôi hứa theo bọn chăn trâu trâu nó:

- Này Cù Lao, bọn chăn trâu nói mày là mọi có đuôi đó!

Nó cười thản nhiên:

- Ủ, có một cái đuôi thì tôi thiệt thích! Được một cái đuôi dài như đuôi ngựa, phát qua phát lại mà hay!

Nói xong nó cười hì hì ra vẻ khoái trá. Tôi nói thẳng: - Chúng cho mày là dân dã man uống nước bằng lỗ mũi đó.

- Uống nước bằng lỗ mũi! Phải tập lâu mới uống được chớ! Uống được bằng lỗ mũi thì được vào làm xiếc, sang trọng lắm!

Tôi ngờ ngợ thấy thằng Cù Lao nói có lí. Giả sử tôi có một cái đuôi và uống nước bằng lỗ mũi thì sẽ được mọi người trầm trồ, chẳng có gì dã man cả.

III

Hôm chú Hai Quân và thằng Cù Lao vừa về, anh Bốn Linh hứa với ông Bảy Hóa sẽ giết lợn cúng mừng. Tưởng anh nói chơi, té ra anh làm thật. Anh Bốn có một con lợn. Lúc mới mua về, nó bằng bắp chân, gầy gơ xương, nằm ép trong một cái rọ. Thức ăn thừa, chị Bốn dồn hết cho nó. Cách biệt đãi như vậy đã làm chó Vện tức lợn ruột. Nó đứng nhìn lợn ăn, cặp mắt nẩy lửa. Hễ gặp chị Bốn đâu con lợn cũng kêu ụt ịt, cái đuôi giống con giun càng ngúc ngoắc. Nó theo chị Bốn đi vào buồng, lên nhà trên. Nó còn cả gan đi ngang trước bàn thờ. Hễ chị Bốn sờ đến, nó liền nằm đuôi chân, mắt nhắm lại. Chị Bốn lấy ngón chân thọc vào hông nó. Nó bảo:

- Chớ chọc, chớ chọc!

Nó lớn lên như thổi. Sau nó đồ đốn không giữ vệ sinh. Chị Bốn phải tống nó vào chuồng. Anh Bốn bảo nhân dịp chú Hai về làng, nên bày tiệc mừng, mời bà con nhậu một bữa:

- Mấy lâu nay mình vác miệng đi ăn của nhà khác cũng nhiều! Nay nên trả lại. Ai chớ ban chỉ huy dân quân phải mời hết, vì mình cũng là chỉ huy.

Chị Bốn tuy lòng dạ rộng như biển, nhưng giá làm thịt con lợn nhỏ bằng nửa con lợn nhà thì vẫn hơn. Gặp bác úc, bác úc mách nước: - Họ Nguyễn nhà mình trước đây lép quá! Nay đã mở mày mở mặt. Anh Sáu đã làm nên. Trong họ, có đứa làm ở cấp huyện, cấp xã, nay chú Hai về, làm tiệc cũng phải. Nhưng làm vừa vừa, phải luôn luôn giữ chữ cần, chữ kiệm. Đem bán quách con lợn cho bọn hàng thịt, ta chia lại nửa. Vậy cũng đủ. Nhà tao và nhà con Ba làm vài thứ bánh. Tốt lắm rồi!

Bác úc còn dặn:

- Chẳng nên nói cúng mừng cúng miếc chi cả. Nói có đám giỗ mời bà con đến uống rượu, vậy thôi!



Chị Bốn lấy nếp ra hong. Anh Bốn đi tập tữ vệ về chưa kịp đặt cây côn đã vác búa ra sân bửa củi. Nhà cửa quét dọn sạch sẽ, bàn thờ lau chùi sạch bóng. Cối chày nôi niêu nhà tôi và nhà chị Bốn cứ lách lách lóc cóc. Tôi nói với thằng Cù Lao:

- Mày về làng sướng chưa? Được tiếp như vua Bảo Đại!

Tôi đang đợi một sự kiện lớn xảy ra. Nhà tôi đóng góp vào bữa tiệc một khay xôi ngọt. Tôi được chị Ba giao việc giã nếp. Tôi giã hăng đến nỗi chị Ba phải giắt chày bắt thôi, vì nếp đã trắng quá. Chị Ba vuốt nếp, hong xôi, nấu đồ trộn vào nhau, xéo với đường làm món xôi ngọt. Chị Ba bôi tất cả vào một cái khay, ép xôi lại, rắc vừng. Mùi thơm của xôi bay ra, tưởng không có mùi thơm nào thơm hơn được. Tôi ngồi nhìn. Chợt tôi gọi chị Ba khe khẽ:

- Chị Ba! Chị coi có miếng cháy...

Chị Ba quắc mắt:

- Đồ để cúng mà mày định ăn trước hả?

- Một miếng cháy nho nhỏ thôi.

Chị Ba càng la to:

- Không có miếng cháy nào cả!

Làm món xôi ngọt xong, chị Ba còn làm giúp bác úc món bánh rò. Chị vuốt nếp, hong đồ, lấy lá dong gói thành những chiếc bánh vuông vức to bằng đầu gối. Chị Bốn lấy ra một bó vải sợi, vác thang ra vườn chặt ba trái mít, đem đi chợ bán để sắm hương đèn mắm muối. Tôi cùng đi chợ để gánh giúp cho chị Bốn. Anh Bốn cho thằng Cù Lao cùng đi theo.

Tôi với chị Bốn mỗi người gánh một gánh nhẹ đi trước. Thằng Cù Lao theo sau. Ra khỏi bờ keo vườn bác úc, con đường hóa thành thang. Bên trái là bãi dâu trải ra lớp lớp. Dọc đường, chốc chốc một hồ nước hiện ra như một tấm gương sáng quắc. Quanh hồ, những bụi tre xanh nghiêng nghiêng trên nước. Đường vào chợ càng rộn rịp. Gặp nhau ai cũng hỏi han chào đón. Chị Bốn khen:

- Độ rày đi chợ sương lắm! Ăn mày, ăn cắp bỏ nghề đi đâu mất!

Chị Bốn lo bán vải sợi trước. Bàn hàng từ Bảo An lên mua sợi đi một hàng dài. Người nào cũng có một cái cân móc trên khuy áo trước ngực, trên vai vắt một khăn vuông to. Cuộn sợi nào cũng được người mua sờ bóp, được vạch ra xem rồi bị chê là sợi chưa nhỏ chưa đều. Cái khăn vải vắt vai của người mua phồng dần to bằng quả bưởi, sau to bằng cái cối. Bán vải xong, chị Bốn rẽ sang hàng hoa quả. Mít chất thành đống, có trái to bằng cái lu. Người mua lấy tay vỗ về. Bà hàng mít cầm con dao to, cắt phảm phạp thành từng miếng hình lưỡi búa. Mít nghệ múi vàng hươm. Mít dứa múi trắng bạch. Mít dai hay mít mật mùi thơm đều thơm ngát. Bí với dưa gang gánh đến hàng giỏ. Bà bán hoa quả thấy thằng Cù Lao đội cái mũ nồi lạ lạ, liền nhặt dưa cho nó hai quả ổi nếp, hỏi thăm có phải nó ở Lục Tỉnh về không? Ai cũng tốt bụng, cũng muốn cho người khác một vật gì. Mọi người trong chợ đều vui vẻ. Ngay cả mục Búp, mục Xù trước đây hay gây gổ, chuyên nghề đánh cắp thịt cá, cũng trở nên hòa nhã hiền lành.

- Mình là dân nước độc lập, Cách mạng lên rồi, "xớ" thịt cá của bà con chi nữa!

Chị Bốn đứng trước đống dưa Chiên Đàn ngọt nổi tiếng. Cầm lòng không đậu, chị mua chục quả về bỏ mắm. Chị mua cho thằng Cù Lao một chùm lòn bon ăn cho biết. Lòn bon rất quý trước Cách mạng chỉ để dâng vua. Chợ có chỗ bán tranh tre, than củi. Các bà bán than mặt mày đen thui. Những chú bán tre chân tay bị gai cào sây sát. Dây dừa khoanh thành kho-anh. Dầu rái đựng thành gàu. Chè tươi bó thành bó. Ngô khoai vùng đồ phơi đủ màu sắc. Thằng Cù Lao dừng trước hàng cá biển, nhìn chằm chằm, miệng há hốc. Không ngờ những loài vật nó thường vọc, thường bị kẹp, ở đây đều có đủ. Từ những con cua lớn tuy bị trói chặt nhưng vẫn ngo ngoe, những tôm hùm lấm rêu lấm càng, cho đến các loại cá cơm, cá nhám, cá chim, cá sòng sắp đầy mẹt đầy rổ. Thằng Cù Lao tưởng thấy lại mùa cá ở biển. Chúng tôi kéo sang hàng bán bánh đây hấp dẫn. Bánh nậm bột mịn, nhân tôm sắp thành chồng. Bánh ú, bánh gio gói lá dong buộc thành chùm. Bánh bèo đổ trên bát, bát nào cũng nhảy mỡ, rắc đầy nhân thịt với tôm. Bà bán bánh xèo đổ bột vào chảo chóc chóc nghe "xèo". Bà bán bánh đa phe phẩy chiếc quạt tre, trở cán quạt ép bánh vào nồi lửa, bánh phồng giòn tan. Các cô hàng xén đến chợ chỉ gánh một gánh trên

vai. Gánh đặt xuống biến thành cả một quầy hàng, hai đầu gánh lắp không biết bao nhiêu là mủng, cái nhỏ lắp trong cái lớn, đựng đủ các thứ trên đời, từ cây kim sợi chỉ, bánh xà phòng, mớ bồ kết, cho đến tiêu, hành, tỏi, ớt, hương, đèn, giấy mã, không sót thứ gì. Dù ai đã đi khắp thiên hạ, đọc hết sách vở, nhưng nếu chưa đến thăm chợ Quảng Huế thì trình độ vốn hiểu biết vẫn còn thấp.

Chị Bốn mua mắm, muối, dầu lạc, dầu dừa, thứ nào cũng chỉ đùm trong lá chuối hơ lửa, không biết bao nhiêu là đùm to nhỏ, chẳng cần phải chai lọ linh kinh phiền phức.

Tôi và thằng Cù Lao dạo chơi quanh chợ.

Ở góc chợ là hiệu thuốc bắc. Tôi chỉ cho thằng Cù Lao thấy bức tranh vẽ một người trần truồng bị hàng trăm cây kim đâm vào đầu, vào tim, vào bụng. Thằng Cù Lao không hiểu người đó bị tội gì mà phải chịu một nhục hình ghê sợ vậy. Tôi giảng cho nó biết, đó là hình vẽ những huyết trong thân thể người ta. Ai cũng có trăm thứ bệnh, chỉ cần lấy kim chích vào những huyết đó thì bách bệnh sẽ tiêu tan. Trên một cái tủ đầy những hộc, tôi chỉ cho thằng Cù Lao thấy ba ông phúc, lộc, thọ làm bằng sứ. Ông nào trông cũng phương phi, cũng có vẻ thần nhiên phớt lờ. Đối với họ, chợ Quảng Huế đông hay không đông, thằng Cù Lao đội mũ nồi hay không đội mũ nồi là điều không cần biết đến. Tôi dẫn thằng Cù Lao lượn qua chỗ bán chiếu, chỗ bán nồi đất, các quán bán mì quảng, nhìn ngang nhìn ngửa cốt để khoe với thằng Cù Lao cái hay cái lạ bày trong chợ.



Lúc quay về nhà, trời đã xế. Đến tối, lợn đã mổ xong. Bà con đến giúp việc nấu nướng đều có mặt. Tất cả nồi niêu bát đĩa nhà tôi và nhà bác úc đều được đem ra, gánh về nhà anh Bốn. Tiếng giã giò lộp bộp. Tiếng băm thịt lóc cóc suốt đêm. Lửa bếp sáng tận ngoài bờ tre. Chị Ba, chị Bốn hết hỏi món này đã giã hành chưa, món nọ đã rắc tiêu chưa, lại gọi tôi và thằng Cù Lao sai múc nước, lấy củi, khêu đèn, đánh chó. Các chị thò đũa vào nồi để khuấy. Hết khuấy lại ngửi, lại nếm. Lúc trời sáng, anh Bốn giao tôi đi mời khách trong làng. Anh Bốn mượn sẵn cho tôi cái áo dài đen. Cách đi đứng của tôi hóa khác. Bọn chó thấy tôi ăn mặc lạ lạ nổi sủa rất

dữ. Tôi dắt thằng Cù Lao đi theo. Hễ gặp khách phải mời, tôi khoanh tay trước ngực lặp lại lời anh Bốn dặn:

- Hôm nay nhà anh Bốn Linh tôi có giỗ, nhân cũng để mừng chú Hai tôi về làng, mời bác đứng giờ ngọ lại nhậu rượu!

Đi hết xóm trên, tôi ra ngoài vạ để mời ông Hoạt. Ông Hoạt đang ngồi trong thuyền. Tôi không thể đứng khoanh tay, phải chui vào thuyền, phải ngồi xếp lại nên gặp nhiều lúng túng. Ông Hoạt đang nói chuyện với ông Mười ý. Ông Mười ý hỏi to:

- Mà mời ông Hoạt, thế có mời tao không?

Tôi không biết nên giải quyết thế nào. Nhớ rõ anh Bốn không dặn mời ông Mười ý, tôi nói dứt khoát:

- Không mời.

Cả thuyền cười ồ.

Chui ra khỏi thuyền ông Hoạt, tôi đến xóm giữa để mời ông Bảy Hóa.

Tôi sực nhớ ông Bảy vừa mua đầu về một con chó mun rất dữ. Phen này thấy tôi xúng xính trong chiếc áo dài, chắc nó không tha. Tôi sợ chó cắn, cái sợ tăng dần. Tôi quay lại gạ thằng Cù Lao:

- Mà biết ông Bảy Hóa không?

Nó trả lời liền thoảng:

- Ngày bữa gì, ông Bảy Hóa có một vết sẹo trong miệng.

Nghe nói chuyện lạ vậy, tôi bực mình nói xằng: - Cái vết sẹo đó có trời biết! Tao biết ông Bảy Hóa có râu thôi.

Nhưng nghĩ đến con chó dữ của ông Bảy Hóa, tôi dịu giọng: - Thôi được. áo dài đây, cho mà mời ông Bảy một cái cho sướng!

Tôi vừa nói vừa cởi áo dài đưa cho thằng Cù Lao. Nó sướng ra mặt vì nó cũng thích được đi mời như tôi.

Thằng Cù Lao vào nhà ông Bảy. Tôi ngồi đợi ngoài ngõ. Đợi mãi chẳng thấy nó quay ra, tôi buộc phải gọi to. Con chó mun của ông Bảy chạy vụt ra, thấy tôi thập thò, xông vào đuổi cắn.

Tôi phải vừa bước thụt lùi vừa chống đỡ. Một lúc sau thằng Cù Lao mới chịu hiện ra. Nó còn khoe với tôi là nó được ông Bảy đãi mít. Sau khi ăn mít, nó còn được xem tranh vẽ Thập Điện Diêm Vương trên bàn thờ thần trong nhà ông Bảy.



Khi tôi và thằng Cù Lao quay về đến nhà, cỗ bàn đã dọn sẵn. Khách khứa đến đông đủ.

Anh Bốn Linh, khăn áo chỉnh tề, thắp hương đèn bắt đầu làm lễ. Tôi đang chờ anh Bốn bái hai bái rồi thụp xuống lạy như mọi khi. Nhưng anh Bốn đứng yên, hai tay buông thông, cúi đầu nhắm mắt. Chợt anh ngẩng lên nói oang oang:

- Thưa bà con cô bác, thôn Hòa Phước chúng ta thiệt đáng tự hào! Xưa kia có ông Bùi Kiệt theo đảng Cần Vương bỏ nhà ra đi mưu đồ việc lớn. Ai cũng tưởng ông bị Tây giết. Vừa rồi mới biết ông thoát lên núi. Con cháu của ông còn sống ở Dùi Chiêng. Sau hôm cướp chính quyền, cháu nội của ông là ông Hội Hiệt về đây tìm lại họ hàng tông tích. Như vậy Cách mạng đã trả lại làng xóm tổ tiên... Chú Hai Quân chúng tôi trước đây không chịu áp bức, bỏ làng ra đi, bụng dạ luôn luôn hướng về cách mạng. Nay nước nhà độc lập. Đất lành chim bay về đậu. Về đây chú thấy bà con ai cũng tham gia cách mạng, vui đó không chi sánh kịp. Hôm nay nhà có giỗ, lại có chú Hai chúng tôi về, mời bà con đến cầm chén rượu nhậ...

Chợt anh Bốn Linh vung cao nắm đấm hô to:

- Cách mạng muôn năm!

Tiếng hô bất ngờ, chỉ thấy Lê Hảo hô theo. Trên bàn thờ, hai ngọn nến run run. Như vậy, theo mẹ tôi, là vong linh ông bà đã về hưởng. Tôi đợi anh Bốn tắt đèn, cho hạ cỗ bàn. Anh Bốn vẫn nghiêm trang:

- Xin mời chú Hai phát biểu ý kiến.

Chú Hai bị gọi bất ngờ, giật thót. Chú đứng lên dặng háng đã mấy lần nhưng chỉ lí nhí được mấy tiếng:

- Chúc bà con hai chữ khương ninh⁴. Anh Bốn Linh sai dọn cỗ, mời khách ngồi vào mâm, bắt đầu rót rượu. Tiếng so đĩa, tiếng mời nhau rộn lên. Ông Tư Trai ngồi ở mâm trên hỏi to:

- Anh Hai và cháu nhỏ đâu rồi? Mời ngồi lên mâm trên này.

⁴ Mạnh khỏe, bình yên.

Chú Hai xin từ chối, liền bị mọi người phản đối. Thằng Cù Lao cũng bị đẩy ngồi lên mâm trên. Nó đưa tay vẫy tôi lên, nhưng đợi mãi chẳng có ai mời tôi lên cả.

Ông Bảy Hóa thò đĩa gấp một cục chả giò to tướng, chấm nước mắm, bỏ gọn vào mồm. Cả bộ râu dài của ông Bảy nhẩy nhót theo nhịp quai hàm đang làm việc khẩn cấp. Chưa nuốt xong, ông lại đưa đĩa kẹp luôn cả hai khoanh chả giò nữa, đưa ra trước mắt nhìn nhìn như xem thử nó có quá to không. Chợt ông thả gọn cục chả vào bát thằng Cù Lao. Ông Tư Trai càng tỏ ra cương quyết. Ông bung cả bát chân giò lấy đĩa bới tìm miếng to nhất, chấm nước mắm cẩn thận, bỏ vào bát của thằng Cù Lao. Đến lượt thầy Lê Hảo cũng gấp bỏ cho nó nửa cái bánh giò.

Dượng Hương Thư dành cho nó cả một đĩa xôi ngọt. Thằng Cù Lao vừa nhai vừa nuốt, cặp mắt sáng rực. Thanh toán xong món chả và chân giò, nó còn ăn thêm cả nửa bát mọc. Nó ra tay bóc bánh và ăn xôi ngọt. Quả là thằng ngốc, không biết tính toán gì cả. Cứ để bụng ăn cho hết các món xào nấu trong mâm cái đã.

Còn bánh giò và xôi ngọt cứ giữ lại rồi làm một tiệc nữa có sướng không? Tôi nháy mắt bảo nó khoan đã, nhưng nó cứ nuốt. Thỉnh thoảng anh Bốn gọi:

- Thêm đây một đĩa bánh, nghe!
- Thêm một đĩa thịt đây, nghe!

Ở nhà dưới, chị Bốn cũng dạ to không kém. Phải dạ to để được rôm rả.

Khách khứa cười nói vui vẻ. Câu chuyện xoay quanh những việc hôm cướp chính quyền. Làm sao ta cầm được cây cờ đỏ sao vàng trên ngọn cây sung chót vót? Vì sao ai nấy cũng đều rậm rạp? Ai cũng muốn biết việc cướp chính quyền ở ngoài biển ra sao.

- Ngoài nó cũng dữ như trong ni chớ?
- Cũng kinh thiên động địa vậy!

Câu chuyện chuyển sang việc ông Hội Hiệt, cháu của ông Bùi Kiệt ở Dùi Chiêng về tìm tổ tiên ở Hòa Phước. Trước đây khi bọn Pháp đưa ông Bùi Kiệt đi giết, ông xin một vuông vải đỏ. Ông cầm vuông vải niệm câu thần chú. Vuông vải bỗng biến thành con rồng. Rồng bay mang ông về núi.

Ông Kiểm Lài vừa nhai vừa nói:

- Con trai ông Kiệt là ông Bá Hoành. Con trai của Bá Hoành là ông Hội Hiệt sẵn cạp tài lắm!

Ông Kiềm rút khăn lau mồ hôi trán, dừng lại thở, nói tiếp: - Ông Hội Hiệt hôm về làng có biếu bà con mấy chai rượu hổ cốt, trị bệnh đau xương như thần. Ông nói dưới ni ít gỗ. Ta làm trường học thì cứ lên Dùi Chiêng lấy gỗ. Có phải vậy không, anh Hương Thư? Anh ở trên nó chắc rõ.

Dượng Hương Thư ngừng gấp:

- Dạ, thiệt vậy! Chú Hội Hiệt có bè gỗ tốt. Rượu với tiêu ớt đã làm mặt mày thầy Lê Hảo đỏ như gấc. Thầy phải nghỉ gấp để kịp đưa ý kiến của mình:

- Nghe nói đến làm trường là tôi lo ngay ngay! Tôi phải đi Đà Nẵng một chuyến. Ra ngoài nó mượn anh Sáu quyển sách của ông Lê-nin. Tôi phải xem cho rõ đoạn ông bày về cách dạy dỗ trẻ con thế nào. Nếu anh Sáu không có sách của Lê-nin thì phải mượn cuốn của ông Mác. Các vị cũng là bậc thánh cả.

- Nên mượn lâu lâu - Ông Bảy Hóa vừa nói vừa đặt đũa để vuốt râu. - Độ này cặp mắt tôi nó lem hem quá, thấy một bông đèn hóa hai bông đèn. Tôi cũng đọc để biết tại sao ông Lê-nin nói gì là tứ xứ làm theo hết thầy.

Ông Tư Trai tiếp theo:

- Thầy Lê Hảo cho tôi mượn đọc vài hôm.

Tôi muốn xem chỗ ông Lê-nin giảng giải vì sao tôi với ông Thiệp cứ kiện nhau. Sau cách mạng, tôi như tỉnh lại. Nhà có con heo, phải xẻ thịt, mời bà con nhậu, tôi bỏ cái trò kiện tụng.

Cả nhà cười ồ. Mọi người đều nói ồn lên, không còn nghe rõ được gì nữa.

IV

Chú Hai Quân đi thăm bà con trong làng. Từ hôm về quê chỉ mình thằng Cù Lao đến chơi quanh xóm. Nó để ý xem xét từng nhà. Nhà cửa trong ni rất khác ngoài nớ. Nhà nào cũng có lăm cột phía trước có ba cửa chống. Cửa chống lên làm thành một hàng hiên che nắng. Trẻ con khiêng chõng ra hiên nằm mát, người lớn ngồi trảy ngô hay quay thao, kéo sợi. Nhà anh Bốn Linh có cái giường thùng, nó chiếm non nửa gian nhà. Đó vừa là cái giường vừa là cái thùng... vĩ đại. Tất cả đồ đạc của anh Bốn Linh đều ném vào giường thùng. Anh leo lên đó nằm ngủ. Bọn trộm chỉ còn cách dùng búa bửa giường may ra mới cướp được của. Sau ngày cướp chính quyền, anh Bốn chẳng cần nằm trên giường thùng nữa. Anh nói:

- Trộm cướp hết rồi! Ra nằm ngoài này cho mát!

Anh xách chiếu ra nằm trên chõng tre đặt ngoài hiên, ngủ thả cửa. Ban đêm không cần vác côn chạy đi đuổi trộm.

Nhà nào cũng có vườn, cũng có hàng cây keo quanh nhà kín mít. Từ nhà này muốn sang chơi nhà khác phải đi ra ngõ, ngõ có cổng đóng. ở ngoài biển không vậy. Thằng Cù Lao có thể chạy thông thống từ nhà này đến nhà khác, không phải qua ngõ qua ngách nào cả.

Ở ngoài đó, nhà ông Dậu ở liền phía sau bếp.

Nhà anh Hoàng ở sát phía trước, có rào giậu gì đâu! Ông Dậu ăn gì nó đều biết hết nói gì nó đều nghe hết. ở đây, nhà nào cũng lăm thứ chuồng, chuồng trâu, chuồng lợn, chuồng gà. Nhà anh Bốn Linh có một cây rác cao bằng cái cột buồm, chất toàn củi mía và rác mía. Chị Bốn rút củi đun làm cây rác có một lỗ tò vò, con trâu rúc lọt. Riêng nhà bác úc có một bụi bông trang, có bướm đủ màu lảng xảng đến đậu. Khắp vườn tràn đầy tiếng động. Không chỉ tiếng chó sủa, heo kêu, gà gáy, chim hót, tiếng trẻ nô đùa, mà còn nhiều tiếng lạ khác: tiếng lách cách thoi đưa dẹt củi ở nhà ông Cửu Sang, tiếng mõ lóc cóc của bọn trẻ đuổi vệt ở ngoài đồng. Chiều xuống, khắp vườn ve ran, cỏ cây hoa lá sột soạt nở

xòe. Thằng Cù Lao thấy rất buồn cười là ở Hòa Phước, người ta không gọi lợn bằng ba tiếng ẹc, ẹc ẹc mà lại gọi ịt, ịt. Người ta không gọi gà: cục cù, cục cù, mà lại gọi là cục, cù cù. Hễ nghe gọi cục, cù cù là bọn gà què chạy văng te lảnh phần ngô thóc. Nó cho chính ở Hòa Phước bà con nói trọ trọ rất khó nghe, còn dân ngoài cù lao Chàm nói gì nghe cũng rõ ràng rành mạch.



Chú Hai Quân dắt tôi và thằng Cù Lao đi qua làng. Người gặp thằng Cù Lao cứ nhìn nhìn. Họ không biết chú Hai là ai cả. Chú Hai thấy cây sung đầu làng vẫn như cũ. Cây dầu lại mọc bên cạnh thấy cao hơn. Cái thớt đá đặt trên đầu dốc giữa con đường ra sông vẫn nằm nguyên chỗ cũ. Trước kia, khi đi ra đồng, chú Hai thường mài lưỡi mác ở đây. Con đường đất chạy qua làng mọc đầy cỏ chỉ với cỏ may, rải rác đó đây có dăm bụi duối, vài cây bôm bốp. Chú Hai từng qua lại có vạ lần trên con đường đó. Xưa kia, chú gánh gánh dâu đi trước, thím Hai tay kẹp chiếc nón chạy theo sau. Cũng vẫn ngôi đình cũ nặng nề và meo mốc. Cũng vẫn cái miếu Bà Tầm lạng lẽ. Cũng vẫn cây đa đứng cạnh miếu như chiếc lọng che. Cũng vẫn cái bình phong có đắp con hổ vằn vện, cặp mắt thao láo. Chú Hai cảm thấy rất rõ khi con người đi qua thì mái đình, cây đa vẫn còn lại. Con người chết đi, nhưng bãi dâu, con sông, đồng ruộng không bao giờ mất. Lớp người này mất đi, lớp người khác thay thế, những núi Chúa, hòn Cà Tang vẫn y nguyên.

Chú Hai mờ mờ nhận thấy ý nghĩa chữ đất nước và sông núi. Tại sao chỉ một làn mưa thưa mờ mịn trên ngàn dâu, một làn khói lam phủ trên mái rạ, một bóng da mát, một hòn đá mài, khi đi xa chú Hai cứ nhớ day dứt. Có lúc chú thức giấc bàng hoàng như vừa nghe tiếng tre kiu kịt hoặc một giọng hát ru con sau cơn mưa chiều tạnh. Chú Hai nghe đứt gan đứt ruột. Chiều xuống vẫn huy hoàng như mười lăm năm về trước. Một làn sương phủ nhẹ trên mặt sông. Núi Cà Tang và núi Chúa mờ mờ xa. Một mảnh trăng rời rời mọc vào cảnh tre đưng đưa theo gió nồm từ phía biển thổi tới.

Chú Hai tạt vào thăm ông Bảy Hóa. Ông Bảy vừa thấy chú bước vào đã kêu lên:

- Ái chà chà! Chà chà!

Như vậy có nghĩa là: "ai sung sướng quá! Sung sướng quá!" Ông vội vã nhắc bổng chiếc giường tre trong nhà đem đặt ra ngoài sân để ngồi chơi cho mát.

Chú Hai nói là về được mấy hôm, nhưng hôm nay mới đến thăm ông Bảy được. Ông Bảy vừa cười vừa nói: - Mới về cứ nghỉ cái đã. Vội vội vàng vàng làm chi cho mệt! Phải dưỡng sức cho khỏe, ông với tôi sẽ đi quyền và chơi đẩy cây như lúc nhỏ. Ông đi vắng, làm tôi thiếu người vật lộn.

Tôi và thằng Cù Lao cứ thích nhìn. Nhà ông Bảy có đến ba cái bàn thờ. Ông Bảy thờ Phật. Ngày rằm, ngày mồng một ông không ăn mặn vì sợ sát sinh. Trên bàn thờ giữa, có tranh đức Phật tổ ngồi trên tòa sen mắt nhìn xuống rốn. Trước mặt Phật tổ đặt một cái chuông và một cái mõ miệng rộng như miệng cóc, bên trên treo những con long, con lân bằng gốc tre. Ông tìm đâu ra những gốc tre vắn vẹo đầy lông lá, chấp thêm những tóc, những râu thành những con vật kì quái. Bàn bên tả thờ Thập Điện Diêm Vương. Quanh bàn treo những bức tranh vẽ những cảnh rừng rợn ở âm ti. Trong những tranh này, tuy người chết đã chôn xong nhưng họ sống lại, bước ra khỏi mộ, đến mười cửa điện của Diêm Vương để chịu những cực hình ghê sợ. Tranh thứ nhất vẽ một bếp lửa hừng hực. Trên bếp lửa, một vạc dầu đang sôi. Hai con quỷ mắt trắng nanh dài dim một người bị tội vào chảo dầu sôi. Trước đây, ông Bảy cho tôi biết kẻ bị tội đó đã từng nói láo trong lúc còn sống trên dương gian. Nói láo chỉ một lần cũng bị đem đun như vậy. Thật quá khủng khiếp! Có lần tôi đã nói láo với chị Ba là tôi đưa con trâu Bình đi gặm cỏ, kì thật tôi đã rủ lũ chăn trâu đi chơi giật lá. Nếu vậy, Diêm Vương sẽ tặng cho tôi một vạc dầu sôi. Còn như ông Tư Đàm ở làng tôi nói láo có sách thì phải bị dim mấy lần vào dầu sôi như vậy!

Tranh thứ hai vẽ cảnh một con quỷ đầy lông lá đè cổ một người đang giãy giụa. Một con quỷ khác dùng một cái cửa cửa người bị tội ra làm hai. Ông Bảy cho tôi biết, người bị cửa như vậy vì lúc sống trên trần thế đã vào vườn hái trộm hoa quả của người khác.

Vườn nhà ông Bảy có một cây ổi quả chín nhỏ bằng ngón chân nhưng hương thơm ngào ngạt. Ruột ổi trắng phau, đã ăn một quả thì dầu tiên Phật cũng muốn ăn thêm quả nữa. Chính tôi là người đã vào vườn ông Bảy hái ổi, lại còn đem cho các bạn. Đã bị nấu dầu, nay tôi lại bị cửa làm đôi một lần nữa.

Đến bức tranh thứ ba. Người phạm tội ngồi trên một miếng sắt nung đỏ, mông đít để hở, lửa bốc làm tóc trên đầu quần quai muốn cháy. Ông Bảy bảo tội đó là tội sát sinh trong những ngày rằm, ngày mùng một. Kẻ giết rận rệp cũng bị khép vào tội này. Nhất định mẹ tôi và chị Ba sẽ phải bị nung trên sắt. Vì bất kể ngày nào, bắt được con cá là họ nổi lửa kho nường.

Tranh thứ tư vẽ bọn quỷ sứ tay cầm kim xông vào móc lưỡi một người đang bị trói. Lưỡi kẻ phạm tội bị bọn quỷ sứ kéo khỏi mồm đến một tấc. Ông Bảy bảo đó là người đã từng chửi Trời chửi Phật. Nếu vậy thì mọi người trong xóm sẽ bị rút lưỡi vì họ đều có chửi Trời, nhất là lúc nắng lâu hay mưa lâu quá:

- Mẹ cha thằng Trời không mưa xuống!

Phải vác sào đâm nó lủng bụng!

Anh Bốn Linh càng không tin có Trời có Phật mà chỉ có sức mình. Thế thì rút mấy lưỡi của anh cho đủ. Những nhục hình khác như moi mắt, moi gan, vớt người cho cạp nhai, voi xé rùng rợn, không kể xiết. Thằng Cù Lao xem tranh Thập Điện, thú nhận là nó có tội tà trời. Lúc còn ở ngoài biển, bất kể ngày nào nó cũng bắt cá. Nó còn nói láo với cha nó để được đi chơi. Việc chửi Trời, ít nhất nó phạm đến năm mươi lượt.

Những hôm đầu xem tranh Thập Điện, tôi hơi khiếp. Sau tôi hóa dày dạn, hóa chai, không sợ nữa. Có lúc đến chơi nhà ông Bảy, tôi đem cho ông vài hạt đỗ đũa hoặc vài hạt mướp làm giống. Ông Bảy cho những đứa trẻ tốt bụng như tôi thì Trời Phật sẽ xét lại, những tội lỗi sẽ được miễn giảm. Và nếu tôi khen ông Bảy một việc gì đó thì tôi có thể trèo lên cây ổi của ông, hái một bị đầy cũng được!

*
* *

Ông Bảy vừa sực nhớ có tôi và thằng Cù Lao cùng đến với chú Hai Quân. Ông đưa chúng tôi ra sau bếp. Ông rút nắm củi mía, nhờ sắc một nồi nước chè. Chú Hai ngăn lại:

- Đừng có mệt. Không uống đâu!

Ông Bảy ngồi xuống:

- Tôi một mình đơn chiếc ở cái am này.

Con vợ tôi bị bệnh phù, sau đó nó nghèo. Còn thằng con, nó vô làm ở hãng Ba Son, Ba Siếc chi đó, rồi cũng biệt tích, không biết chết đàng chết sá chỗ mô!

Ông Bảy kéo thằng Cù Lao đứng sát bên cạnh. Ông xì mũi, hỏi chú Hai Quân:

- Làm ăn ngoài nớ ra rãng? Nghe nói ngoài nớ có món yến sào ngon lắm. Sao không mang vài chục cân về đãi bà con?

- Ở ngoài nớ cứ nhớ nhà đêm không ngủ được! Làm ăn bữa đói bữa no, chẳng hơn chi xứ mình cả.

- Vậy hè! Tôi cũng bắt chước bỏ làng đi tận Phan Rang, Phan Thiết, mò tới Đồng Nai. Đất nước ông bà thật là mệnh mông chi địa, nhưng chỗ nào cũng chen chân không lọt. Kiếm được cái chi để bỏ bụng thiệt khốn khổ!

- Nghe đâu làng ta có năm đói lắm?

- Năm đói mẹ con bà Hai Quân cũng bỏ đi biệt tích!

Chú Hai ngồi lặng một hồi lâu, chột như tỉnh lại. Tiếng ông Bảy nghe loáng thoáng:

- Khi con cá con tôm, cái rau cái rác đã kiệt, tôi cũng bỏ làng đi kiếm ăn xứ khác.

- Làm nghề chi?

- Một trăm thứ nghề. Bá nghề là bá láp.

Gặp chi làm nấy. Bán thuốc cao, giữ chó, giặt áo quần, làm thuốc nam, cúng phù thủy. Khi đói đầu gối hay bò, cái chân hay chạy, cái giò hay đi... là vậy!

- Thế ai bày ông cúng phù thủy?

- Cái đói nó bày. Chủ nhà tôi ở bị đau thắt chỗ bụng. Lão tin là bị động mả động mồ, cần có thầy cúng. Tôi tìm việc không ra, liền tự nhận là thầy cúng vào loại cao tay ẩn. Tôi bắt chủ nhà sắm bút mực, giấy đỏ, giấy vàng. Tôi vẽ nguệch ngoạc những đầu trâu mặt ngựa. Vẽ người ta mới khó, vẽ ma quỷ có khó chi đâu! Khi lễ vật đã bày lên bàn, tôi bắt chủ nhà nằm phục xuống đất. Tôi nổi thét: "á y phà! á y phà! úm ba la!" Xong đó, tôi nổi lên ê a: "Này ta đến cửa Nam phương có chàng Ba Long Vương. Này ta đến cửa Bắc phương, có chàng Tư Long Vương..." Hết ê a, tôi nổi lên hú gọi toàn những tiếng rất bí hiểm "úm! Ôi! Đà ha, ma ha, tác, tác!"

Cũng may! Sau đó chủ nhà đỡ đau. Nhiều người khác mời cúng. Nghề dạy nghề, tôi học thêm những bài tấu, bài nương. Tôi học vẽ bùa, làm đồ mã. Sau đó tôi để râu. Một bộ râu dài rất cần cho ông thầy cúng. Bộ râu dài làm cho tôi có cốt tiên cốt Phật, trị được bọn quỷ dữ.

Ông Bảy có một bộ râu dài đến rốn, nó mọc quanh mép dưới cằm, thông dong như râu các vị quan văn trong tuồng hát bội. Khi nào đến chơi nhà ông Bảy, tôi cũng bắt gặp ông đang tĩa tóc vuốt ve, ra dáng hãnh diện về bộ râu đó lắm.

- Móng tay, tôi cũng để dài ra.

- Ủy! - Chú Hai nói nhanh - Cách mạng lên rồi! Phải cắt bớt thứ đó đi! Cách mạng có phải chuyện chơi đâu!

- Tôi cũng nghĩ như ông. Trước đây vì túng thiếu... Nay nghe thằng Bốn Linh nói, mình thấy thẹn.

- Những thứ vẽ Thập Điện Diêm Vương phải đem đốt hết!

- Phải! Vì còn có ai cúng kính chi đâu.

Bọn thanh niên không tin quỷ thần nữa. Chúng bảo nhau phải quét hết ma quỷ, ma quỷ làm cho người ta cứ nơm nớp lo sợ.



Tôi và thằng Cù Lao nấu niêu nước chè đã sôi. Ông Bảy múc hai bát nước lạnh, lấy kẹp tre cặp niêu nước chè rót vào hai bát. Nước chè nổi bọt trong thật ngon lành. Chú Hai uống một mạch. Hai người im lặng. Quanh làng đã yên tĩnh. Chỉ vài tiếng chó sủa lơ mơ. Mơ hồ phía ngoài sông có tiếng rao dò: "Ai đi dò!" Chú Hai nói như vừa tỉnh giấc:

- Mới mà mau thật! Tôi cứ nhớ ông bày cho tôi cái kế để được ăn cá nhám! Tôi nhai cỏ trộn với cơm nhả vào trã cá nhám. Chủ nhà tưởng mèo nôn muốn đổ. Thế là, hà hà, tôi xực hết. Với kế lạ như vậy, tôi tưởng ông đã thành Trương Lương, Hàn Tín mang ấn công hầu. Không ngờ mang về nghề thầy cúng.

- Ấy chết! Ông không biết công hầu là phong kiến gốc đó hả? Cách mạng đánh đổ đế quốc phong kiến. Tôi mang cái thứ đó về hại bà con hả? Trước đây tôi tìm không ra Cách mạng. Bây giờ Cách mạng đã có rồi...

- Tôi nghĩ phải gặp anh Sáu hoặc hỏi thằng Bốn Linh nhận một công tác. Bữa nay, mình đứng ngoài, thấy khó khó...

Chú Hai hỏi những chuyện xảy ra trong làng trong lúc chú đi vắng. Ông Bảy thuật lại nạn mất mùa, nạn đói, chuyện Tây đến dựng nhà máy ươm trong tổng, chuyện quan trên bắt dựng vọng lâu và vào làng bắt cộng sản, chuyện đốt nhà, trộm trâu. Chuyện đói kém là chuyện ông Bảy nhớ nhiều nhất.

- Con người ta sinh ra ở đời ai cũng có cái vui buồn, cái lo, cái ghét. Nhưng nghĩ cho kĩ, thì cái sợ là nhiều nhất. Trong các cái sợ, có cái sợ đói là ghê gớm nhất. Từ lúc cha sinh mẹ đẻ cho đến lúc chết, người ta chỉ lo một việc. Đó là lo đói. Lo ngày lo đêm, dồn hết sức mình tài mình vào cái đói, thế mà vẫn đói. Tróc nã cho được miếng ăn thật là khốn khổ. Làng ta bỏ đi tha phương cầu thực cũng nhiều. Ban đầu có người đánh thư về nhà, nhưng sau không còn thấy tăm hơi đâu nữa.

Chú Hai hỏi:

- Vậy sau sợ đói là sợ cái chi?

- Là sợ ma! Ma đủ loại. Ma rà dìm người xuống nước. Ma le công người nhét giữa bụi tre. Ma trời chập choạng. Ma đuốc lập lòe. Ma đậu, ma xó, ma hời, ma trâu, ma lợn... Khắp bờ khắp bụi dày đặc những ma. Riêng quanh vườn đã có mười loại cô hồn như ta thường vái. Còn quỷ thì chỗ nào không có. Hòa Phước có hai bãi tha ma đây ma quỷ. Chỗ cây cao bóng mát đều có quỷ. Hởi ở đây có nhà nào lại không cúng, không vái, vái ma vái quỷ. Ông có nhớ năm ma đậu hoành hành, người chết như rạ. Kẻ nào làm cho hết ma, tôi cho là thánh sư bồ tát.

Một ngọn gió từ phía sông ập vào vườn, rung những tàu lá chuối nghe lộp độp như mưa. Có tiếng gọi đò, tiếng vang xa như từ một thời xa xôi nào dội lại. Bên kia sông một ngọn lửa bật sáng. Ông Bảy chợt nói:

- Tôi nghĩ đi nghĩ lại, ông trời thế mà có mắt! Ông về được đây, còn mang theo thằng nhỏ để làm vốn liếng!

Ông Bảy kéo thằng Cù Lao ngồi sát bên cạnh.

*
* *

Tôi và thằng Cù Lao đến chơi nhà bà Hiến. Bà đang ngồi kéo vải, cái xa kéo cứ quay rề rề. Một sợi chỉ như từ đầu trong con cúi cứ tòi ra mãi. Ban cứ tể sẽ dựng cho bà một ngôi nhà mới. Không biết ngôi nhà mới sẽ thế nào. Quả thật tôi thích cái nhà cũ của bà hơn, vì nó vừa thấp vừa tối. Mỗi khi đến nhà bà, tôi được cái thú khom người chui dưới mái tranh như chui vào một cái hang lạ. Dọc phen, bà Hiến treo những chổi cùn bằng tre, bằng rơm, dài ngắn đủ cỡ. Bà rất giàu về các loại chai vỡ, hũ vỡ, nồi vỡ, đặt thành một hàng dài trông rất lạ mắt. Nhà bà giống như một cái hang chứa chất đồ cổ. Thằng Cù Lao khen những nhãn pháo, nhãn chè dán trên cột, vẽ hình hổ báo vằn vện, những tượng râu ria cầm chùy, cầm xà mâu đứng múa. Trước đây, lúc rảnh tôi hay đến chơi đàng bà. Bà cho biết ngay trong xóm có một con rùa vàng. Nó là đồ thờ của người Chăm chôn dưới đất. Có lúc rùa vàng bò lên mặt đất đi ăn. Hễ gặp rùa vàng, ta phải lấy cái khăn có trát máu chó chụp ngay lên mình nó. Máu chó làm rùa không thể biến mất. Bắt được rùa vàng, bà sẽ giàu sang sung sướng. Bà sẽ làm một cái nhà toàn bằng gỗ lim. Bà sẽ sắm kiềng vàng, vòng vàng. Bà mặc toàn

gấm vóc. Chỗ nào có đói, bà sẽ đem gạo, tiền đến phát, bà sẽ được mọi người chiều chuộng. Bà Hiến kể cho tôi nghe chuyện nàng Phấn Diệp

- Nàng Phấn Diệp xưa kia đẹp như Hằng Nga. Việc bánh trái thêu thùa không ai bì kịp. Nàng còn biết đánh đàn. Tiếng đàn của nàng nghe réo rất như gió thoảng mây bay, lúc reo vui, lúc xót thương, tủi hổ.

Tôi bắt bẻ:

- Bữa trước, bà nói nàng đẹp như Tây Thi, bữa nay bà lại nói đẹp như Hằng Nga. Cũng nàng đó hay nàng nào?

- Cũng nàng đó.

Bà kể tiếp:

- Cách ăn ở của nàng làm ai nấy đều mến phục. Một hôm có một người sang trọng đến xin gặp nàng. Trong lúc trò chuyện, người đó giả bộ vô ý đưa tay chấm vào trán nàng. Chỗ chấm đó trở thành một cái vết. Cái vết đó rộp lên rồi đen lại. Vết đen đó loang ra khắp mặt, loang khắp mình mấy chân tay. Vừa lúc đó cha mẹ anh em của nàng đều chết hết. Nàng bơ vơ không nơi nương tựa.

Những người trước kia muốn gần nàng bao nhiêu thì nay lại tránh nàng bấy nhiêu. Cuối cùng nàng chết ở xó chợ giữa đêm mưa gió.

Kể đến đây bà Hiến khóc thút thít. Đó là chuyện nàng Phấn Điệp bà Hiến kể tôi nghe trước Tổng khởi nghĩa. Khi tôi và thằng Cù Lao đến chơi, bà kể thêm:

- Về cái chết của nàng Phấn Điệp, bà đã kể sai. Nàng vẫn còn sống. Chính trong cái đêm mưa gió nàng sắp chết liền có một người hiện ra. Người đó lấy ngón tay chấm vào trán nàng. Cái chấm đỏ trắng dần, lan ra dần. Lan ra đến đâu, da dẻ của nàng trở lại trắng trẻo hồng hào đến đó. Phấn Điệp trở lại xinh đẹp như xưa. Tiếng đàn của nàng trở lại réo rắt. Nàng lại được mọi người tôn trọng quý mến.

Tôi thúc vào hông thằng Cù Lao:

- May phước, không thì bỏ mẹ!

Theo bà Hiến thì chuyện Phấn Điệp không phải là chuyện bịa vì nàng Phấn Điệp có thực. Nàng đã từng ăn xin trước đây ở chợ, chính bà Hiến có trông thấy. Sau khi trở lại trắng da dài tóc, nàng không già mà cứ trẻ mãi, cho đến một lúc nàng hóa thành một con bướm trắng rồi nhẹ nhàng bay đi đâu mất.

*
* *

Tôi và thằng Cù Lao thấy rất rõ bà Hiến cần chúng tôi đến chơi để bà kể chuyện Phấn Điệp. Vì vậy chúng tôi thường đến chơi nhà bà. Tôi đứng sau nhà bà gọi to:

- Bà Hiến ơi!

- Đứa nào đó?

- Tôi đây. Chúng tôi đến để bà kể chuyện Phấn Điệp đây. Phải mở cửa mau mau ra đón.

Gặp thằng Cù Lao, bà nói:

- Tao nhớ đến thằng con của tao. Nó cũng tương đối như mày.

Bà thò tay lên cái gáo trên giàn. Bón quả bồ quân theo tay bà xuống nằm trên cái bát. Bà bốc hai quả đưa cho tôi. Tôi lắc đầu

không ăn. Chị Ba đã dặn không được ăn bồ quân của bà. Chị ba giảng giải:

- Bà Hiến không chết là nhờ cây bồ quân. Bà hái bồ quân đi đổi gạo. Mà ăn bồ quân của bà thì bà chết đói.

- Ăn một vài quả thì răng?

- Một quả cũng không được ăn. Bà nghèo lắm!

Bà Hiến bốc hai quả đưa cho thằng Cù Lao.

Tôi nháy mắt ra hiệu nó đừng ăn. Nhưng nó đã bỏ một quả vào mồm. Tôi trợn mắt ra hiệu rõ hơn. Thằng Cù Lao bỏ nốt quả thứ hai vào mồm nhai rau rầu, nuốt nghe ừng ực, ăn nhanh như cọp đói. Bà Hiến lấy thêm cho nó năm quả. Lần này, tôi phải ra hiệu bằng cách lắc đầu, giậm chân. Nhưng chỉ trong nháy mắt, tất cả bồ quân đã biến mất. Lúc về, tôi thấy cần phải cho thằng Cù Lao một bài học:

- Nè Cù Lao! Mà làm bà Hiến chết đói rồi!

Nó mở tròn mắt:

- Răng?

- Bà chết đói chớ răng nữa! Mà ăn hết bồ quân của bà. Bà chẳng còn gì để đổi gạo. Bà chết đói là tại mà!

- Thế tui đã lỡ thì răng?

- Mà phải mua bồ quân đem trả lại bà. Từ rày không được ăn cái gì của bà, nghe không! Ở đây người ta bảo "ăn phải coi nôi" là vậy đó. Tuy bụng mình đói meo, nhưng phải nói: "Tôi no quá, ăn không được nữa". Có muốn ăn cũng phải thông thả. Bụng có còn cào cũng phải đợi người ta mời năm lần bảy lượt mới cầm đũa. Khi cầm đũa phải gấp ít ít, không được luôn luôn thò vào món ngon. Đó là lễ nghĩa, chị Ba dạy vậy, nghe chưa?

Thằng Cù Lao vểnh tai nghe. Nó đồng ý là về làng, nó phải giữ lễ nghĩa. Lúc còn ở ngoài cù lao, cha nó đã từng dặn: Tuy về quê cũ, nhưng cũng như lội sông, chớ có lấu tấu, người ta chê cười cho đó!



Ban cứu tế cũng đã dựng xong cho bà Hiến một cái nhà một gian hai chái. Cái nhà mới của bà trông bề thế nhưng chẳng có gì hấp dẫn đối với tôi. Nó giống như mọi nhà khác trong làng. Tôi ngồi chéo chân chỉ lên nóc nhà:

- Nhà mới này chẳng thích đâu. Bảo làng làm lại cái nhà như nhà cũ. Cái nhà cũ thích hơn.

Tôi chỉ lên gian giữa:

- Sao không đem nhãn chè, nhãn chai dán lên như cũ?...

- Chỗ đó tao sẽ dán ảnh một người...

- Người nào?

- Người đã cứu nàng Phấn Diệp.

Thằng Cù Lao rất thích đến chơi nhà bà Hiến. Đến đây được ăn nói tự do. Nó nói thẳng với bà là từ nay trở đi nó không ăn gì của bà nữa, dù chỉ một trái bồ quân. ...n như vậy, bà sẽ lẩn đùng ra chết đói, nó phải vạ lây. Tốt nhất là đừng ăn. Bà Hiến bảo nó cứ ăn, bà không chết đâu mà sợ. Xưa kia nhiều lần bà muốn chết, nhưng bây giờ bà muốn sống. Thằng Cù Lao hỏi lúc bà muốn chết có phải là lúc bà bị cái chấm đen lan dần hay không? Nó còn biết xưa kia bà Hiến rất đẹp. Bà cũng giỏi nghề canh củi vá may. Có lúc nhà giàu đã thuê bà khóc mướn. Nó hỏi nhỏ bà:

- Có phải người ta thuê bà đi khóc mướn không?

Bà cười héo hắt:

- Mà ở cù lao Chàm làm răng biết được?

đây nhà giàu khi chết đưa ma to lắm. Họ thuê bọn con gái diện bảnh theo sau linh cữu để khóc lóc. Tao đã khóc như khóc cha mẹ mình chết vậy!...

- Thế còn ông Hiến đánh bà thế nào?

- Ông cột tao vào chân giường, đánh nổi lằn khắp mình mẩy. Trước kia ông rất hiền lành, ăn ở phải đạo. Sau đó ông bỏ làng ra đi. Ông nói sẽ mang tiền về làm tòa ngang dãy dọc. Nhưng ông về với một hình ma tướng cóc. Tao phải nuôi cho đến khi ông chết.

- Thế khi ông chết, bà có khóc không?

- Tao khóc mãi. Ông bỏ tao! Tao nhớ, tao thương ông lắm!

Nói đến đây, bà Hiến lại khóc thút thít.

V

Bọn chần trâu đòn thằng Cù Lao là thằng ngốc. Tôi cho là đúng. Chú Hai sai nó quét nhà. Nó không làm như tôi chỉ xách chổi quét qua quít là xong. Đằng này nó dẹp tất cả ghế bàn về một phía, múc nước phun khắp nhà. Nó bò như cóc chui xuống các gầm giường quét sạch tàn thuốc lá, quét không sót một lông tơ. Tất cả rác rưởi nó dồn lại một đống ở góc sân, nhóm lửa lên đốt. Thằng Cù Lao phí công vô ích. Chỉ nội ngày mai đâu lại vào đây nhà sẽ dơ lại như cũ. Nhưng anh Bốn lại khen nó quét sạch, không như tôi hay làm dối. Chị Bốn còn bảo quét nhà như vậy sẽ trở thành một tay nuôi tằm giỏi. Chị Bốn đưa cho nó cái chổi nhờ nó quét buồng tằm. Nó giở mảnh lách vào buồng, quét không sót một chỗ. Nó moi được một con cóc xách ném ra sân, tìm ra được một con ruồi lấy chổi đập chết. Nó bảo cóc thích ăn tằm, ruồi sẽ làm tằm đổ bệnh. ở ngoài cù lao Chàm, không ai nuôi tằm, nhưng không hiểu sao, nó tỏ ra rất thông thạo. Chị Bốn còn nhờ nó xem tằm. Ai nuôi tằm cũng phải nhờ các thầy tằm xem tằm tốt xấu. Họ bốc một nhúm tằm bỏ trên chiếc mo cau đưa ra ngoài sáng, trịnh trọng xem xét từng con, lật tằm chia ra từng nhóm. Sau khi xem kĩ, thầy tằm phán con nào bị bệnh quăn, bị bệnh đỏ đầu. Phải nhiều kinh nghiệm mới làm được việc đó. Chị Bốn bốc một nắm tằm gọi thằng Cù Lao:

- Cù Lao ơi! Lại đây xem tằm giúp chị.

Nó bắt chước người lớn, cũng rút tằm, cũng phân ra từng loại. Nó bảo con này lớn, con kia nhỏ, con này dài mỏ, rồi kết luận:

- Tằm chị tốt lắm!

Chị Bốn rất thích, khen nó xem tằm khá lắm.

Tôi phì cười:

- Mà ở biển, biết được cá song, cá trích, chớ làm chi biết được tằm tốt tằm xấu?

Nhưng chị Bốn cứ bênh nó, cho nó có cặp mắt tinh. Hề có cặp mắt tinh thì xem tầm không sai. Với lại nó sáng dạ. Đứa sáng dạ cái gì cũng biết. Chị mỉm cười:

- Thế mà anh Bốn mày cứ bắt tao phải đem đồ. Tao tiếc quá, cứ giữ lại.

Thằng Cù Lao nói như một ông thầy tầm lão luyện:

- Tầm vậy mà đồ đi, rất uống!

- Anh Bốn bảo công tác của anh lu bù, bão lụt đã đến... Tốt nhất đem đồ quách!

- Ấy! Ai lại làm như rứa! Phải gột dậu rưới cho tầm một nước. Tầm qua ăn một, lên ăn hai... ngủ lớn lên. Tầm sẽ tin, sẽ chộ, sẽ lớn, phải làm bữa cho tầm rúc, tầm vầy chớ!

Tôi ôm bụng cười lăn lóc, không hiểu nó học được những tiếng lóng đó ở đâu, nói nghe như vệt.



Cặp mắt thằng Cù Lao thật tinh. Buổi chiều thả trâu ăn ngoài bãi, nó chỉ cho tôi thấy những đốm sáng thật xa:

- Kìa, có ai nổi lửa bên kia sông kia kìa!

Tôi nhìn mãi mới thấy. Chúng tôi nằm ngửa nhìn lên trời. Nhiều chòm sao thưa hiện ra, nó chỉ cho tôi thấy trước. Nó chỉ hết chòm sao này đến chòm khác, đến một lúc tôi thấy trời đã đầy sao. Con trâu Bình bước gập ghềnh trong sao đưa chúng tôi về nhà. Chốc chốc nó gọi to:

- Tránh một bên! Có trâu đuổi!

Cặp mắt thằng Cù Lao nhìn xuyên qua bóng tối. Nhưng cặp mắt của nó đã làm tôi ngai ngại. Rõ ràng đôi mắt của nó thuộc về loại "lưỡng nhân bất đồng", con to con nhỏ. Ông Bảy Hóa là thầy xem tướng, đã bảo: kẻ bị cặp mắt "lưỡng nhân bất đồng" là kẻ ăn gian nói dối, lừa thầy phản bạn. Chơi với nó, nhờ nó đặt điều nói xấu tôi ăn vụng... Tôi lại hay đi tắm ngoài sông, nhờ cái "phản bạn" của nó nổi lên, nó dìu tôi xuống nước thì sao? Tôi nghĩ vậy nhưng tôi vẫn... thích chơi với nó.

Vắng nó tôi cứ thấy thiếu. Nó cũng hay hay, tôi bảo gì nó đều vâng theo răm rắp. Công việc của tôi là chăn con Bình. Chăn nó có mệt hơn trước nhiều. Sau ngày cướp chính quyền, cha tôi đi vắng, không ai đưa con Bình đi cày. Nó có béo ra nhưng hóa đồ đồn. Tính tự do quá trốn nổi lên. Hễ ra khỏi nhà là nó đâm đầu chạy. Ra đến sông, nó nghênh cổ thách những trâu khác húc lộn. Tôi bắt thằng Cù Lao bẻ roi dâu xông vào đánh thẳng cánh. Trâu húc phải bụng nhau ra.

Hễ thằng Cù Lao giữ con Bình không chạy bậy, thì lúc về tôi cho nó ngồi lên lưng trâu. Tôi thúc con Bình chạy. Thằng Cù Lao ngồi sau lưng tôi nổi kêu é é, hai tay ôm chặt bụng tôi. Hễ hai đứa không bị ngã, tôi cho tôi có tài đánh trâu chạy như ngựa. Nếu hai đứa bị ngã, tôi kêu ầm là nó đã làm tôi gãy xương sống. Đi chăn trâu về, mỗi đứa thường mang theo cục u. Những cục u đó càng ngày càng nhiều, Chị Ba bảo tôi lêu lổng ngoài sông, chơi những trò chơi của phong kiến. Nếu tôi không chữa, chị sẽ viết thư mách cha tôi. Cha tôi sẽ thưởng cho tôi vài chục roi để tôi hết lêu lổng và thằng Cù Lao hết bị những cục u trên trán.



Số lượng những cục u trên trán của tôi và thằng Cù Lao cứ tăng dần đến mức báo động!

Anh Bốn Linh nhận thấy chúng tôi phải cấp tốc đi học. Tôi đã đi học một lần, nay phải học lại. Bác úc cho rằng nước nhà độc lập, không thể làm anh dân ngu khu đen, mà phải... khai thông dân trí, mở mày mở mặt với khắp thiên hạ. Chị Ba bảo tôi và thằng Cù Lao thế nào cũng phải làm cán bộ. Cán bộ mà dốt đặc thì làm gì! Trong lúc chờ đợi trường mới, tôi và thằng Cù Lao đến học ở thầy Lê Hảo. Thầy ở xóm dưới, cũng gần. Tiền học trả bao nhiêu cũng xong.

Anh Bốn Linh bàn với chị Bốn:

- Thằng Cù Lao đi học thì phải đặt cho nó một tên khác. Có được cái tên cho thật hay thì làm ăn mới nên nổi.

Chị Bốn cũng nhận ra cái tên Cù Lao nghe là lạ, vì cù lao là cái cục nhô lên ở đáy chai. Phải đặt cho nó một tên có chữ lót hẳn hoi. Anh Bốn bảo cái tên của nó phải nghe cho oai cái đã. Tên nó

sẽ là Nguyễn Tuấn Kiệt hay Nguyễn Cao Hùng hoặc Nguyễn Đông Hải chẳng hạn. Chú Hai cho biết tên nó là Nguyễn Biển. Không hiểu sao khi về đây ai cũng gọi nó là thằng Cù Lao. Bác úc cho cái tên Cù Lao nghe cũng hay. Cù Lao không phải là cái đáy chai, mà là một hòn đảo giữa biển. Nó gọi cho thằng Cù Lao nhớ lại nơi nó sinh ra. Và trong sách cũng có câu: "chín chữ cù lao" để chỉ công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ. Mọi người trao qua đổi lại không ngã ngũ ra sao cả. Cuối cùng cái tên Cù Lao ở lại với nó.



Vào một buổi sáng đẹp nhất, tôi và thằng Cù Lao đến học ở nhà thầy Lê Hảo. Thằng Cù Lao vẫn giữ cái quần treo. Nó cũng không chịu từ giã cái mũ nồi quý hóa, bảo đó là chiếc mũ của khách quý trên một chiếc tàu đánh rơi ngoài biển. Nó nhặt được trong chuyến đi khơi. Hôm đầu nó đến lớp, bọn trẻ con cứ xì xào. Có đưa dòm vào mũ nó, xem thử bên trong có cái vôi hay không. Chúng còn đợi xem thằng Cù Lao đi uống nước để biết rõ nó uống nước cách thế nào?

Thầy Lê Hảo dạy cho thằng Cù Lao học chữ a rồi đến chữ b. Sau đó nó học chữ o, chữ ô. B ghép với a thành ba, b ghép với o thành bo, thêm dấu hỏi thành bỏ. B ghép với ê thành bê, thêm dấu hỏi thành bề. Thầy bảo đọc: Ba ba bỏ bề. Thầy Lê Hảo bảo tôi:

- Trước đây, mày học đến vần tr. Tr ghép với ê thành trê. Mày đã học vần ph. Ph ghép với a thành pha, thêm dấu sắc thành phá.

Thầy bảo đọc: Cá trê phá nhà.

Thằng Cù Lao đọc trọ trẹ, ba ba bỏ bề nghe như ba ba bò bề. Cả lớp cười ồ. Thầy Lê Hảo quát:

- Cười cái gì! Đọc to lên đi!

Tất cả chúng tôi nổi rống như ễnh ương. Miệng đọc nhưng mắt vẫn liếc về phía thằng Cù Lao. Ra về, thằng Cù Lao bảo nó chưa hề thấy người nào bắt được con ba ba lại đem thả xuống bể. Hễ bắt được ba ba, là phải đem làm thịt để chén. Ba ba nấu với lạc ăn rất ngon. Tôi hiểu câu "ba ba bỏ bề" có một nghĩa khác. Nghĩa là ba ba khi rơi xuống đất phải nát ra từng mảnh. Bề có nghĩa là

nát, là vỡ ra. Thằng Cù Lao có vẻ chưa thông vì nó biết cái mai của ba ba rần lăm. Tôi tiếp luôn:

- Nếu thả rớt không bể, thì phải ném thật mạnh. Mai nó phải bể toang ra chớ!

Thằng Cù Lao còn quả quyết là nó biết tất cả những loài bơi lội dưới nước. Cá trê không bao giờ phá nhà cả. Tôi phân tích cho nó thấy giống cá trê thường thích chui rúc trong hang. Lúc lụt to, cá trê sẽ chui vào các lỗ cột. Cột nhà bị long, nhà phải ngã. Cách giải thích của tôi cũng chưa thỏa đáng. Rốt cục chúng tôi phải tưởng tượng một con cá trê to bằng cái đình làng, có đôi ngạnh to bằng cây cột. Nó lách đến đâu thì nhà cửa sụp đổ đến đó. Có một con cá trê như vậy nom cũng rất lạ. Dần dần chúng tôi tin nhất định phải có một con cá trê to như vậy. Câu chuyện đến tai chị Ba. Chị Ba giảng giải:

- Ba ba là ba ba. Bỏ bể là bỏ bể. Đó là những chữ riêng rẽ không dính dáng chi nhau cả. Cũng như cá trê là cá trê, phá nhà là phá nhà. Những chữ đó không ghép thành câu mà chỉ để đánh vần. Chị đã học những chữ đó trong quyển quốc văn lớp đồng ấu.

Nghe chị Ba giải thích xong, chuyện ba ba, cá trê chẳng còn thú vị gì nữa. Cách giải thích của chị Ba đã quét sạch cái màn sương kì diệu bao phủ chung quanh cái kì lạ. Những chữ "ba ba bỏ bể", "cá trê phá nhà" bỗng chốc hóa trở trụi, khô héo, không có ý nghĩa gì nữa.



Chợt một hôm, thầy Lê Hảo cải cách hoàn toàn nội dung giảng dạy. Thầy tuyên bố với cả lớp những chuyện "ba ba", cá trê" là những chuyện của sách thời đế quốc phong kiến. Từ nay trở đi, tất cả học trò sẽ học những bài hoàn toàn mới. Thầy bảo cả lớp nộp vở xếp vào thành một chồng để thầy chép bài thơ hay. Những đứa chưa biết đánh vần cũng phải học thuộc bài thơ cái đã. Thuộc thơ trước, đánh vần sau. Một số bài thơ yêu nước của các nhà chí sĩ được thầy Lê Hảo dạy, chúng tôi đọc to khắp làng xóm:

Ngồi ngắm chuyện năm châu trên trái đất

Sóng văn minh dôn dập cả phong trào

Kìa như ai, sức thì mạnh, của thì nhiều

*Trời há lẽ riêng yêu chi một cõi
Sao ta cứ đã man quen thói...
Á tể á năm châu là bậc nhất
Người nhiều hơn mà đất cũng rộng hơn.
Cuộc đời mở hội doanh hoàn
Anh hùng bốn bể giang san một nhà...*

Đại để bài nào cũng có những năm châu, bốn bể, có sóng, có bão táp, phong ba. Cái đó thằng Cù Lao rất thích, vì nó từng thấy ở cù lao Chàm. Nó học thật to, khắp xóm đều nghe rõ. Tôi và thằng Cù Lao thấy mình như đang lượn quanh bốn bể, giữa mưa R u gió á. Ai cũng khen thầy Lê Hảo cho ra những bài học nghe réo rắt, quả là hay! Chị Bốn, chị Ba nghe qua là thuộc như cháo, bảo tôi xin thầy chép thêm nhiều bài nữa.

Mẹ tôi cũng khen:

- Ủ, nghe thiệt là hay!

Thằng Cù Lao thích thú thả hết giọng, rống võ nhà võ cửa.

Mẹ tôi còn dặn chị Ba, chị Bốn:

- Chúng nó đã là học trò. Từ rày chớ sai chúng nó nấu cơm rửa bát. Đó là chuyện của con gái đàn bà. Đừng để cái "tâm" của chúng bị mờ vì khói và bồ hóng ở nhà bếp. Phải giữ cho học trò sáng dạ để học trò học cho hay chữ, cái đó không chi bằng.

*
* *

Ở lớp học, chúng tôi thi nhau rống như ễnh ương:

*Sao ta cứ đã man quen thói
Khom thân nô mà luôn cúi dưới cường quyền?*

Thầy Lê Hảo bày tiếp:

Hú hồn các chú thiếu niên...

Chợt thấy vùng dậy kêu thất thanh:

- Ủy thôi rồi! Các trò ơi! Con heo của tôi nhảy chuồng!

Nghe tiếng gọi hoảng hốt, chúng tôi bật lò xo, vút sách vở phóc ra sân. Thằng Cù Lao phóng ra trước. Tiếng kêu la âm ỉ tưởng có hùm vừa xổng cũi. Đứa nào cũng sẵn sàng hi sinh tính mạng bắt cho kì được con lợn của thầy.

Con lợn đang ung dung bước đến chỗ hàng rào. Thầy chưởi: - Mẹ cha mày! Phen ni phải mời cho được lão bán thịt. Khôn vong thì quay về, không tao xuyt chó cắn chết!

Con lợn quay lại neho mắt nhìn như muốn xem học trò có bao nhiêu đứa, và có đứa nào chạy giỏi không? Nhìn xong, nó ung dung ngoắt đuôi rúc rào chui sang vườn bên cạnh.

Chúng tôi gọi nhau chạy vòng ra phía trước. Con lợn như đoán được ý đồ của chúng tôi, liền chui một mạch ra bãi dâu. Chúng tôi vừa hét vừa rượt theo. Con lợn cứ chạy loanh quanh trên bãi cát. Có lúc nó đổi hướng bất ngờ làm nhiều đứa ngã ụch. Chạy được một lúc, đứa nào nghe cũng đuối sức. Có đứa mệt quá đã nằm dài. Chân tay đuối thẳng, mồm thở hồng hộc. Thằng Cù Lao cứ phóng lên đón đầu. Chợt nó nhào về phía trước. Con lợn đã dính chặt trong tay nó, đang vùng vẫy la hét. Thằng Cù Lao hô to:

- Mau mau, nắm chân trước!

Chúng tôi cứ nhón nháo chạy chung quanh vì con lợn vừa thét vừa lồng lộn khiếp quá!

Thầy Lê Hảo chạy đến đè lên đầu lợn rồi trói lợn lại. Trói xong, chúng tôi mới dám ra tay.

Việc bắt lợn đã đánh dấu một giai đoạn chuyển biến của bọn trẻ. Chúng xâm xì:

- Thằng Cù Lao chạy tài quá!

- Nó mạnh thiệt, bay nè!

- Thôi chớ có chọc nó. Nó mà chụp được thì không thoát được đâu!

Chúng tôi rất mong cho lợn của thầy Lê Hảo vài hôm lại nhảy chuồng một lần để có dịp được chạy nhảy bắt lợn. Nhưng rất tiếc từ hôm gặp phải tay thằng Cù Lao, con lợn đã biết rút kinh nghiệm. ...n xong nó cứ ngủ ngoan ngoan trong chuồng, không thích nhảy cao và chạy việt dã nữa.

Thằng Cù Lao chịu đổi chiếc mũ nồi để lấy một đôi chim sẻ. Nó đến lớp, để đầu trần. Mất chiếc mũ nồi bỗng nhiên bọn trẻ thấy nó chẳng có gì khác những đứa nhỏ trong làng. Người áo quần cũng chẳng còn cái mùi khát khét của lính Nhật. Chúng bảo nhau:

- Thằng Cù Lao không phải mọi biển.

Nhưng không hiểu sao nó ở ngoài biển mà lại biết được trong mông ông Bảy có một cái sẹ. Những bí mật đâu đâu nó cũng biết được. Nghề tầm tợ, nghề đường mía nó thuộc lòng.

Nó nói như một thợ nấu đường:

- Nước mía luộc xong phải lên lóng. Sau đó rút nỏ để xuống lóng. Uống một bát nước "chè hai" là khỏe ra ngay.

Nó giảng thêm:

- Chè hai không phải là nước chè đậu. Nó là nước mía đã luộc múc đổ vào thùng lóng để xuống lóng đó.

Nó chỉ lên cây sung, nói với bọn chẵn trâu:

- Trên kia kia có cái hốc to lắm!

Bọn trẻ hỏi lại chú Năm Mùi và anh Bốn Linh. Quả thật ở chỗ chẵn ba trên cây sung có một cái hốc rất to.

Nó đi chợ Quảng Huế về, bọn chẵn trâu hỏi: - Chợ Quảng Huế ra răng? Có to không?

Nó làm như một cụ già từng sống lâu năm ở quê đang kể lại chuyện xưa trước mặt con cháu:

- Chợ Quảng Huế to và đẹp hơn trước nhiều. Ngày trước đó là chỗ phát chẩn. Trước đây lúc trời nhá nhem, ở thôn mình có tiếng phèng la, rồi có tiếng rao inh ỏi: "Ngày mai quan trên về phát chẩn tại chợ Quảng Huế. Ai đói lên chợ Quảng Huế lãnh chẩn!". Dân làng lôi quần áo rách ra trông vào. Người chưa chết đói cũng làm ra bộ chết đói. Nhiều hình ma tướng cóc trông tội nghiệp lắm! Họ chen chúc dưới roi vọt để lọt qua được cái cổng tre vào lãnh chẩn. Người xét được lãnh phải nhận một vết nhọ nồi lên trán. Có được vết nhọ nồi, sẽ lãnh được một bát gạo.

Tất cả bọn trẻ reo lên:

- Ối! Nó làm như nó từng lãnh chẩn hồi trước!

Ban đầu chúng tôi chưa tin. Sau hỏi lại người lớn, những điều nó nói đều có thật cả.



Lớp học thầy Lê Hảo càng ngày càng đông. Học trò phải trải chiếu ngồi tận ngoài hiên. Học hết những bài thơ yêu nước, thầy Lê Hảo chép những bài hát cách mạng cho học thuộc lòng. Đứa nào biết hát thì hát, đứa không biết hát cứ ê a vẫn được:

Đoàn quân thiếu niên tiên phong chúng ta Quyết đem xương máu để rửa thù xưa Mau! Mau! Mau! Theo cờ đỏ sao vàng Rút gươm, ta thề giết quân tham tàn...

Không khí trong lớp càng sôi nổi. Bọn chăn trâu nhiều đứa xin được vào học. Cả lớp tiến bộ trông thấy. Thầy Lê Hảo nghiêm nét mặt:

- Tôi dạy các trò theo phép thánh hiền.

Trước học lễ sau mới học văn. Các trò phải học lễ nghĩa trước, tức là phải học cái tinh thần cách mạng trước. Hiểu cái tinh thần cách mạng trước, sau học đánh vần thì tốt hơn.

Nói xong, thầy vừa ngâm vừa hát:

Anh em ta mau bỗng sùng tiến ra sa trường Khúc hát hành quân đang vang lừng trong bốn phương.

Chúng tôi vừa nhảy vừa hát theo. Đứa tối dạ thuộc càng nhanh. Học xong có thể xin về trước. Đứa nào cũng có những việc ở nhà: gánh nước, mót củi, chăn trâu. Thường đến nửa buổi, tôi đứng dậy bước đến trước mặt thầy, vòng tay lên ngực:

- Thưa thầy, cho tôi về đưa trâu đi uống nước.

Thầy nhìn lên:

- Ủ, cho trò về.

Tôi ra hiệu cho thằng Cù Lao. Nó cũng đứng dậy đến trước mặt thầy chấp hai tay trên bụng:

- Thưa thầy, cho tôi về dắt trâu đi uống nước.

- Ủ, cho trò về.

Tôi đi trước, thằng Cù Lao theo sau. Nó hỏi:

- Cuộc ơi! Có đưa trâu ra bài không?

Tôi xăng giọng:

- Cuộc, Cuộc cái chi! Tên tao là Cục, không phải là Cuộc. Về đã hơn tháng nay mà cứ trọ trọ. Ra bãi phải nói ra bãi, chớ không phải ra bài.

Tôi bắt nó nói đúng giọng theo tôi. Về đến nhà, tôi bảo nó ra chuồng mở dây mũi cho trâu Bỉnh. Trâu Bỉnh độ này thích thằng Cù Lao lắm. Khi thằng Cù lao đến gần, nó không khịt, lại còn thè lưỡi liếm vào cổ nó. Thằng Cù Lao vuốt vuốt lưng trâu khen:

- Cái lưng mày láng quá! Mày hoàn toàn quá!

Người ta bảo ngốc như trâu mà nó lại khen trâu là "hoàn toàn". Chợt chị Ba ở trên nhà nói xuống:

- Thôi đừng cho trâu đi uống nước nữa!

Tao cho nó uống ở giếng rồi. Mày chớ rủ

thằng Cù Lao ra sông đánh đá với bọn chẵn trâu xóm dưới...

*
* *

Từ hôm tôi và thằng Cù Lao bị mấy cục u trên trán, chị Ba tỏ ra nghiêm khắc. Thằng Cù Lao nghe chị Ba mắng, đã lặng lẽ bỏ đi. Tôi lên nhà trên thấy chị đang đếm tiền. Bạc giấy nhiều lắm. Chị Ba như đoán được ý nghĩ của tôi:

- Tiền cứu tế đồng bào bị đói. Không phải xin năm mươi xu được đâu! Cha đi vắng, mày để trâu Bỉnh giờ xương!

Tôi trả lời rành mạch

- Phải bán con Bỉnh đi chớ! Để làm chi ý kiến của tôi hơi đột ngột, làm chị Ba quay lại:

- Mày không thích giữ trâu nữa hả?

- Có thích hay không thích cũng phải bán.

Ngày mai ngày kia, máy cày máy gặt sẽ về. Không cày bừa bằng trâu đâu.

- Ai nói thế?

- Không phải bán trâu mà thôi! Còn phải dỡ nhà cho mau nữa!

Chị Ba mở tròn mắt:

- Là hề!

- Thế chị Ba không biết chi hết hả?

- Chẳng biết.

- Phải dỡ nhà cho mau để có chỗ xây dựng phố xá, kiến thiết lâu dài. Chị Ba tính, những ngôi nhà cao mười tầng, những lâu đài, những trường học đồ sộ! Nhà cao như vậy, làm sao leo lên leo xuống, chị Ba hở!

- Thế rồi chi nữa?

- Chị Ba bỏ cái nghề kéo thao lấy nước nhộng cho heo đi. Chị phải đi học để trở thành bác sĩ, kĩ sư, khỏi phải thức khuya dậy sớm, khỏi việc rau heo cám chó.

- Sướng quá hề!

- Cũng chỉ ngày mai ngày kia thôi, ruộng đất sẽ trở về tay nông dân, nhà máy, hầm mỏ về tay công nhân. Nhà ta khỏi phải ăn cơm gạo bắp. Chị Ba ăn cái gì chị Ba thích, cần xài bao nhiêu cũng được. ...n tiêu tùy cần, làm việc tùy sức. Làm việc vài giờ một ngày cũng đủ sướng lắm! Chị khỏi ngủ gật.

- À tao hiểu rồi! Cái đó còn lâu kia, khi vào xã hội cộng sản kia. Từ đây đến đó còn phải gian khổ, còn phải nhiều năm, không phải ngày mai ngày kia mà được. Nhưng chị hỏi mày học lỏm đâu đó?

- Thèm học lỏm! Tôi ngồi chỗ cây cột nghe đảng hoàng anh cán bộ tỉnh về nói. Có anh Bốn Linh dự nữa. Anh cán bộ oai lắm, có đeo súng lục. Tôi nghe rõ anh nói: ngày mai đây, chúng ta sẽ như thế này, chúng ta sẽ như thế kia, chỉ nay mai thôi!

Chị Ba quay sang phía mẹ tôi:

- Làm chi chỉ nay mai, mẹ nhỉ! Làm chi có anh cán bộ cỡ đeo súng lục lại nói như rứa? Cán bộ như rứa phải nói đúng từng li từng tí. Con đi dự lớp huấn luyện, anh cán bộ thuộc sách lâu lâu còn phải giở sách ra xem, coi đi coi lại từng chữ chứ mẹ!

- Anh cán bộ nói là ngày mai thôi...

- Ai nói vậy? Có mày phịa ra thì có!

- Có chị phịa thì có!

- Độ rầy cha đi vắng, mày đi đánh lộn ngoài sông, hết xưng là Triệu Tử Long, là Hạng Võ, bây giờ lại học thêm sách của ông Tư Đàm chuyên nói láo.

Ông Tư Đàm làng tôi nổi danh về tài nói láo. Tên của ông đã vượt ranh giới của xã, lên đến tổng và huyện. Ông nói láo có sách. Chị Ba vừa cười vừa kể chuyện với mẹ: - Bữa trước con lại đăng nhà ông Tư Đàm. Con chó của ông nổi sữa. Ông nói: "Con chó của chú trước đây nó sữa, tiếng sữa nghe như tiếng chuông. Nhưng nó có cái tật hay sữa bậy. Chú giận quá lấy gậy đập vào đầu nó. Đầu nó toác ra làm đôi. Chú phải lấy dây lạt cột lại. Bây giờ nó sữa nghe cạch cạch, chẳng khác cái mõ bể".

Mẹ tôi vui miệng kể luôn:

- Trước đây ông nói với mẹ như ri: "Một hôm tôi cứ nghe buồn buồn trong bụng, không biết nhớ cái chi? Té ra tôi đang thèm thịt cọp. Tôi liền đi Dùi Chiêng để gặp Bá Hoành. Ông Bá Hoành ở Dùi chiêng săn cọp nổi tiếng. Tôi rủ ông Bá cùng đi. Tôi bày cho ông ta mua thứ hương mê để xông hổ. Thứ hương mê hễ ai hít phải là lăn ra ngủ như chết. Chúng tôi đứng trên đầu gió xông hương mê cho cọp hít. Cọp lăn ra ngủ, tôi xách giữa giữa hết răng nhọn. Vuốt nhọn tôi cũng giữa hết. Một con cọp mà răng với vuốt đã mòn thì chỉ còn là một con ghé con. Tôi trói cọp lại mang về. Bá Hoành phải phục tôi sát đất".

Chị Ba cười lẫn. Mỗi tiếng cười của chị là một nhát kim đâm vào tim tôi. Tôi muốn xòe năm ngón tay như vuốt cọp để bấu cho chị Ba một cái. Tôi găm lên:

- Chị Ba giống như ông Tư Đàm.

Để trả miếng, tôi cố moi móc những chuyện của chị Ba cho mẹ tôi nghe:

- Mẹ nè, chị Ba bẻ mít ngoài vườn đem đãi các bạn. Chị nói láo là mẹ bảo: "Cách mạng lên rồi, không nên tham ăn nữa. Phải bẻ vài trái mít đem đãi bạn. Mẹ cho bẻ hết mít đãi các chị". Chị Ba đưa các bạn vào ăn trong miếu Bà Tằm. ...n xong, chị nhảy tót lên bàn thờ làm bà đồng cốt nổi ngáp ợ la lên: "Ta đăng vân giá võ về đến đây. Ta là Bà Tằm, là Tây Lăng Vương Nữ đây. Ta nói cho các người biết để liệu hồn! Đứa nào không mang xôi chuối đến cúng

bà, bà sẽ vắn cổ. Tầm của nó sẽ bị bệnh đỏ đầu, sẽ hóa con quăn, con hơi tuốt hết. Tao là thần, nhưng không phải không biết thù vật. Đứa nào nói gì tao ghim lại hết!

Chị còn chỉ vào mặt chị Bảy Có rống to: "Mày là con Bảy Có đó hử? Mày là con hay nói sau lưng dữ lắm! Có phải mày đã nhon mồm nhon miệng nói tao phen ni sợ Cách mạng. Mụ Tầm đã bỏ đi mất. Mụ về chốn Bồng Lai tiên cảnh để kiếm chút chồng. Gái già ở vậy buồn lắm! Chồng con chi hử con kia? Đứa nào nói chuyện chồng con là tao vắn cổ chết ngay! Tao cấm không được nói đến chồng con. Phải lo cứu nước cái đã!" Mẹ tôi nghe vậy hoảng quá van xin: - Trăm lạy bà! Bà tha cho nó. Nó trẻ người non dạ!

Chị Ba thách tôi:

- Mách nữa đi!

Tôi chẳng chịu thua:

- Chị còn nói thế này nữa: Thằng con trai nào đến hỏi chị, chị sẽ bẻ cẳng. Chị phải lo cứu nước cái đã. Mười năm nữa mới lấy chồng.

Chồng của chị sau này không phải là đám xoàng xoàng ở Hòa Phước này đâu, phải là một cán bộ quân sự đánh giặc giỏi, có súng lục hẵn hoi.

Tôi đã động đến những điều riêng tư của chị Ba. Những điều đó, chị chỉ nói với các bạn thân trong lúc vui miệng. Chị Ba quay lại phía mẹ:

- Mẹ để nó nói như vậy hử? Mẹ không phết cho nó ít roi.

Tôi đứng dậy nhại lại, vừa nhại lại vừa đi ra chuồng trâu. Tôi mở dây mũi đưa con Bình ra sông uống nước.

VI

Tôi ngồi trên lưng con Bính, lòng đầy ám ức. Con Bính nặng nề bước từng bước chậm chạp. Tiết trời đã chuyển. Những trận gió nam từ lâu ngớt thổi. Khắp trời mù mịt. Ngàn dâu không xanh như mấy tháng trước. Khắp bãi dâu ngả màu trắng đục. Dâu trên cành chỉ còn những chùm lá li ti như tùm lông chim. Tôi nhớ lại rất rõ buổi nói chuyện của anh cán bộ với ban chỉ huy tự vệ. Anh nói đi nói lại mấy lần: Ngày mai ta sẽ kiến thiết như thế này. Ngày mai ta sẽ xây dựng như thế kia. Thế mà chị Ba dám bảo tôi đã học sách nói láo của ông Tư Đàm. Cái oan của tôi còn nặng hơn cái oan của Thị Kính. Mẹ thường bênh tôi, nhưng nay cũng về một phe với chị Ba, cho tôi nói láo. Con trâu Bính vừa đến bờ sông, tôi vụt cho nó một roi. Con Bính bị vồ bất ngờ nhảy chồm ra sông, nằm mẹp xuống nước. Tôi thần thờ nhìn quanh. Một chiếc đò nằm chờ yên lặng. Những cây đa bên kia sông nom xa giống như những cụ già cúi kính. Tôi nhặt hòn sạn vứt xuống sông. Chợt có tiếng chân bước. Tôi quay lại. Thằng Cù Lao ở đâu đã tới. Nó cho biết là cha nó sẽ đi Đà Nẵng thăm anh Sáu. Nó muốn đi theo. Tôi buông cọc lốc:

- Đi Đà Nẵng hay đi đâu kệ mày!

Tôi nói là tôi đang tức lộn ruột. Tôi kể cho thằng Cù Lao nghe những việc vừa xảy ra.

Thằng Cù Lao như sừng sốt:

- Tại sao lại không như rứa? Phải có những nhà mười tầng chớ. Tui cũng nghe anh Thanh nói rứa. Anh nói trong ngày mai hay trong tương lai chi đó, rất gấp thôi. Ngày mai, chúng ta sẽ ấm no hạnh phúc ta sẽ xây dựng những ngôi nhà đồ sộ, những vườn tược thênh thang, những bể bơi, những bãi tập, sẽ đóng những tàu thủy đi khắp địa cầu...

Nó thêm:

- Có khó chi! Ta làm nhanh như chớp. Liên Xô sẽ giúp ta vôi gạch, sẽ đưa tàu bay đến chuyên chở. Máy móc nhà cửa họ đã làm

sẵn. Ta chỉ còn có đào đất dựng lên. Năm bảy hôm là xong tất. Nhà không phải chỉ có mười tầng mà là hai ba mươi tầng. Lúc đó chị Ba sẽ thấy, sẽ tin bọn mình. Tức giận làm chi cho mệt?

Khi thằng Cù Lao nói xong, tôi ôm choàng lấy nó. Không ngờ ở đời này còn có người hiểu tôi như vậy. Thằng Cù Lao đúng là bạn tri âm của tôi. Nó thông minh quá, biết được việc tàu bay Liên Xô giúp ta kiến thiết nhanh chóng. Tôi nói nhà có mười tầng, nó thêm đến ba mươi tầng. Không chỉ kiến thiết nhà cửa, mà còn đóng tàu thủy, đào bể bơi, xây công viên đồ sộ.

Tôi nhìn lại mặt mày của nó. Cái trán nó trước đây tôi thấy dô ra, nay thấy cao rộng và thông minh. Cặp mắt của nó chẳng có gì là "bất đồng", là lừa thầy phản bạn, mà chỉ bị lác một tí thôi. Lỗ mũi nó hếch, chứng tỏ nó rất tốt bụng. Tôi hỏi:

- Làm sao Cù Lao biết được?

- Ngoài biển cũng có Cách mạng, cũng có Việt Minh, có lớp huấn luyện. Anh Thanh về mở lớp giảng nhiều cái hay lắm. Anh cũng là Việt Minh, giỏi không kém anh Sáu.

Tôi nhích gần lại thằng Cù Lao, quàng tay vào vai nó:

- Thế Cù Lao không hỏi anh Thanh bọn trẻ con mình sẽ làm chi?

- Bọn trẻ con sẽ mặc đồng phục, đi giày da. Tôi chưa hề mặc đồng phục và đã thấy đôi giày da. Đó là đôi giày da của ông phán Ninh đi qua làng. Nó láng bóng.

- Thế anh Thanh có nói ta thành bác sĩ, kĩ sư cả không?

Thằng Cù Lao lắc đầu nói thẳng:

- Cái chi chớ bác sĩ, kĩ sư, tui chẳng thích. Tôi cũng chẳng hiểu bác sĩ, kĩ sư sẽ làm gì. Chỉ biết đó là những người học giỏi, biết chữa bệnh bằng cách tiêm kim và biết vỗ trầu béo.

Thằng Cù Lao không úp mở:

- Tui chỉ muốn làm nghề bánh kẹo. Hai thứ đó ăn không bao giờ chán. Ai không thích bánh kẹo. Tui làm thứ bánh kẹo thật ngon, người ăn càng thích.

Tôi tán thành Cù Lao làm nghề bánh kẹo. Tôi không rõ người ta làm các thứ bánh kẹo ở đâu. Có lần cha tôi xuôi phố Hội An, mua về mấy phong bánh in hiệu Phú Hòa. Bánh ngon tuyệt.

Cha tôi bảo ở Hội An có nhiều nhà làm bánh ngọt. Như vậy thằng Cù Lao muốn làm bánh ngọt phải đến tận Hội An. Làm kẹo thì dễ hơn. Tôi mách đường chỉ lối: - Hay Cù Lao học nấu đường. Vì kẹo cũng là đường đánh thành kẹo. Làng ta có ba lò đường. Sang nhà ông Tư Trai học nghề nấu đường. Thợ nấu đường ông nào mặt mũi cũng đen thui, nước da đen của Cù Lao rất hợp. Hơi đường thơm nứt mũi. Uống bát nước chè hai khỏe ra như uống thuốc bổ.

Thằng Cù Lao chột hỏi:

- Thế nấu đường có được đi đây đi đó không hở?

- Ấy! Đã nấu đường thì phải canh bên chảo! Phải bỏ vôi, phải múc nước mía, phải vớt bọt, phải khuấy đường. Lúc đường sắp quánh, lỡ một chút là đường khét ngay!

Thằng Cù Lao tỏ ra rất phân vân. Nghề gì bị cột chân một chỗ là nó xin vái không làm.

Tôi nhắc đến các nghề khác. Nghề làm tầm cũng bận rộn xung quanh cái nong cái né. Nghề kéo thao cũng phải ngồi bên nồi kén. Nghề chằm nón làm cho mọi người không bị cảm mạo, nghề bồi quạt làm cho mọi người có gió mát nghề thợ nhuộm làm cho áo quần cũ trở nên mới, tất cả nghề đó rất khó đi xa. Cả những nghề nhỏ nhất như nghề đan phen, nghề đắp ông táo cũng không hợp với nguyện vọng đi đây đi đó của thằng Cù Lao. Tôi nhớ đến những người bán hàng chạy, đi từ làng này sang làng khác. Thỉnh thoảng ông bán nồi đất gánh một gánh nồi rao to: "Ai mua nồi không?". Một lát sau vang lên tiếng rao khác: "Ai mua mâm không?". Lại những tiếng rao bán chiếu, bán nong, bán vải, bán dầu rái. Tiếng rao của bác dầu rái giữa trưa vang lên cao vút. Trời càng nóng bác càng chạy nhanh. Trời nóng làm dầu rái lỏng ra, đông được lợi. Bác bán dầu rái không chỉ được đi, còn được chạy...

Cuối cùng, thằng Cù Lao thích bán dầu rái. Nhưng rất bí là không biết dầu rái lấy ở đâu? Tôi chợt nhớ ra ông thợ hàn nồi bịt bát. Ông thợ hàn nồi bịt bát đã từng làm tôi mê tít. Nghề bịt bát hàn nồi mới thật là nghề lí tưởng. Ông quảy một cái gánh. ở một đầu gánh là một chiếc bầu, đầu bên kia là một ống bể. Ông đi khắp xóm làng, rao to:

- Trong nhà có ai bịt bát hàn nồi không?

- Vào đây, bịt cái bát.

Ông thợ bước vào, đặt gánh xuống, nhóm lò than. Ông mở bầu, bầu đựng cả một thế giới kì lạ: cái kéo nhỏ xíu, cái búa to bằng ngón chân, cái vỏ sò to bằng lòng bàn tay, cục hàn the, những miếng đồng, những mẫu thép sột soạt. Ông kéo bễ nghe phì phò. Ông nấu chảy cục chì óng ánh. Chấp, dán, mài, giũa, cái bát vỡ bỗng chốc lại lành. Ông bịt thêm trên miệng một vòng dây đồng sáng chói. Cái bát lại được đặt lên vị trí cũ. Ông nhận tiền công, lại tiếp tục quảy gánh đi nơi khác. Tiếng rao hàn nôi bịt bát chỉ còn nghe mơ hồ sau bờ tre. Thằng Cù Lao nhất định phải làm nghề này, sẽ được luôn luôn đi đây đi đó.



Chị Ba nhiều lúc tỏ ra rất đáng yêu. Đó là những lúc chị làm món bắp lớ, hay khuấy món bánh đúc. Chị để phần cho tôi cả một bát đầy. Có trái ổi chị cũng mang về cho tôi. Trước ngày cướp chính quyền, đi xem tuồng Phạm Công -Cúc Hoa đến đoạn Cúc Hoa hiện hồn về thăm con, chị ôm cột khóc rưng rức, buồn suốt một ngày. Từ khi vào tự vệ, chị nói dứt khoát:

- Từ nay trở đi, không thể khóc! Nước mắt không làm cho người ta đỡ khổ. Phải như Bà Triệu, Bà Trưng mài gươm giết giặc mới hết cái khổ...

Chị vút cho mẹ tôi cái áo dài, không thềm dùng áo đó nữa. ý chị còn muốn sắm một thắt lưng da có đeo con dao găm lưng lẳng. Chị gọi tôi vẽ bí mật:

- Anh Bốn Linh biết mày thích vào tự vệ.

Mày lại gặp anh Bốn. Anh Bốn cho mày với thằng Cù Lao cái gì đó.

- Cái chi?

- Chẳng biết nữa.

Chị Ba tủm tỉm cười như chị đã biết món quà của anh Bốn sẽ rất khá, nhưng chị chưa muốn nói tôi biết.

- Thế chị Ba đã hỏi anh Bốn nay mai làm nhà mười tầng chưa?

- Hỏi rồi. Sẽ xây nhà mười tầng. Thôi đi đi! Anh Bốn đợi.

Con bìm bịp giống lên một hồi dài như giục chiều xuống. Cây sung như kẻ bằng mực tàu đang ngập trong ráng chiều đỏ. Tôi vừa đi vừa nghĩ bụng: "Anh Bốn cho mình cái gì hè? Chắc là con dao găm. Anh vừa được lên làm chỉ huy tự vệ ở xã, anh phải sắm súng lục. Con dao găm, chắc về phần mình. Được con dao găm, mình sẽ vào tự vệ. Thích quá! Thích quá".

Nhà anh Bốn chưa đổ đèn. Anh Bốn và thằng Cù Lao đang hí hục đào lỗ chôn gốc tre. Tôi trầm trồ:

- Gốc tre to quá hè! Để làm chi vậy anh Bốn?

Thằng Cù Lao vung tay:

- Để luyện gồng đó!

Nghe nói gồng là tôi đã nể. Người biết gồng, gươm chặt không đứt. Trước đây, anh Bốn thường dậy rất sớm, ra sân luyện gồng. Anh nện hai cánh tay vào cái cọc tre nghe đóp đóp. Luyện tay xong, anh luyện chân, luyện lưng, gọi là sơ bộ luyện gồng. Luyện xong anh xoa nước muối. Sau đó, anh luyện vác cối đá. Anh Bốn có một cái cối giã gạo bằng đá xanh, nặng hai người khiêng. Anh ôm cái cối đá đi quanh sân năm vòng. Cái cối đó còn dùng để dọa chị Bốn. Một lần, chị Bốn cãi với anh Bốn. Anh Bốn nổi giận, vác cái cối đá đặt lên trên phản. Cái cối đá nằm trên phản đã gây bao nhiêu rắc rối cho chị Bốn. Chị bó tay, không còn dám giã gì được! Cuối cùng, chị phải bảo nhỏ để anh Bốn hạ cái cối đá xuống đất.

Anh Bốn chưa nói là sẽ cho tôi cái gì. Tôi nóng lòng không đợi được, liền hỏi: - Chị Ba bảo lại gặp anh để anh cho cái chi!

- Ủ, tao sẽ thưởng! Bây giờ cùng đi tắm cái đã. Nước mương trong đồng gần cồn Quai Mỏ mát lắm!

Nghe đến cồn Quai Mỏ, tôi đã ngại. Cồn Quai Mỏ nằm gần chòm đa Lí, chỗ ấy nhiều ma lắm. Tôi gọi khéo anh Bốn:

- Anh không đi tắm sông cho sướng, lại tắm trong đồng?

Anh Bốn bảo luôn tiện anh đi chấm thi. Tôi hỏi thi gì, anh không nói. Tôi hỏi nhỏ thằng Cù Lao, nó chẳng biết. Anh Bốn châm điếu thuốc xong, bước ra trước. Tôi và thằng Cù Lao theo sau. Ra khỏi nhà, trời đã tối mịt, bóng đen từ các bụi rậm bò ra phủ kín cánh đồng. Một tiếng hú từ phía chòm đa Lí kéo dài nghe

rờn rợn. Một ánh đuốc chỗ cồn Quai Mỏ lóe lên rồi tắt biến. Tôi bị vấp mấy lần, suýt ngã. Chợt anh Bốn dừng lại:

- Cồn Quai Mỏ đây rồi. Xuống mương tắm cái chơi cho mát!

Cực chẳng đã, tôi phải làm theo. Anh Bốn nằm dài kì cọ trong mương, tiếng nước nghe bì bõm. Thỉnh thoảng anh xuýt xoa:

- Ô, mát quá! Mát quá!

Anh Bốn vụt nhảy lên bờ, gọi chúng tôi mặc quần áo. Tôi mới mặc được áo thì anh Bốn thét lên hoảng hốt: - ối, nó hiện lên kia kìa! Nó hiện lên không đâu! ối! Chúng bay ời!

Anh rú lên rùng rợn, vụt bỏ chạy. Hồn vía của tôi đã lên mây. Ba chân bốn cẳng, tôi chạy cuống cuống theo anh Bốn. Tôi chạy như có nghìn âm hồn đang đuổi sau lưng. Tôi ngã ục ịch nhiều lần, hai chân cứ dính lại. Khi thúc vào lưng anh Bốn tôi mới rõ là anh đã dừng lại. Tim tôi đánh trống trện. Tôi hổn hển:

- Cái chi vậy anh Bốn?

Tôi nhìn lại, té ra tôi chưa kịp mặc quần. Anh Bốn cười hì hì:

- Tao đã chấm thi xong. Thằng Cù Lao không phải thi lại.

*
* *
*

Anh Bốn tiếp tục tiến về phía chòm đa Lí. Tôi sợ quá cứ bước sát bên anh. Thằng Cù Lao ung dung bước theo sau. Những hàng cây và bờ bụi vẽ ra muôn hình thù kì quái.

Ở chòm đa Lí, ma còn nhiều hơn ở cồn Quai Mỏ. Anh Bốn từng nói ở đó bọn quỷ Bạch Thố, Năm Nanh ngày càng nhiều. Mọi người phải tránh cho xa để khỏi bị vạ cổ. Anh Bốn tiến đến chòm đa Lí, dừng lại thét to:

- Hỡi quỷ Bạch Thố, quỷ Năm Nanh! Ta đây! Ta muốn cùng chúng bay thử sức!

Trên cành cao, một tia chớp lập lòe. Khắp vườn đa rung lên. Cành cây gãy nghe răng rắc. Một tiếng hú dài như vang lên từ âm phủ:

- Ta là Bạch Thố đây. Mà đến nộp mạng cho ta đó hử? Mà đã trời trăng với vợ mà chưa?

Tiếng quở Bạch Thố cứ ồ ồ như có trăm ngàn bộ hạ đang lặp lại...

- Tao đã nói với mụ Bốn Linh là tao phải bắt bọn mày về làm mắu đây!

Trên cây, một bóng đen bỗng ngo nguậy rồi to dần, to dần. Tay chân nó mọc dài ra. Nó nhảy phóc xuống đất.

Anh Bốn đã đứng trụ lại, vung nắm đấm ra phía trước. Quỷ Bạch Thố nhảy chồm lên. Anh Bốn nhanh như chớp đã ngồi thụp xuống, né sang một bên. Quỷ Bạch Thố mất đà trượt ngã. Anh Bốn xông vào. Hai bên húc nhau, ghì nhau, ngã xuống đất ạch ạch! Người và quỷ vít nhau, quật qua, quật lại. Không biết anh Bốn đê được quỷ hay quỷ đê được anh Bốn. Hình như anh Bốn bị quỷ bóp cổ, tiếng thở khò khè. Tôi thét lên kêu cứu inh ỏi.

Thằng Cù Lao xông vào cứu anh Bốn. Nó hết xông tới lại thụt lui. Cuối cùng nó ập vào thành một cục ba người vung vẩy la thét. Có tiếng chân chạy rầm rập. Một người reo to:

- Được rồi, cho đứng dậy!

Anh Bốn và quỷ Bạch Thố vụt đứng dậy. Quỷ Bạch Thố thở hổn hển: - Mình bắt trượt, giận quá! Trăng lên hãy hay.

Quỷ Bạch Thố quay sang phía thằng Cù Lao:

- Còn mày nữa! Mày đánh hơi giúp anh Bốn mày hả?

*
* *

Người và quỷ, tất cả kéo nhau vào ngôi miếu giữa vườn đa. Tôi bước sát theo anh Bốn như đang chui vào một cái hang tối mịt. Một ngọn đèn lồng được thắp lên. Tôi lơ mơ thấy có anh Long, anh Lực, chú Năm Mùi, thầy Lê Hảo và ba người nữa vừa ngồi xuống trước ngạch cửa. ánh sáng và tiếng người quen thuộc đã làm tôi đỡ khủng khiếp. Họ móc túi lấy thuốc lá ra hút, vừa hút thuốc vừa cười nói ồn ào. Qua câu chuyện, tôi biết tối nay họ hội họp ở đây để bàn việc kiện toàn các đội tự vệ, tập môn võ dân tộc, bàn việc làm trường. Trước Tổng khởi nghĩa cũng chính nơi đây họ hội họp nhiều lần. Họ may cờ đỏ, rèn những cọc sắt đóng vào cây sung làm thành những nấc thang leo lên cắm cờ đỏ sao vàng. Chính ngọn lửa lò rèn đã làm cho chị Ba khiếp vía. Họ cười ngặt nghèo vì đã

phao tin ma quỷ nổi loạn ở chòm đa Lí. Làm vậy để giữ kín những hoạt động bí mật. Việc xây dựng trường học được bàn trước. Trường sẽ dựng ở chòm đa Lí. ở đây có đất rộng lại có bóng mát, tha hồ làm chỗ cho các em chơi. Phải xúc tiến gấp. Trẻ con đang lêu lổng cần phải đi học gấp. Thầy Lê Hảo được tạm thời nghỉ dạy để lo việc xây trường. Chợt anh Long nhắc mọi người phải bắt đầu luyện võ. Trăng đã vén mây đã sáng ngoài cây đa.

Anh Bốn mời tất cả ra chỗ trăng sáng. Mọi người đứng dậy. Tôi và thằng Cù Lao đứng dậy theo.

Anh Long bước ra trước. Người anh vừa cao vừa gầy, điệu bộ linh lợi. Anh là một tay võ giỏi, có quả đấm thôi sơn và có ngón đá hậu ít ai sánh kịp. Trước đây, anh đã đấu với anh Bốn. Anh Bốn vừa chấp tay bái tổ, đã bị anh Long cho một đấm vào ngay giữa trán. Anh Bốn lảo quay. Anh Bốn đứng lên mời anh Long cứ tiếp tục. Anh Bốn lại lãnh thêm một quả đấm nữa. Nhưng anh Bốn và anh Long lại rất thân nhau. Anh Long xắn tay áo:

- Xin phép anh Bốn. Thế võ này gọi là thế trời. Tôi bắt đầu.

Nói vừa xong, anh Long đánh một phóc ôm sát thầy Lê Hảo. Tôi chỉ kịp nghe thầy kêu lên:

- Gãy tay rồi!

Thầy nằm quay lơ dưới đất. Anh Long tuyên bố:

- Tôi cho phép các đồng chí cứ đánh trả khi tôi xông vào. Cho phép dùng những miếng hiểm hóc nhứt!

Chú Năm Mùi hỏi:

- Lỡ xuống âm phủ có về báo oán anh em không?

- Chết vì việc nước thì Long đây rất cam tâm. Việc chi báo oán!

Chú Năm vừa khép nắm đấm đứng khom khom hai tay chấp lên đầu gối thì anh Long xông tới, quật nhào xuống đất.

Anh Long đứng dậy, vừa giảng giải vừa làm các điệu bộ: - Trước tiên, các đồng chí phải chui sát bên vai địch. Phải làm như chóp vậy! Sau đó, các đồng chí móc một cánh tay của các đồng chí vào cánh tay của địch. Cách làm như thế này này, như ta móc cánh tay bạn cùng đi chơi... Như vậy ta đã dùng một cánh tay của ta. Còn một cánh tay nữa của ta, ta chưa dùng. Ví dụ: Ta móc tay trái của ta vào cánh tay phải của địch, thì ta còn rảnh cánh tay

phải của ta. Ta dùng tay phải của ta bắt vào cổ tay phải của địch, dùng thế đòn gánh bẻ ngược cánh tay đó của địch. Địch cũng còn rảnh một cánh tay. Nó sẽ nện vào ta. Như vậy ta phải bẻ ngược thật đau. Đồng thời ta dùng cánh tay bị bẻ đó để đỡ đòn. Một chân của ta lót phía sau lưng địch, quật địch ngã xuống!

Anh Long mời anh Lực đứng ra để anh chỉ rõ những động tác cụ thể cho mọi người xem. Sau đó anh Bốn Linh bước ra để anh Long bắt. Anh Bốn không vội chống cự. Anh cố rùn xuống để khỏi hẫng chân, và không vội đâm đá trả lại. Anh dùng tay trái bắt vào cổ tay mặt của mình, dùng hết lực co hai tay lại rồi húc mạnh vào ngực anh Long. Hai người cùng nhào xuống đất. Họ ghì nhau. Một phút trôi qua. Tiếng reo vang dậy:

- Cừ lắm! Cừ lắm!

Anh Bốn không giải được thế võ. Anh Long đứng dậy thở hổn hển:

- Anh Bốn khá lắm! Biết thế gỡ trói!

Cứ hai người ghép thành một cặp, luyện miếng võ trói địch. Tôi và thằng Cù Lao cũng được tham gia. Anh Long hướng dẫn chúng tôi tập đi tập lại, thật cụ thể. Lúc tôi quật thằng Cù Lao ngã xuống. Lúc thằng Cù Lao quật tôi ngã xuống. Học miếng trói xong, đến học miếng gỡ trói. Sau đó chúng tôi còn học miếng gói địch. Học những môn này, ai cũng kêu la: "Gãy hết xương rồi! Đau quá! Đau quá!" Đến khi ra về trăng buồn ngủ đã ngã về phía núi.

VII

Khi ở ngoài cù lao Chàm, một hôm chú Hai Quân nổi hát khe khe: "Làm tằm làm tằm, để lứa đầu năm, để tằm tươi tốt, tằm từ ăn mốt, cho chí thức lên. Vận khá làm nên, tràn nong tràn đuối. Con tằm chắc nụi. Cái kén vàng hươm, cái bán cái ươm, tơ tơ, lụa lụa..." Thằng Cù Lao hỏi:

- Làm tằm là làm chi?

Chú Hai nói:

- Ở quê mình trồng dâu nuôi tằm nhiều lắm. Lúc ra cù lao Chàm, chú chưa kể cho thằng Cù Lao nghe chuyện nuôi tằm. Chú Hai nhớ lại rất rõ, cứ mỗi năm vào tháng chạp ở quê nhà, những trận lụt lớn chấm dứt. Màn mây được vén, trời hóa trong và cao. Con sông Thu Bồn trở lại hiền hòa. Trên cây sung, bọn ác là kêu to: "Tạnh rồi! Tạnh rồi!" Khắp nơi chuẩn bị xuống đồng. Thợ đào dâu đến lò rèn tôi lại lưỡi mai thật bén và lắp một cán mai thật dài. Cán mai đào dâu dọc sông Thu Bồn phải làm bằng gỗ kiền kiền dài non hai sải. Lỗ dâu có nơi phải đào lút cán. Đào một lỗ sâu đến hơn sải tay, rộng chỉ bằng hai bàn tay xòe, việc đó không phải ai cũng làm được! Thợ đào dâu đứng đợi bên kia sông trong sương sớm mù đặc.

Có tiếng bên này sông gọi to, tiếng kéo dài trên mặt nước:

- Cần hai mươi lưỡi mai. Mời qua đây!

Tiếng trả lời bên kia sông:

- Cần người gút dâu không?

- Thêm hai người gút.

- Hai mươi hai người, phải không?

- Phải!

Không thấy đồ dâu. Chỉ nghe trong sương tiếng mái chèo đập nước. Một chốc sau đồ dần dần hiện ra, ghé vào bến. Người lái đồ gác chèo, rút cây sào tre ghì đồ lại. Thợ đào dâu lần lượt nhảy

xuống đất đi thành một hàng dài. Người đi giữa vác một chiếc nôi ba làm thành cái chấm đen giữa hàng dọc. Họ tiến vào đám dâu và bắt đầu đào. Phải đào đến lớp bùn phía dưới. Thợ đào dâu sắp thành một hàng ngang xén lưỡi mai nghe xoèn xoẹt. Họ nhổ nước bọt vào hai tay, nắm chặt cán mai rút đất từ sâu lên, động tác thật chính xác. Những lỗ dâu sâu thăm thẳm cứ nhiều dần, kéo thành những hàng thẳng tắp. Dâu trồng phải chọn những cây dài nhất. Người gút dâu cứ để nguyên cây dâu đặt sát đáy lỗ, ngọn dâu ghim vào lỗ dâu ở ngay phía trước rồi lấp đất. Chỉ sau vài mươi hôm những chồi non phun lên một màu xanh non óng ánh. Ra giêng khắp ngàn dâu bùng sáng. Màu xanh non thăm dần, rồi bạt ngàn một màu xanh ngất.

Thằng Cù Lao về quê đúng vào lúc anh chị Bốn Linh nuôi lúa tằm cuối mùa. Trong làng nhà có tằm cũng đã bắt kén. Sang tháng chín âm lịch, ngoài đồng chỉ còn dâu lông chim, lơ thơ từng chùm lá nhỏ. Nếu trời không dãi, có lụt sớm, sẽ gập gay go. Ông Trùm Khéo, người bán trứng giống, đã thề độc với anh Bốn Linh đó là loại giống vô cùng quý giá mua từ Tiên Phước, nhất định tằm trứng một trăm phần trăm. Anh Bốn xắn tay áo:

- Cứ nuôi. Sợ chi!

Tằm ở trong trứng thì dùng một cái, Cách mạng nổ ra. Việc làng việc nước của anh Bốn cứ ùn lên lút đầu lút cổ. Anh làm việc bất kể ngày đêm, chỉ có thể ghé nhà một chốc rồi phải đi ngay. Nhớ đến tằm, anh Bốn cương quyết:

- Lúc này mà còn tằm tơ cái chi! Có biết mấy chuyện quốc gia đại sự. Phải xẻ lỗ mũi mà thở. Dem tằm đổ quách!

Chị Bốn bỏ nhỏ:

- Việc nhà tôi lo xong hết. Anh muốn đi đâu thì đi. Nhà còn có thằng Cù Lao, việc chi hấn cũng giải.

Anh Bốn dọa:

- Năm nay, thế nào cũng lụt sớm! Rồi sẽ học máu cho mà coi! Hễ chết, tôi không thềm chôn đâu!

Chị Bốn thấy chồng nói có lí. Làm tằm phải có người đứng buồng, làm mọi việc nặng nhọc, phải đặng đặng một tháng mới xong. Nay anh Bốn đi vắng thì ai lo? Nhưng coi đi coi lại, thấy tằm tốt quá. ác một nỗi, những ông thầy tằm đến xem, ai cũng bảo từ cha sinh mẹ đẻ, họ chưa thấy tằm nào tốt vậy! Thằng Cù Lao xem

tầm cũng quả quyết là tầm tốt. Tầm tốt như vậy thì ai nỡ đổ đi cho được! Chị Bốn cứ lặn vào lo cho tầm. Anh Bốn vẫn can ngăn, nhưng nói yếu yếu:

- Tôi nói cho mà biết: Qua sông bắt cộp, chết không kịp hối đó!

Chị Bốn biết anh Bốn đã núng, liền lí sự:

- Ở trên đề ra phải đánh giặc và tăng gia.

Anh Bốn giết giặc, tôi lo tăng gia. Làm đúng chủ trương, còn chi nữa!

Anh Bốn phải chịu, tự nghĩ: "Con vợ mình chính trị thế mà cao! Đàn bà họ sáng dạ lắm!".

Chị Bốn mang giỏ đi hái dâu dưới rộc. Chị là tay hái dâu loại giỏi. Giữa những cành dâu, hai tay chị như đôi bướm lượn, không ai nhìn kịp. Dâu cuối mùa ít lá, chị phải nhờ các chị trong xóm đi hái giúp. Họ gánh đôi giỏ bông, bụng giỏ tròn như chiếc chum to, đi hái dâu tận ngoài bãi. Thằng Cù Lao, chú Hai Quân giúp vào việc cho tầm ăn, việc gặt phân, lượm tầm, việc nấu cơm, đem nước. Các chị kéo ra bãi dâu lúc gà gáy, hết hát hò lại bàn tán trăm thứ chuyện, chuyện ông Bảy Hóa đẹp bàn thờ Thập Điện, tất cả những tranh vẽ quỷ sứ cửa người, đốt người, ông Bảy đều đốt hết. Nhiều chị muốn phụ nữ phải thành lập một hội "tương tế", mục đích để bệnh vực cho nhau. Hễ người nào bị chồng đánh thì hội viên có nhiệm vụ xông vào bệnh vực. Phụ nữ cũng phải có người bác sĩ, kĩ sư. Trước mắt phụ nữ phải kiếm ít chữ bỏ bụng, để viết thư cho chồng làm ăn ở xa mới được!

Chị Bảy Có trong lúc vui miệng, nói toạc là mình vừa được tin của anh Bảy "trong nớ" gửi về. Anh báo cho biết là anh còn sống, hiện nay ở xứ Dầu Dây. Chị Bảy đã đến nhà thầy Lê Hảo nhờ thầy viết thư gửi lại. Thư viết bằng văn vần:

"Tạm đôi hàng chữ mực Gửi đến chốn Dầu Dây.

Ngày những trông tin nhận trong mây Đêm thức giấc, tiếng tiêu thánh thót. Hỏi ai đã quên lời thề ước Tít mù khơi muôn dặm téch buồn loan!"

Thư của thầy Lê Hảo viết bao giờ cũng bắt đầu bằng "Tạm đôi dòng chữ mực " và chấm dứt bằng câu "Thơ bất tận ngôn". Chị Bảy đưa thư nhờ tôi đọc, tôi đọc đi đọc lại cho chị nghe, chị thuộc

làu. Thấy bên lề còn chỗ giấy trống, chị nhờ tôi thêm mấy chữ: "Anh đã nói về thì nhất định phải về. Cách mạng lên rồi, ở làm chi trong nó? ở quê mình, ông Hai Quân, anh Bảy Hoàn cũng về rồi. Chớ có ham phú phụ bần, mau mau trở lại! Nay thơ. Vợ: Bảy Có".

Chị Bảy bảo tôi đọc thư cho chị Bốn, chị Ba nghe. Ai này cũng chịu là thầy Lê Hảo văn hay từng chữ, chữ nào nghe cũng réo rắt. Thằng Cù Lao cũng khen là giỏi vì thầy Lê Hảo có nói đến buồm, đến mù khơi, đến muôn dặm. Các thứ đó ở dưới biển nhiều lắm



Đã đầu tháng chín âm lịch, nhưng nắng vẫn như đốt. Buổi sớm mù tan, nắng đã lóa nóng. Càng về trưa, nắng càng cô lại. Chim chích mết mỗi núp trong ngàn lá lặng thinh. Bọn chó Vện chó Vàng thè lưỡi liếm nước nuốt ực ực. Trâu Bình quay qua quay lại trong chuồng giục đi uống nước. Chị Ba đi làm về lấy nón xuống quạt, mặt đỏ gay.

Chợt một hôm, da trời trở xám. Mây chẳng mù mịt. Thỉnh thoảng lất phất vài hạt mưa thưa.

Mưa nặng hạt dần. Mưa ào ào đổ. Sông Thu Bồn nước xanh leo lẻo trở đục ngầu, đôi bờ rộng dần ra. Rác rêu kết thành bè trôi nhanh hơn ngựa tể. Nước lụt chảy vào hói, trườn lên các bãi dâu. Dượng Hương Thư đưa xuống vào giúp chị Bốn. Hái dâu phải đi bằng xuống. Chú Hai giao cho thằng Cù Lao việc leo lái. Nó phóng sào xuống nước, chống sào, xuống băng băng lướt về phía trước, điệu bộ của nó trông thật hiên ngang.

Chị Bảy cười:

- Nó giống như ông Mười ý ở ngoài vạn lúc xô buồm ra khơi!

Xuồng lướt dọc bờ rộc. Thằng Cù Lao vừa chống vừa quay sào thọc những anh chuột leo ngồi trong bụi tre. Thằng Cù Lao lái thuyền chui vào những thửa dâu còn lá nhô trên mặt nước. Chị Năm Nhựt biết đến mấy trăm câu hò. Nhưng đi hái dâu bằng xuồng chị đành chịu không hò được câu nào cả. Xuồng cứ tròng trành, lơ một tí là có thể rơi tòm xuống nước.

Chỉ mới một hôm mà cả đất trời đã đổi khác. Những hàng bã đậu đã lút đầu mất. Ghe thuyền ngoài vịnh vào nằm ngay trên đường cái, cột buồm nhấp nhô ngay cạnh miếu Bà Tằm.

Nước bạc trải mênh mông. Làng mạc nom xa tít. Chị Năm Nhự hỏi thằng Cù Lao:

- Ngoài biển nước có nhiều như ri không?
- Nhiều lắm. Ngoài khơi chỉ thấy trời với nước.

Chị Năm đọc khe khẽ: Ngó lên biển bốn trời ba

Buồm giương hai cạnh, cửa nhà hai hơi. Tiếng chèo đập nước cứ bì bõm. Thuyền vớt củi từ ngoài sông đã chèo vào, trong khoang chất đầy củi mục, có chú Năm Mùi ngồi sau lái.

Chú Năm vừa nhìn thấy thằng Cù Lao nổi kêu to:

- Nhỏ vậy mà lèo lái giỏi hung! Làm ông thủy sư đô đốc được đó!

Chú Năm cười. Chú nhắc chị Năm Nhự:

- Tối nay nhớ họp đó!
- Lụt lội mà họp cái chi!
- Lụt ngập đầu cũng phải họp. Nhiều việc gấp lắm.

Dân chài lưới kéo nhau đi xúc cá. Có đến vài chục chiếc xuống. Mỗi xuống có hai người ngồi. Người ngồi sau lái bơi xuống, người ngồi trước mũi cầm một chiếc xúc giống như chiếc vớt chìm xuống nước. Hai mươi chiếc xuống rồng rắn lượn qua lượn lại, đan vào nhau, né nhau, như đang biểu diễn điệu múa. Thằng Cù Lao chống thuyền lướt qua nhanh giữa đám múa. Các chị nhìn nó đầy vẻ thán phục.

Thằng Cù Lao giúp chị Bốn phơi đậu, cột gác, dọn nong dọn nia, vì có cầu vồng mọc ở phía núi Cu Đê. Sẽ có bão! Nhưng không hiểu sao mưa lại tạnh dần. Đến chiều trời hửng. Lúc mặt trời lặn, đột ngột cỏ cây hoa lá nhuộm một màu vàng rực. Tất cả bật thành tiếng. Đàn chim sẻ chiêm chiếp, rộn lên. Bọn bồ chao kêu hót om sòm. Gà xôn xao nổi gáy. Vịt cạc cạc không biết mỗi miệng. Chỉ có nước là lặng im. Nước lặng im một lúc rồi lại róc rách để rút xuống.



Anh Bốn Linh đi họp ở huyện, về đến nhà trời đã tròn bóng. Anh gỡ mũ móc vào cột, cởi chiếc xắc nâu treo lên móc. Chị Bốn ở trong buồng tắm chui ra, hỏi ngay:

- Họp chi lâu dữ?

Anh Bốn hỏi lại:

- Ở nhà tắm tở ra răng?

Chị Bốn không trả lời vào câu hỏi:

- Ăn chi chưa?

Không đợi anh Bốn trả lời, chị bước thẳng vào bếp, quơ nắm bao bắp nhét vào giữa ba ông táo, xúc gạo đi vo. Anh Bốn ở trên nhà nói xuống:

- Không ăn đâu, đi ngay đây.

Nhìn quanh nhà, anh Bốn biết mọi việc đã yên ổn. Anh soi vào chiếc gương nhỏ treo ở góc cột, lẩm bẩm: - Râu ria mọc dài quá hè! Đi qua chợ định hớt tóc lại quên mất!

Anh xòe năm ngón tay chải ngược mớ tóc, khịt thật mạnh, muốn trút hết cái nóng ra khỏi người. Anh bước ra chỗ vại nước, múc gáo nước đầy, gập người xuống, gội nước lên đầu, vừa gội vừa nói: - Hết mưa lại nắng. Nắng mới này độc lắm! Phải coi chừng. Người ta xem giò ếch, biết năm nay lụt sớm, tôi nói đúng chưa?

Chị Bốn thấy anh Bốn chưa đi, nài thêm:

- Tôi nấu miếnng cơm ăn chứ?

- Không ăn đâu. Định đi luôn, nhớ đến nhà ghé qua một chút. Tắm ra sao?

- Bữa nay được tám nong đông đặc, tốt như Bông Lai tiên nữ.

Anh Bốn Linh chụp chiếc mũ lên đầu, quàng cái xắc vào vai, bước ra cửa. Từ hôm cướp chính quyền, anh cứ vội vội vàng vàng. Anh Bốn Linh từng tham gia Việt Minh lúc còn bí mật. Sau khi cướp chính quyền, nhiều việc được chuyển ra ngoài công khai, công tác trở nên bề bộn. Ai gặp anh cũng hỏi việc này việc nọ. Anh

gặp ai cũng có việc để bàn bạc giải quyết. Anh Bốn thấy cần có mặt ở nhiều nơi, cần nói những điều cần thiết.

Anh bước ra đến cửa, chợt dừng lại:

- Chú Hai và thằng nhỏ đâu?

Có tiếng chú Hai quát thằng Cù Lao:

- Có thả tao ra không? Chơi cái chi lạ vậy!

Chú Hai vừa thấy anh Bốn liền kêu lên:

- Ủa, anh Bốn! Chớ lại đi đâu? Mới về, nghỉ một chút đã. Nằm khoèo cho nó khỏe cái đã.

- Cháu đi ngay. Có việc hỏa tốc!

- Quan cần, dân trề. Chi lại nôn vậy?

- Quân Pháp quay lại Nam Bộ, chú à!

- Anh Bốn nói cái chi?

- Quân đội Anh đã chiếm đóng phủ Nam Bộ. Bọn Pháp và bọn Anh bắn vào dân ta đang biểu tình. Ta chết một số. Quân đội Anh chiếm phủ Nam Bộ, chiếm thêm một bót cảnh sát. Bọn Pháp chiếm lại cơ quan ở Sài Gòn. Chúng từ trong nhà thờ bắn ra, lại vu chúng ta phá nhà thờ để nhờ bọn Anh can thiệp!

- Chà!

- Tôi phải đi cái đã.

Anh Bốn vừa nói vừa bước ra ngõ.

Việc gì thằng Cù Lao biết, tôi cũng biết. Nó chui rào đến bên cạnh tôi, vẽ bí mật:

- Cục này! Bọn Pháp quay lại Nam Bộ!

Tôi nghĩ bọn Pháp quay lại ở Nam Bộ có nghĩa là chúng đã đi rồi, nhưng vì còn quên cái gì nên quay lại để lấy. Có vài ông khách đến nhà tôi, vì đang trí bỏ quên vật gì, cũng quay lại lấy như vậy. Tôi đang đánh dây mũi cho trâu, nói lơ mơ:

- Chúng bỏ chi lại, thì ta cứ trả lại cho chúng!

- Nó quay lại để đánh ta!

Thằng Cù Lao thuật lại tỉ mỉ những tin anh Bốn vừa nói. Tôi hiểu dần ra những việc thằng Cù Lao nói là quan trọng:

- Sao không lôi cổ chúng ra, để núp bóng quân Anh chi rứa?

- Núp bóng quân Anh không phải như ta núp bóng khi chơi giật lá đầu! Bọn Pháp lẩn vào quân đội Anh. Quân đội Anh có súng nhiều lắm!

- Thế ta dùng súng đánh lại. Chị Ba nói: Chúng ta là số đông. Bọn áp bức bóc lột chỉ một nhóm nhỏ thôi mà.

Thằng Cù Lao cãi lại:

- Khi chơi giật lá, bọn xóm dưới đã giết sạch bọn mình, bọn mình đông gấp đôi...

Thằng Cù Lao nói nghe có lí. Tôi không hiểu làm thế nào để thắng giặc, đành phải nhìn nhìn lên mái nhà...

Thằng Cù Lao cũng thấy bí. Chợt nó vung tay:

- Nếu giặc đánh rộng ra đây...

Câu nói của thằng Cù Lao làm tôi thấy tình thế đột ngột trở nên căng thẳng.

Tôi nhớ đến những việc kiến thiết đồ sộ nay mai:

- Thế thì những lâu đài ba mươi tầng và nghề bán nôi bịt bát ra răng?

Thằng Cù Lao gãi đầu:

- Bọn giặc là bọn cướp của giết người. Ta dựng lên, chúng phá hết - Nó như nhớ ra điều gì, vỗ vào đùi: - Bọn Pháp còn lâu mới ra đến đây. Ta còn thì giờ để luyện tập đánh trả.

- Nhưng anh Bốn có cho tụi mình tập tự vệ đâu!

- Không phải tập tự vệ. Ta tập đánh giặc bằng cách giật lá kia.

- Chị Ba cho là đồ ba láp!

- Cũng tại mình. Mình xưng những tên nghe lạ: "Tào Tháo, Triệu Tử Long, Cốt Đột... Nay ta cứ xưng là ta đánh giặc với bọn Pháp, ta thắng Pháp. Thế là chị Ba ưa ngay!

Tôi gạt đầu chuẩn y kế hoạch của thằng Cù Lao, sẽ tập hợp bọn chăn trâu luyện tập đánh Pháp.

Về môn địa dư, thằng Cù Lao còn lơ mờ. Nó nhờ tôi chỉ Nam Bộ ở về hướng nào. Tôi đưa nó ra sân, chỉ cho nó biết bốn hướng

đông tây nam bắc. Nam Bộ ở về phương nam tức là ở phía bên kia sông Thu Bồn. Như vậy, rõ ràng bọn Pháp muốn đến Hòa Phước còn phải vượt qua sông. Nếu vậy thì chiến sự sẽ xảy ra không chỉ trên cạn mà còn xảy ra dưới sông nữa. Đã đánh nhau dưới sông thì nhất định phải biết bơi và biết lặn. Thằng Cù Lao bàn phải tập bơi tập lặn cho giỏi thì mới thắng được giặc!



Thằng Cù Lao bơi lội rất cừ. Tôi cũng biết bơi, nhưng khi bơi tôi móc hai tay lia lịa như chó bơi. Môn bơi chó của tôi thật không ra gì so với những môn bơi ếch, bơi sải của nó. Nó chum hai tay đưa ra đằng trước, ung dung khoát tay rạch nước, nhẹ nhàng trườn lên như ếch lội. Nó xoay mình nằm thẳng nhìn trời, rút tay bơi vùn vút qua bên kia sông, rồi lại bơi quay lại. Nó cho cách bơi của nó là những cách bơi rất bình thường và dễ tập. Cách bơi chó mới thật khó tập. Tôi kinh ngạc khi biết ở biển có người bơi hàng buổi dưới nước. Thằng Cù Lao bơi được hàng giờ. Tôi chỉ bơi năm ba phút đã đứt hơi mệt đến chết.

Thằng Cù Lao bảo tôi cùng bơi. Chúng tôi cùng vung tay để luyện cho quen. Sau đó cùng vung chân, cùng ngụp, cùng thở. Tôi tiến dần trong môn bơi ếch, tập sang môn bơi sải, tập nằm ngửa. Tôi và thằng Cù Lao vượt qua sông, sang ngồi hủ hí trên bãi cát.

Một hôm khi bơi về gần bờ tôi thấy một bác già ngồi tắm. Vừa thấy chúng tôi, bác cười thân mật. Bác rút khăn vắt trên vai kì cọ chân tay coi bộ rất thú vị. Bác ngược mắt cười hì hì:

- Bọn bay bơi giỏi hung! Tao khen đó!

Tôi thấy hơi lạ lạ:

- Bác ở đâu đến tắm ở đây, hờ bác?

Bác cười to hơn:

- Tao ở xứ này thôi!

Giọng nói của bác nghe quen quen. Bác nheo mắt nhìn thằng Cù Lao:

- Bọn bay bơi giỏi, sau này sung vào đội thủy quân... Làm ông đô đốc cái chơi cho sướng!

Tôi sực nhớ giọng nói đó giống giọng ông Bảy Hóa.

Nhưng rõ ràng bác này không phải là ông Bảy Hóa, vì bác này trẻ hơn, lại không có râu.

Tôi hỏi:

- Thừa bác, bác có bà con chi với ông Bảy không?
- Ông Bảy nào, chẳng biết!
- Ông Bảy Hóa đó, ông Bảy Hóa biết làm thầy tướng đó.
- Chẳng biết.

Bác nói xong lại cười. Cách cười đó làm tôi sinh nghi:

- Hay bác là ông Bảy Hóa?

Nhưng tôi ngờ ngợ:

- Có phải ông không ông Bảy?

Tôi và thằng Cù Lao cứ dòm dòm ngó ngó. Đời nào lại có một ông Bảy Hóa không râu. Từ nhỏ tôi chỉ thấy ông Bảy Hóa với một bộ râu dài thông dong đến rốn.

Bác đó đang kì cọ chọt đứng lên:

- Bọn bay về chưa? Tao về đây.

Bác vừa đứng dậy, thằng Cù Lao đã chạy đến dòm vào chỗ môn của bác. Nó nổi reo to:

- Đúng là ông Bảy! Ông Bảy có vết sẹo chỗ môn!

Tôi cũng dòm. Quả thật ông Bảy có một vết sẹo to bằng ngón tay chỗ xương cụt.

Chúng tôi reo hò:

- Ông Bảy, ông Bảy! Tại sao lại cạo râu đi ông Bảy?
- Ông Bảy bị bắt quả tang, thú nhận:
- Tao là ông Bảy đây. Bọn bay có thấy tao trẻ lại không?
 - Trẻ lại! Nhưng ngó nó chi chi!
 - Tao trẻ ra như trai mười tám! Sao lại chi chi!
 - Ai cắt mất râu ông, ông Bảy! Cắt làm chi ông Bảy?
 - Cắt để trẻ lại, để được gia nhập tự vệ.

Ông Bảy cười, để lộ một hàm răng đều và nhỏ như hạt bắp. Cằm của ông Bảy nhọn chứ không phải vuông. Không ngờ ông Bảy có một cái miệng rộng như vậy!

Tôi và thằng Cù Lao cấp tốc mặc quần áo, chạy một mạch về báo cho mọi người biết là ông Bảy đã cạo râu, trông lạ lắm. Tôi còn kể việc ông Bảy có một vết sẹo. Mọi người đều cười vì không ai biết được việc đó.

Cả xóm vui rộn lên về việc ông Bảy mất râu. Sau khi cạo râu, tính của ông Bảy cũng hóa khác. Gặp tôi, ông không nói gì về chuyện Thập Điện Diêm Vương sẽ nướng những đứa trộm ổi. Ông nói ông sẽ cương quyết mài gươm lên đường giết giặc.

Thằng Cù Lao hỏi:

- Thế bao giờ ông lên đường?
- Khi cần tao đi. Nhưng cần chi đi đâu.

Pháp ở Sài Gòn quay lại, thì Pháp ở Đà Nẵng không chịu ngồi yên đâu. Nhất định chúng sẽ quay lại, vì cũng là thực dân đế quốc cả. Tao sẽ đánh giặc ở đây cho chúng bay coi.



Thằng Cù Lao nghịch trở trời chứ không phải "cắn hạt cơm không bẻ" như chị Ba tưởng. Khi nó ở một mình với cha nó cái tự do quá trớn của nó còn hơn nhiều đứa khác.

Nó bắt chước thằng Thân đầu trọc chơi giật lá, lấy đầu húc vào bụng cha nó:

- Cho một chùy, ngã lăn quay nè!

Cha nó kêu lên:

- Ồi cái con khỉ này!

Nó liền thu người lại, mắt lác lác, tay quặt ra sau lưng gãi gãi, điệu bộ giống như một con khỉ. Vừa gãi nó vừa nói:

- Con khỉ đây này! Con khỉ đây này!

Làm trò con khỉ xong, nó làm trò cá bơi, rùa bò, đi chống ngược, nom rất lạ. Làm trò xong, nó chạy tới ôm chặt vào lưng cha nó cười hì hì, bắt kể chuyện:

- Ở ngoài nớ... Chuyện đã nghe rồi mà cha cũng cứ kể đi kể lại. Về đây sao không kể đi?

Cha nó khẩn khoản:

- Có thả ra không? Ngoài nớ tao nhớ trong ni, tao mới kể hết mọi chuyện trong ni! Còn về trong ni, cái chi ngoài nớ mày biết cả, kể sao được?

Tôi đứng nép ngoài cửa, đã hiểu vì sao thằng Cù Lao biết hết chuyện trong ni, chuyện nuôi tằm, làm mía, chuyện bà Hiến, chuyện ông Bảy... nó biết hết, là vì cha nó "nhớ trong ni" đã kể cho nó nghe hết. Có việc cha nó đã kể mười lần, sau đó cha nó vẫn cứ kể lại.

Thằng Cù Lao mách với cha nó là nó thấy cái sẹo...

- Cái sẹo chi?

- Cái sẹo của ông Bảy. Ông Bảy rơi xuống chòi bấp, xóc vào con dao, thành sẹo chỗ mông! Cha kể vậy đó.

- Ủa! Chớ mày dòm chi lạ vậy?

- Có dòm cái sẹo mới biết là ông Bảy Hóa. Vì ông cạo mất râu.

Chú Hai quát:

- Về đây đã bảo đừng làm những trò bậy bạ!

Thằng Cù Lao đồng ý là không nên làm những chuyện bậy bạ và sau này nó đi làm nghề. Nghề đó là nghề hàn nồi. Trước khi làm nghề hàn nồi, nó phải tập bơi. Tập bơi để đánh giặc. Vì giặc từ trong Nam ra hoặc từ Đà Nẵng vào đều phải vượt sông. Phải tập bơi thật giỏi mới thắng được giặc.

VIII

Từ hôm anh Bốn Linh ở huyện về cho biết Pháp đánh ta ở Nam Bộ, ai gặp anh cũng hỏi, cũng muốn biết tin tức một cách rõ ràng. Ông Bảy Hóa còn muốn vào Nam Bộ đánh bọn xâm lăng. Tôi và thằng Cù Lao không chỉ tập bơi mà còn luyện các môn võ của anh Long dạy ở chòm đá Lí. Anh Bốn dặn chớ đem những chuyện học võ ở chòm đá Lí nói cho người khác biết, vì đó là những việc bí mật. Khi đã biết đó là bí mật thì ở trong tôi những việc đó cứ muốn tràn lên: Có lúc tôi phải cố đè xuống. Mỗi buổi sớm tôi và thằng Cù Lao ra trước sân luyện miếng võ trối, võ gói. Đối với bọn trẻ trong làng, nhất là mấy đứa cao giò, tôi ngứa ngáy muốn thử cho chúng một miếng trối để chúng biết mặt...

Chị Ba đi dự lớp huấn luyện ở huyện về, công việc của chị càng bận rộn. Có đêm chị phải thức khuya chép những bài học, chép lại những câu hay chị đã nghe được. Chị đọc cho tôi nghe một vài đoạn: "Ta đã giành được tự do độc lập. Đời đã đổi mới. Trước đây ta nai lưng làm việc cho đế quốc. Nay ta làm việc cho Tổ quốc ta. Ta làm việc tốt thì Tổ quốc sẽ giàu mạnh. Ta phải làm việc cho ra hồn".

Chị Ba dọn xong nhìn tôi:

- Cục nghe chưa? Phải làm việc ra hồn, không phải đi vật lộn với bọn chần trâu, bị cục u trên trán đâu!

Chị đọc tiếp: "Những người bị áp bức như chúng ta, trong nước có đến hàng triệu, trên toàn thế giới có hàng mấy trăm triệu. Họ rất tích cực ủng hộ chúng ta. Còn bọn đi áp bức bóc lột chỉ là một nhóm rất ít. Một nhóm rất ít không thể chống lại hàng trăm triệu người. Nhất định chúng ta sẽ thắng!".

Tôi giảng thêm:

- Tôi nghe chị nói chỗ này rồi. Dù chúng ta có ít, nhưng nếu chúng ta biết được miếng trối của anh Long nhất định chúng ta sẽ thắng bọn áp bức bóc lột.

Thằng Cù Lao phụ họa:

- Miếng trói tài quá!

Chị Ba mở to cặp mắt:

- Miếng trói chi rứa?

Tôi cố chứng minh:

- Miếng trói tài quá! Anh Bốn võ giỏi cũng bị trói không cựa quậy nổi. Chị Ba biết được miếng trói đó thì đàn bà xứ này phải nể mặt. Anh Long dạy miếng đó. Chị hỏi anh Bốn thì rõ.

- Đúng vậy, chị Ba ợ! - Thăng Cù Lao nói đầy tin tưởng.

Chị Ba gạ:

- Thế hai em tập cho chị với!

Tôi lắc đầu:

- Không được.

- Vì sao?

- Anh Bốn bảo về nhà đừng nói ai biết. Lỡ chị truyền cho người khác biết, người đó trói lại chúng ta thì chết cha!

Chị Ba bỏ nhỏ:

- Thì chị có truyền ai đâu!

Tuy trong bụng tôi thích truyền miếng võ cho chị Ba nhưng tôi làm cao:

- Khó lắm! Vậy phải thề mới được!

- Chị thề, nếu đem truyền miếng võ cho ai thì bị đâm đui con mắt.

Tôi bắt chị Ba đứng lên, bảo chị cứ lo chống đỡ để giữ tính mạng. Đột ngột tôi xông vào, móc cánh vai trái của tôi vào cánh tay phải của chị, lấy thế đòn gánh bẻ ngược cùi chỏ. Chị Ba kêu một tiếng thất thanh:

- Ối ời! Gãy tay rồi!

Như vậy là môn trói của tôi đã có kết quả. Sau đó tôi giả làm kẻ địch để chị Ba trói. Tôi bày chị cách gỡ trói, cách gạt chân và nhét giẻ vào mồm. Chị Ba khen, miếng võ của tôi tài lắm. Sau đó vài hôm, nhiều chị cũng biết trói. Tôi nghi thăng Cù Lao đã truyền miếng trói cho các chị ban đêm khi đi gác. Các chị bảo nhau:

Cái miếng trói hay quá chừng, làm mình đi đêm đỡ sợ. Cánh tay của mình bị đau nhưng mình sẽ đem truyền cho các bà bị chồng đánh. Các ông chồng đánh vợ sẽ bị gãy tay, không dám đánh vợ nữa!



Cha tôi là lính ở tiểu đoàn 17 đóng ở Đà Nẵng viết thư về thăm chú Hai và thằng Cù Lao. Trong thư, cha tôi tỏ ý sung sướng nghe tin chú Hai đã về làng. Cha tôi khen thằng Cù Lao nhỏ vậy mà dám vượt biển tìm về quê nội:

"Cháu là đứa con của cách mạng. Chú tin sau này cháu sẽ thành một cán bộ quân sự giỏi, lo bảo vệ quê hương đất nước".

Về xưng hô thì chú Hai phải gọi cha tôi bằng anh. Nhưng trong thực tế cha tôi nhỏ hơn chú Hai có đến mười mấy tuổi. Cha tôi viết:

"Chú hãy tin là từ nay đã chấm dứt mọi áp bức bất công. Một thời đại mới mở ra trước mắt. Anh khuyên chú nếu còn sức khỏe, nên gia nhập tự vệ để động viên con cháu phục vụ tổ quốc, nhân dân".

Đoạn viết cho tôi, nhưng lời lẽ trong thư lại khác hẳn. Mỗi lời trong thư nghe như mỗi nhát roi quất: "Tao nói cho thằng Cúc biết, khi được thư này phải chấm dứt ngay những việc xưng hùng xưng bá, nào Tào Tháo, nào Triệu Tử Long, việc đánh đá ngoài sông, việc làm cho thằng Cù Lao phải bị cùm u trên trán... Hề tao còn nghe những chuyện bậy bạ như trên thì tao về đánh đòn cho mà biết! Đời đã đổi mới, ai cũng phải học hành thật giỏi, để làm việc cứu nước, cứu dân".

Chị Ba vừa đọc vừa nhần từng tiếng. Cha tôi viết tiếp: "Khi được thư này, thằng Cúc phải đóng vở đi học ngay! Nếu lớp thầy Lê Hảo có tạm nghỉ để lo xây dựng trường mới thì cũng phải học. Cứ buổi tối đem vở ra ngoài nhà anh Bốn, nhờ anh bày cho vài chữ".

Đến đoạn nói về con trâu Bình, cha tôi viết dài không kém: "Từ đời ông cho chí đời cha, nhà ta cứ phải cày thuê cuốc mướn. Nay cách mạng lên rồi, phải để cho thằng Cúc đi học. Không thể có cái mả nào chỉ phát toàn chăn trâu. Mẹ nó và con Ba phải đến nhà

ông Phó Xáng, giao con trâu Bình cho ông ta, nói lí do là tôi bận công tác xa, còn thằng nhỏ hiện nay phải đi học, không thể nuôi rẽ nữa".

Con trâu Bình là trâu của ông Phó Xáng, cha tôi nuôi rẽ. Khi trâu Bình đẻ con, ghé đầu thuộc về ông Phó Xáng, ghé thứ hai thuộc về cha tôi. Và cứ thế, số ghé sẽ chia làm đôi. Đến mùa cày cấy, cha tôi phải cày không công một số đất ruộng của ông Phó.

Cha tôi đoán trước ở nhà vẫn còn tiếc rẽ con trâu Bình nên tái bút: "Mọi việc phải tính gọn lại. Không nuôi trâu Bình làm gì. Phải để cho thằng Cục đi học".

Mọi người đều phân vân. Con trâu Bình đã nuôi sống gia đình tôi. Tôi lớn lên nhờ vú mẹ và nhờ công lao khó nhọc của nó. Ngày trước, khi cha tôi đi cày có đánh nó. Cái đó cũng vì bắt buộc. Cha tôi hiểu rõ nếu nó kéo cày đi chậm thì bát cơm của tôi sẽ bị lúng đi. Con trâu Bình về ở với chúng tôi đã hơn bảy năm. Nếu cộng những vết roi rớm máu quất vào sườn, vào chân nó thì con số có đến hàng chục vạn. Những lời chửi mắng, cho nó là con khỉ, con tinh, cần để đói cho xanh xương, có đến hàng triệu lời. Cũng may những lời chửi mắng tan ra rồi bay mất. Nếu nó động lại thì cả nước sông Thu Bồn cũng không rửa hết. Con Bình bị chửi mắng nhiều nhất vào cuối mùa đông và đầu mùa xuân, là mùa đường mía. Thường đến tháng Chạp thì mía già. Nhà làm đường bắt đầu dựng chòi ép mía. Họ phải ép cho được vài thùng nước mía trước lúc trời sáng. Đó là mùa trâu Bình bị chửi mắng và đánh đập nhiều nhất.

Tôi đưa trâu Bình đi ép mía thuê khắp các chòi đường trong làng. Con trâu Bình rất khỏe, nhưng vừa thấy ách che nó đã hoảng sợ. Nó biết ách che còn nặng gấp mấy ách cày. Nó lùi lại. Tôi phải kéo dây mũi thật căng. Thợ ép mía phải cho một roi thẳng cánh vào đít nó, nó mới chịu bước. Thợ ép mía nâng ách đặt lên cổ nó, cột dây rồi hô to: "Bước!" Trâu Bình choãi chân rướn cổ cố bước. Bước được một chốc thì tiếng thở đã ho he, nước dãi trào ra trắng xóa. Nó cố rướn lên nhưng hai chân không bước được nữa. Thợ ép mía xông đến quất tới tấp vào mông, vào chân nó. Trâu Bình quay quắt. Tôi xông vào giật roi nổi thét:

- Trời ơi! Đánh chết trâu tôi rồi!

Mấy chú thợ ép mía mĩa mai:

- Mày cứng trâu như vợ mày! Đừng dắt nó đến đây nữa!

Trâu Bình đi giữa roi vọt chửi mắng. Khi mở ách, nó đứng chờ ra một lúc rồi bước chệnh choạng. Hôm sau, tôi lại đưa nó đi ép mía. Nó phải cố bước để lấy được năm xu đem về đưa mẹ tôi mua gạo.

Trâu Bình có những đóng góp to lớn trong gia đình.

Chị Ba đọc hai lần đoạn thư của cha tôi nói về trâu Bình. Chữ nghĩa rành rành, nhưng chẳng ai muốn hiểu cả. Chị Ba không ngờ cha tôi lại có ý định như vậy. Từ lâu, chúng tôi xem trâu Bình như một thành phần trong gia đình, không thể tách ra được. Lúc nó mới về, chị Ba đã chăm sóc nó. Nó với chị Ba đã cùng soi mình ở bến nước, cùng bước trên cát mịn, cùng hứng ngọn gió nồm, tình nghĩa sâu nặng lắm.

Sau đó, chị Ba giao nó cho tôi. Tôi với nó cùng ngụp lặn trong nước sông. Nó bước trong trăng sao, tôi ngồi trên lưng hát véo von lúc chiều xuống. Mẹ tôi yêu nó nhất nhà. Chẳng ai muốn nó xa gia đình cả.

Về việc trả con trâu Bình cho ông Phó Xáng, ý kiến anh Bốn Linh rất dứt khoát:

- Chưa cần trả cho ông Phó Xáng. Thằng Cù Lao vừa đi học vừa chăn trâu. Nếu nó bận học thì gửi trâu cho chú Năm Mùi. Chú ưng nuôi thêm con trâu để có phân bón ruộng. Chẳng phải cày bừa gì cho ông Phó Xáng nữa.

IX

Anh Bốn Linh bận công tác, đã nhờ chú Năm Mùi đến giúp khi tầm lớn. Chú Năm thức dậy lúc trời chưa sáng, đốt ngọn đèn dầu. Chú định rưới cho tầm một nước dầu. Nhưng nhìn lại, chú rất ngạc nhiên! Tầm con nào cũng vàng óng cả. Không lẽ tầm đã chín hết, vì sáng nay mới là ngày tầm chộ, chín lác đặc một vài con. Ngày mai mới đúng là ngày tầm chín hết. Chú Năm giụi mắt nhìn kĩ. Đúng là tầm đã chín rộ...

Chú Năm nói nửa bực dọc nửa vui đùa:

- Chết cha! Bay đẻ sớm như thế này, tao tìm bà mụ đâu kịp?

Chú Năm gọi thằng Cù Lao dậy, hốt dầu rải một lớp mỏng cho tầm bò khi nhặt khỏi dính chân.

Bên ngoài trời vừa hửng sáng. Chú Năm vén màn bước ra:

- Bọn bay đẻ sớm, tao thêm mệt! Chà, ông Bốn Linh lại đi đâu mất... Nhưng thôi. Tao cũng có cách.

Chú Năm bước ra sân. Chú đứng thẳng, dọn giọng lấy hết gân cổ nổi la làng:

- Bớ làng! Bớ làng! Bớ xóm ời!

Tiếng la làng khủng khiếp bay đi khắp xóm, đập mọi người vùng dậy.

Trong nhà, chú Hai giật thót chạy ra:

- Chớ chuyện chi vậy, hả chú Năm?

Chú Năm không trả lời, càng la làng inh ỏi:

- Bớ làng! Bớ làng đến cứu...

- Bộ anh này điên sao! Người ta tưởng có án mạng đó!

Tôi chui rào chạy sang nhà anh Bốn. Chú Năm đang la làng một cách... vui vẻ.

Chú Năm la làng tiếp một châu nữa mới chịu bước vào. Ngoài ngõ đã thấy ông Kiếm Lài hót hơ hót hải chạy đến hoảng hốt:

- Cái chi thế hả? Cái chi thế hả?

Ông Bảy Hóa chạy đến, tay cầm cây côn:

- Mới bùng mất, chi mà la làng ghê quá?

Thầy Lê Hảo nói không ra hơi:

- Cách mạng lên rồi. Việc chi cũng phải lời thuận lẽ êm chớ!

Nhà anh Bốn Linh bỗng hóa rộn rịp. Ông Trưởng Đình vai quàng chiếc mõ tre nói hỗn hển:

- Có đánh người hoặc trộm trâu, phải nổi mõ cho làng biết.

Ông Tư Đàm băng rào chạy xuống. Ông Bốn Rị tay cầm con dao chạy lên. Ai cũng hỏi nhau:

- Chi dữ quá!

Chú Năm Mùi bước ra, vòng hai tay trước ngực, rất lễ phép.

- Bà con nay đến đông đủ, tôi mới dám nói. Đáng lí ra, anh Bốn Linh được ở nhà lo cho tầm. Nhưng anh bỏ việc nhà đi lo việc nước. Anh Bốn nhờ tôi đến giúp. Đúng ra, sáng mai tầm mới lớn, mới kịp tin bà con. Không ngờ nó thấy mình bận, nó chín hết cả. Làm ruộng ăn cơm nằm, làm tầm ăn cơm đứng. Việc phải làm liên, tôi phải mời bà con đến, xin mỗi người một tay...

Mọi người thở phào:

- Ôi! Tưởng cái chi!

- Ông làm tôi sợ mất máu! Tôi nghĩ cách mạng lên rồi, sao còn có việc trộm cướp? Phải bắt vạ ông này mới được!

Chú Năm Mùi vén áo giả vờ nằm xuống:

- Tôi xin nằm xuống. Bà con muốn đánh trăm roi cũng được!

Ông Bảy Hóa cười xòa:

- Trước cách mạng, người ta la làng để cứu mạng. Nay cách mạng thành công chú Năm la làng để chia vui tầm lớn. Vậy tầm đâu?

Khiêng mau ra đây. Bà con mỗi người một tay, việc trời cũng xong hết!

Ông Bảy cầm cái thúng đặt úp trước sân, hô mọi người khiêng tằm ra. Tôi và thằng Cù Lao ba chân bốn cẳng chạy đi tìm mùng, tìm mo cau để đựng tằm. Tất cả xúm lại ngồi quanh nong tằm. Ông Bảy chỉ vào đám trẻ con vừa chạy đến:

- Nhỏ vậy chớ lượm tằm giỏi lắm đó!

Bọn trẻ con thường bị xua đuổi, nay được ông Bảy đề cao, chen vào nhặt tằm lia lịa.

Chú Năm Mùi cho khiêng thêm một nong nữa ra sân.

Chú dặn:

- Đừng có lượm tằm xanh đó nghe! Sẽ học kĩ sư nuôi tằm đó!

Tiếng dạ rầm rập. Không ngờ đội ngũ thiếu nhi khi được động viên trở nên tích cực như vậy!

Tiếng chú Năm Mùi vang to:

- Xin nhường việc lượm tằm cho giới phụ nữ và giới thiếu nhi. Còn giới đàn ông, xin mời sang đây. Ai đời, tằm lớn rồi mà lại chưa có cái bủa nào cả.

Ai cũng thấy việc làm bủa là khẩn cấp. Phải làm thật gấp, ít nhất tám chiếc bủa để kịp cho tằm làm kén. Ông Kiểm Lài xách rựa đi hạ tre chẻ lạt. Người đặt nẹp, người trải hom dậu, người sắp cây ran, đặt đòn hào, hô nhau xỏ lạt, cột lạt, dựng bủa, làm việc tới tấp. Bủa dựng lên. Tôi và thằng Cù Lao chạy rút bã mía bó thành đuốc để thui bủa cháy hết lông tơ còn dính lại của lứa tằm trước. Chú Năm Mùi gọi tôi và thằng Cù Lao khiêng bủa quay về hướng mặt trời. Ông Bảy Hóa nhanh nhẹn không kém. Ông rải tằm, khiêng bủa, vác nong, đổ phân tằm thoăn thoắt. Từ hôm đoạn tuyệt với bộ râu dài vương vịu, chân tay ông Bảy Hóa gọn ghẽ. Ông đã xin gia nhập đội tự vệ, dám thách vật với anh Bốn Linh nữa. Ông cười nói:

- Tôi là một con dao bị vùi sâu dưới đất.

Nay cách mạng đã đào lên, tôi mài cho sáng...

- Ông mài ra răng? Tôi cũng muốn mài đây - Ông Tư Đàm hỏi.

- Không phải như mài dao, mài cuốc đâu! Không phải cắt râu là xong đâu. Tôi còn làm những gì thằng Bốn Linh làm được. Tôi tập tự vệ. Tôi sẽ cho bọn xâm lược biết chớ có mon men đến xứ

này. Thằng thực dân có chặt mất đầu, tôi sẽ mọc đầu đánh trả như Khương Linh Tá.

Nhà anh Bốn Linh như có hát bội. Thằng Cù Lao cứ thoăn thoắt: khiêng nong, nhặt tầm, dòn tầm, rải tầm lia lịa. Nó biết chỉ cho bọn con nít chớ nhặt tầm xanh, tầm bệnh. Tất cả đều công nhận nó là thầy tầm. Chú Năm còn bảo nó là một trai đứng buồng loại giỏi vì nó quét buồng tầm rất sạch, biết cho tầm ăn nước khuya để tầm chóng lớn. Ông Bảy Hóa cười khếch khếch rao to mọi người biết nó là tay bơi lội có tài, cách mạng đã thành công, lớn lên nó sẽ làm vị thủy sư đô đốc, phá tan những thuyền giặc dưới nước. Và nghĩ cho cùng, theo ông, tất cả những cái đó đều do cách mạng, cách mạng có giải phóng, nó mới "vùng lên" như vậy.



Tiếng cười nói ồn ào. Chợt con Vện của chị Bốn vụt chạy té ra ngõ, ngoắt đuôi lia lịa. Chị Bốn đã về.

Chú Năm đứng lên gọi:

- Mời bà mau vô đây! Lấy nếp lấy đường ra nấu mau một nồi cháo ngọt. Phải nấu nồi to. Cách mạng lên rồi, không cần cốp nhặt từng xu chi cho mệt!

Chị Bốn đặt giỏ dâu xuống:

- Xin có ngay!

Chú Năm cúi người trên chiếc bửa, vừa siết dây lạt vừa gọi to hơn:

- Bà Bốn Linh ơi!

- Dạ!

- Ngày mai bà có nhớ chi không?

- Nhớ rồi. Sau bắt kén, phải cúng buồng!

- Tôi đã nhấm con gà trống của ông Bốn! Nó vừa gáy te te ở đây khi nãy. Ông Bốn ăn ở có đạo chỉ la làng vài tiếng mà bà con đã chạy đến đông đủ. Ai cũng xúm giúp một tay. Bà phải đền đáp công ơn của họ!

- Xin đền đáp!

- Đèn đáp không phải nói suông là xong đâu. Người lớn ít nữa cũng phải có xôi với thịt gà. Trẻ con cũng phải chè xôi đó.

- Xin nhớ! Bắt kén xong còn phải gánh trả đòn hào, hom dâu. Cũng phải nhờ chú Năm giúp cho một ngày nữa.

- Tôi không làm nữa đâu! Tôi bị ông Bốn đâm vào vai. Vai tôi bị sưng vù lên đây này. Từ hôm ở chòm đa Lí về, tôi không làm được việc chi nữa!...

- Đã là đấu chơi thì các ông phải đánh nhau nhẹ nhẹ. Đàng này cứ thẳng tay đâm đá. Ông Bốn đã nhiều lần bị u đầu và học máu. Tôi sợ mất vía!

- Có gì mà sợ! Ông Bốn có chết đi thì bà cứ đem muối mắm, khỏi phải đi chợ. Nhưng ông Bốn bị ma quỷ chê rồi, chưa chết được đâu. Bà còn phải hầu hạ ông đó!

*
* *

Chú Năm Mùi gọi tôi và thằng Cù Lao giúp chú quay búa về hướng khác để tầm đỡ nắng, vì tầm đã rúc ổ.

Tầm trong nong đã nhặt xong, các chị hái dâu đội nong ra rộc kì cọ giạt giũ. Tiếng đập nong nghe phành phạch như tiếng trống lũng. Tôi và thằng Cù Lao khiêng hết giường phản ở nhà trên đem dồn xuống bếp. Bàn ghế phải cấp tốc đưa hết ra sân lấy chỗ vầy tầm. Thằng Cù Lao đổ than vào nồi, quạt lửa. Chú Năm Mùi hướng dẫn đặt búa chụm đầu vào nhau, cứ hai búa chụm lại thành một, giống như hai mái nhà. Dưới búa phải đặt nồi lửa để sưởi cho tầm được ấm. Chị Bốn đã rang sẵn mấy nồi bắp để phục vụ đội ngũ vầy tầm. Tôi và thằng Cù Lao nhai bắp rang, ngồi lắng nghe chú Năm kể chuyện. Toàn những chuyện đùa ông bán trứng tầm, người đào dâu, chuyện chế giễu những kẻ ngu xuẩn, bọn quan lại hống hách. Nhiều chuyện có những chi tiết rất tục, làm chúng tôi cười lăn lóc, suýt ngã vào nồi than. Chú Năm nheo mắt cười hì hì:

- Nay cách mạng thành công tao mới dám kể cho bọn bay nghe. Trước đây tao phải kín miệng, vì nó động thời thế!

Chú Năm kể những tích tuồng hát bội. Chú thú thật chú đã mê hát bội đến quên ăn quên ngủ, con mắt của chú trũng xuống,

sâu bằng cái chén tổng, râu ria chú mọc ra, tóc dài phải búi thành một đùm sau gáy.

Tôi chứng minh thêm:

- Hèn gì thím Năm nói với mẹ cháu là thím xấu số, gặp phải thằng chồng mê hát bội! Thím Năm thề thím sẽ đốt rạp hát bội đó.

Chú Năm cười xòa:

- Cái tai mày bị lủng rồi hả? Mày nghe sai bét. Thím mày nói với tao là thím mày tốt số mới gặp được tao. Tao kể cho thím mày nghe những tuồng Tam nữ đồ vương, tuồng Đào Phi Phụng, thím mày mê tít thò lò! Nhưng thôi, bọn bay đi bơi lửa cho bữa ấm cái đã.

Chúng tôi chui vào dưới bửa, bơi lửa cho bữa ấm, lại chui ra, quây quần bên chú Năm. Chú Năm vẻ nghiêm trang: - Bọn bay nay được thằng làm học trò. Một dạo tao cũng được thằng làm học trò! Tao học chữ Hán chứ không học chữ quốc ngữ như bọn bay. Thầy dạy tao câu: "Đệ tử phục kì lao". Thầy cắt nghĩa từng chữ: Đệ tử nghĩa là học trò, phục nghĩa là phục, kì nghĩa là sửa, lao là lao. "Đệ tử phục kì lao" nghĩa là học trò phục sửa lao. Tao cũng chẳng hiểu thánh hiền muốn dạy điều chi. Sau tao nghĩ ra chữ "kì" đây có nghĩa là kì cọ, kì cọ khi ta ra tắm ngoài ao đó. Tao bèn đọc: "Đệ tử phục kì lao" nghĩa là học trò phục ngoài ao. Thầy đánh tao hai roi.

Nhưng ít ra tao cũng tìm được nghĩa lí của câu thánh dạy.

Chú Năm chỉ vào thằng Cù Lao:

- Cái tên của mày cũng là "Cù Lao" hay là "Kì Lao" chi đó. Tao nghĩ phục Cù Lao là đúng hơn. "Đệ tử phục Cù Lao" có nghĩa là học trò phục thằng Cù Lao. Chúng phục mày vì mày bơi giỏi.

Tôi hỏi:

- Còn tôi, chúng cũng phục tôi chứ?

- Chúng đặt vè về mày đó!

Nghe có người đặt vè về tôi, tôi đã lo. Thường người được đặt vè là người bị thiên hạ chê cười. Chú Năm liền tiếp: - Nó đặt vè về mày thế này này: "Có thằng nhỏ dại, không biết nghĩ suy, cha mẹ hàn vi, cho ăn đi học. Lo mua vở sách, lo sắm áo quần. Trò bỏ ra sông, suốt ngày đánh đá. Xưng hùng xưng bá, nào Triệu Tử Long, nào là Địch Thanh, Quan Công, Hạng Võ. Trâu không có cỏ, gậy

tóp đôi hông. Lê la ngoài sông..." Tôi nói chắn ngang: - Đừng đọc nữa! Suốt ngày đánh đá để tập đánh Pháp đuổi Nhật đó. Các chú không cho bọn tôi tập tự vệ thì phải tập giật lá chớ. Nè, cái khoản tập bơi để diệt đồn địch. Tôi vượt sông rồi đó...

Hình như khoản tập bơi đã thuyết phục được chú Năm, chú nhìn tôi chăm chú:

- Nhưng việc mày bảo là thím mày vô phước mới gặp tao là sai bét. Mày xem từ hôm cách mạng đến nay, tao tiến bộ thế nào! Tao hô hào bà con đi cướp chính quyền. Tao trúng chân chỉ huy tự vệ, trúng ban chấp hành thanh niên. Tao lo việc nuôi quân. Tao thức suốt đêm để làm hầm. Ai cũng công nhận là tao đổi mới. Thím mày đã nói: "Cảm ơn cách mạng đã giác ngộ chồng em". Thế nào? Có phải vậy không Cục?

- Phải! Nhưng mới là chỉ huy tự vệ thôn, chưa sướng. Chỉ huy toàn tỉnh mới sướng, có được khẩu súng đeo hông.

- Ở cái thằng này! Phải thông thả học tập đã chớ. Phần tao như vậy cũng được. Còn phần mày, mày phải học con hầm. Nó rút hết ruột tơ của mình để làm ra cái kén. Kén ta đem ươm, lấy tơ dệt lụa. Đáng thương biết mấy!

*
* *

Chú Năm bỗng đứng bật dậy:

- À, tao còn phải đi quanh một vòng để tìm vài thằng Việt gian ẩn núp đâu đây cái đã. Nhiệm vụ đi canh chưa giao cho ai được.

Chú Năm rút gậy đi một lúc rồi quay lại. Tôi ngáp một cái, nói:

- Buồn ngủ quá chú Năm ơi!

- Mày muốn tao hô bài chòi, nói Lục Vân Tiên, hay nói về chớ chi! Tao biết trong con tim đen mày rồi.

- Sao chú biết được con tim đen vậy chú?

- Thì chú cháu mình chớ ai vô đó! Khi tao còn nhỏ, tính tao cũng không nói thẳng những cái mình muốn như mày!

Thường ngày tết, chú Năm Mùi hô đánh bài chòi hay lắm. Chú đứng bên cái bàn đặt giữa đám đất. Trên bàn có đặt một cái ống, trong ống có cắm sẵn ba mươi con bài. Mười cái chòi dựng thành hai dãy hai bên. Trong mỗi chòi đã có người chủ bài. Chú Năm lắc ống bài, rút một con hô to:

*Tiệc thay chút nghĩa cũ càng,
Dấu lìa ngó ý còn vương tơ lòng.
Duyên em dù nối chỉ hồng,
May ra khi đã tay bông tay mang.
Là con... bát bông.*

Tiếng trống lớn, tiếng chiêng nổi lên u, âm! Tiếng trống nhỏ tom, tom, các! Tiếng đàn nhị, ò e, ò e! Tiếng mõ lóc cóc! Cờ ngũ sắc bay lại bay qua.

Hết con bài bát bông, đến con bài ông âm, rồi con nhứt nọc, con nhì nghèo, con bạch huê, con tam quăng, con tứ giống... Có lẽ đó là những con vật rất kỳ dị ở những thế giới thần tiên đâu đâu. Chúng hiện ra từng hàng đầy đủ lông lá, màu sắc huyền ảo.

Chú Năm hoặc lấy từ trong Kiều, trong Lục Vân Tiên, trong Thạch Sanh và trong các loại vè trên đời, hoặc tự ứng khẩu sáng tác ngay tại chỗ, phục vụ kịp thời... Giọng của chú trầm bổng, ngân nga, reo vui, thanh thoát là tùy theo nội dung câu thơ chú hô. Không chỉ chúng tôi quên mệt, quên ăn quên ngủ, mà cả Hoà Phước đều mê cái giọng chú. Chú Năm phục vụ suốt mấy ngày tết mà không lấy một đồng xu nào cả.

Tôi nói lơ lửng:

- Làm vài câu đi chú!

- Một chữ tao cũng không làm, chớ đừng nói vài câu! Mà nghỉ, cách mạng lên rồi, tao cũng là chỉ huy tự vệ, ai lại đi hô cái đánh bài chòi!

- Vậy chú ngâm Lục Vân Tiên đi. Chỗ Nguyệt Nga ôm bức tượng Lục Vân Tiên trầm mình dưới sông, chú cũng thích!

- Đó là lúc trước, nay mày có cạy răng tao cũng không làm thứ đó nữa đâu! Gà đã gáy kia kìa. Cho sắp bay đi ngủ. Tao vừa mới biết trẻ con phải ngủ đúng tám giờ một ngày mới chịu lớn. Để tao thức một mình vậy tầm cũng được.



Tôi bừng mắt, có tiếng cửa bị xô mạnh. ánh sáng bên ngoài tràn vào. Trời đã sáng trắng. Khi hôm thức vầy tầm, mãi đến gà gáy mới ngủ. Chú Năm chuẩn bị việc bắt kén. Chú mở hết cửa, khiêng xếp các bửa kén lại một chỗ, trải hai chiếc nong giữa nhà, khiêng một bửa kén đặt lên. Mọi người bước đến mở gút lạt, gỡ nẹp, gỡ những cây dâu khô dính đầy kén như những hoa vàng. Giống kén bạc mảy mốc, dày tơi, bán được tiền. Ai cũng mừng cho chị Bốn đánh ván cuối mùa lại được ăn to. Ông Bảy Hóa cầm một chuôi kén dính liền nhau, gỡ lên cho mọi người thấy. Kén dính liền nhau là điềm báo trước chị Bốn sẽ còn trúng tầm nữa. Sang năm, chị Bốn sẽ trúng bảy lứa tầm liên tiếp, vì có cả thảy bảy kén dính liền nhau.

Có tiếng cười nói ồn ào trước ngõ. Ông Trùm Khéo đã đến. Chính ông là người bán giống tầm cho anh Bốn Linh. Ông tiếp lời ông Bảy: - Tại sao chỉ trúng bảy lứa? Phải trúng hai mươi lứa chớ!

Mọi người cười ồ:

- Mỗi năm làm được năm lứa tầm đã đứt hơi. Nay ông Trùm có cách làm đến hai mươi lứa!

- Thì có chi đâu! Anh chị Bốn chỉ thuê thêm bốn trai đứng buồng, làm đủ bốn buồng tầm. Mỗi buồng làm năm lứa, có phải vì chi là hai mươi lứa không nào?

Ông Trùm Khéo xắn tay áo, hét to:

- Nay non sông đã độc lập. Dân ta đã mở mày mở mặt với bốn biển năm châu, vậy ai còn chịu mặc thứ vải thô dày như bao bố đó nữa? Phải mặc lụa với nhung. Nay mai nuôi mấy tầm cho đủ. Ông Bốn Linh trúng tầm, phải sắm một tủ sắt để đựng tiền. Tôi xin cam đoan như vậy!

Bọn trẻ con trong làng đứa nào cũng biết ông Trùm Khéo. Hàng năm, bắt đầu mùa xuân, ông lại xuất hiện. Ông đi qua làng, mặc chiếc quạt giấy thật to, cồng sau vai một chiếc bầu bằng tre. Chiếc bầu có xỏ một chiếc đòn xóc cong queo như một cái móc. Nhờ chiếc đòn xóc đó ông Trùm Khéo đã cồng được bầu. Ông nhớ hết tên họ mỗi người. Khi đi ngang qua Hòa Phước, ông dừng lại, nói rất tự nhiên: - Anh Bốn Linh, có trúng tầm của anh đây!

Nếu không mua, ông Trùm Khéo quả quyết:

- Không mua thì mất trứng!

Ông biết mặt hết bọn trẻ con. Gặp tôi ông gọi:

- Nè Cục. Ông coi bộ giò mảy cao, chắc là chạy giỏi. Chạy mau về hỏi cha mảy có mua trứng nòi của ông Trùm không? Nhớ nói trứng của ông Trùm lần này tốt dữ lắm!

Ngày bắt kén, ông đến sớm lo hạ bủa, lo dọn dẹp cùng mọi người, có ý kiến trong mọi vấn đề, luôn luôn đứng về phía chủ tầm, phân tích tất cả những cái tốt của lứa kén cho người mua thấy. Ông cầm một cái kén vừa vê vừa nói với lái kén: - Các vị hãy xem! Những cái kén này còn cứng hơn hòn sỏi. Các ngài bỏ nó vào cối đá, lấy chày đập mạnh nó vẫn không móp cho mà xem. Kén tốt ắt có nhiều tơ. Kén nhiều tơ sẽ lợi cho các vị thế nào, cái đó các vị biết rõ.

Vừa gặp thằng Cù Lao, ông Trùm Khéo đã nhớ ngay tên nó. Ông sai nó đun nước để ông thử kén xem kén có bị tan hay không. Thằng Cù Lao chạy như bay. Ông Trùm Khéo nhặt ở mỗi nong sáu bảy cái kén. Ông bỏ kén vào niêu nước sôi lấy đũa đập đập, gỡ vỏ kén, bắt những sợi tơ móc lên xa, quất to:

- Cù Lao! Quay xa mau lên!

Thằng Cù Lao quay xa, tiếng xa cót két, kén trong niêu nhảy nhót lao xao.

Được một lúc, kén mỏng dần, đến lúc chỉ còn những con tầm trắng rơi xuống đáy niêu. Ông Trùm xếp ra quay, mở cuộn tơ, móc lên cổ cho thằng Cù Lao. Chợt ông nhìn nó chăm chăm, chép miệng hỏi:

- Mảy ăn chi mà hóa đen thui vậy?

Chú Năm Mùi cho biết nó ở ngoài cù lao Chàm mới về.

Ông Trùm Khéo trở lại vui vẻ:

- Về đây là hết sức phải. Về đây làm tầm.

Vì đã là dân xứ này thì không thể không làm tầm. Nghề nông và nghề tầm là căn bản, "nông tang vì bốn" như thánh đã dạy. Một người dân không biết làm tầm đó là người ngoại quốc đâu đâu, chứ không phải người Việt Nam ta!

Ông Trùm Khéo quay sang chú Năm Mùi:

- Xứ này có giàu sang cũng nhờ tôi cả. Tôi đã chọn những kén giống tốt ở khắp các ngõ nguồn đưa về đây làm giàu cho thiên hạ. Có trứng rồng mới nở ra rồng. Cách mạng lên rồi, nhất định ủy ban sẽ cử tôi làm ủy viên nuôi tầm. Tôi mà lãnh chức ủy viên thì tất cả người dân xứ nì đều được nuôi tầm, đều được ăn sung mặc sướng, ăn toàn thịt cá, mặc toàn tơ lụa!

Chú Năm Mùi hỏi to như muốn mọi người đều nghe:

- Ông Trùm vừa nói xứ này có giàu sang là nhờ có ông Trùm. Đáng lí ra họ phải cảm ơn, nhưng ông Trùm lại bị đàn bà xứ này vác gậy đuổi chạy?

Ông Trùm Khéo cười xòa:

- Bà Hường làng này thua tầm, không phải vì giống của tôi xấu. Đó là vì tầm ăn dâu non. Bà thua tầm, bà nổi tam bành bà lên. Hễ đàn bà nổi tam bành, mình là bậc trượng phu, bỏ chạy là thượng sách!

X

Đằng nhà chị Bốn Linh mãi suốt ngày hôm sau việc dọn dẹp vẫn chưa xong. Giường ghế phải đưa vào, nồi lửa phải chồng lên, đòn nẹp phải bó lại, nong nia phải giặt đập. Suốt buổi sáng, tiếng chổi tre cứ roạc roạc, tiếng cọ sát cứ lạch xạch. Thằng Cù Lao dọn dẹp luôn tay, giống như một trai nuôi tầm loại giỏi. ...n cơm tối xong, chị Bốn còn phải hạ giỏ bắt số kén đuôi. Chung quanh xóm đã tắt đèn. Tôi và thằng Cù Lao nằm trên phản thiu thiu ngủ. Chợt có tiếng chân bước. Anh Bốn Linh về.

Vừa bước vào nhà, anh Bốn vội thanh minh:

- Chà, việc của tôi cứ búi xòm xòm!

Chị Bốn hỏi:

- Việc chi mà búi dữ rửa?

- Cũng là việc quốc gia chi sự.

Chị Bốn bước nhanh vào bếp:

- Ở nhà cúng buồn, đợi anh Bốn đó. Xôi để phần đây.

Tiếng anh Bốn vui lên:

- Chớ tầm tơ ra sao? May quá! Tầm lớn không bị lụt. Mùa này ông trời ác lắm, tôi cứ lo lo.

Chị Bốn khoe:

- Này anh Bốn! Trừ các khoản chi phí, lúa tầm này mình hốt được...

Tiếng chị Bốn nhỏ lại. Tiếng anh Bốn to lên:

- Khá quá hè!

Tiếng chị Bốn thiết tha:

- Tôi mua một súc thao, định may mỗi đứa một cái áo. Anh thích bận quần thao, may luôn cái quần cho đủ bộ. Tôi còn mua con lợn để nuôi.

Tôi mở mắt nhìn. Anh Bốn ngồi nhai xôi như không nghe những gì chị Bốn nói. Đáng lí ra, anh phải vỗ vập. Sau bao nhiêu thành tích đem lại cho gia đình, anh Bốn phải khen vợ vài câu. Đằng này anh cứ ầm ừ qua chuyện.

Chị Bốn nghi anh Bốn vừa thua vật:

- Từ rày chớ có đi đánh đá nữa. Có ngày mất mạng đó!

Anh Bốn như vừa chợt tỉnh:

- Cái gì?

- Vật thua chớ gì?

- Bậy nà!

Anh Bốn xén một cục xôi bỏ vào mồm, quay đầu đưa vạch vạch mấy cái xuống bàn như đang trừ tính một việc gì phức tạp.

Có tiếng anh Bốn hỏi chị Bốn:

- Mình về trên nhà, còn có thấy Phó Xáng ở trên đó không?

Tôi biết chị Bốn đi hái dâu có hôm tranh thủ ghé về thăm cha mẹ ở xã trên. Chị Bốn vốn người trên đó.

Tiếng chị Bốn rành mạch:

- Gặp luôn. Nhà họ ở sát bên nhà mình.

Họ hiền lành lắm, tốt lắm!

- Cha mẹ hiền lành, nhưng đẻ con ra là đồ tinh, đồ yêu đó. Tôi nói việc bí mật cho mình biết. Thằng phán Ninh con Phó Xáng là thằng mật thám. Nè, phải kín mồm kín miệng đó!

- Úy! Nó giác ngộ lắm! Hôm cướp chính quyền nó diễn thuyết. Nó nói thời cơ đã đến, một ngày mới đã lên, không còn bị xâm lược chặt đầu lột da, không còn bọn vua quan xẻ thịt...

- Nó làm vậy để che mắt thiên hạ. Ở trên vừa cho biết nó là mật thám.

- Thế nó là lính ma tà hả?

- Trước đây nó ở Đà Nẵng làm việc chạy giầy chạy tờ ở tòa thị chánh, nhưng lại bí mật làm chỉ điểm ma tà. Vừa rồi trình sát của ta tóm được nhiều hồ sơ của mật thám bỏ lại, trong đó có nhiều báo cáo về cơ sở cách mạng của ta. Kẻ báo cáo kí tên là YA. Vậy YA là ai? Thì ra đó là phán Ninh. Anh Sáu có cho tôi xem

những giấy tờ đó. Nói cho mà biết, phải có ý tứ khi về trên nhà! Phải giữ thật bí mật, nghe!

Anh Bốn nói chậm lại:

- Hiện nay Pháp đang đánh ta ở Nam Bộ.

Bọn tay sai muốn rục rịch. Tìm không thấy nó ở Đà Nẵng. Hôm cướp chính quyền nó ở đây.

Sau không thấy đâu cả. Nay đường sá ta đang kiểm soát, phán Ninh chưa dám đi xa. Cấp trên bảo phải theo dõi những nơi có họ hàng thân thích với nó. Ông Hoạt ở ngoài vạn là cậu nó đó. Phải theo rất sát.

Anh Bốn thì thầm đang hỏi chị Bốn việc gì đó. Tiếng chị Bốn to lên:

- Hai đứa ngủ lâu rồi, có la làng chúng cũng không biết được.

*
* *

Tôi nằm nghe hết câu chuyện của anh Bốn Linh kể. Giọng nói của anh Bốn có gì khác khác cứ làm tôi muốn nghe. Anh Bốn càng nói nhỏ, tôi càng vênh tai cố nghe cho được. Khi chị Bốn nói đến ma tà tôi càng chú ý. Tôi vốn sợ ma. Tôi tưởng tượng bọn ma tà mặt mày dữ tợn, hay ngồi rình ở chuồng heo, xó bếp. Nghe được câu chuyện của anh Bốn, tôi như chộp được một cái gì đáng sợ. Cái đó trong tôi cứ nhảy nhót. Tôi cố chịu đựng được hai ngày. Đến ngày thứ ba tôi chạy gọi thằng Cù Lao. Tôi hỏi nó:

- Mà biết chi chưa?

Thằng Cù Lao nói nó đã biết hết rồi. Nó sẽ được đi Trà Linh mua gỗ xây dựng trường mới. Đi bằng thuyền của dượng Hương Thư. Nó và dượng Hương Thư sẽ ghé Dùi Chiêng thăm con cháu ông Bá Hoành bắt hổ giỏi lắm. Nó sẽ được xem họ đánh nhau với hổ, được ăn thịt hổ nữa.

Tôi gạt phăng:

- Không phải chuyện đó.

Thằng Cù Lao ấp úng:

- Hay là chuyện... Nhưng anh Bốn dặn chị Bốn phải kín miệng...

- Dặn khi mô?

- Hôm anh Bốn về. Anh nói chuyện với chị Bốn lâu lắm. Chuyện...

Tôi chịu không được nữa, hỏi thẳng:

- Chuyện phán Ninh làm mật thám phải không?

Thì ra thằng Cù Lao cũng thức, cũng vênh tai nghe mọi việc anh Bốn kể. Nó thì thâm:

- Ông Hoạt người thế nào tui chưa biết.

- Ông Hoạt ở ngoài vạ, có búi tóc. Hôm ăn giỗ ở nhà anh Bốn, mày đã biết rồi. Theo anh Bốn, hiện nay phán Ninh đang lui tới ở nhà bà con thân thuộc. Phán Ninh vào ra chỗ nhà Phó Xáng hay chỗ ông Hoạt ở ngoài vạ.

Thằng Cù Lao gật gật. Tôi khuyên nó:

- Như vậy phải tránh xa! Chớ có đi tắm gần chỗ vạ, có ma tà đó!



Vạn Hòa Phước có khoảng mười chiếc thuyền buồm. Thuyền nào ở đàng mũi cũng có hai sừng giống đôi sừng trâu. Đàng mũi còn có thêm hai con mắt. Mỗi thuyền buồm thường kèm theo một vài xuống con. Xuống con đậu quanh thuyền lớn giống như những bé nằm quanh bụng mẹ. Khi có gió, thuyền mẹ cọt két rên rĩ. Xuống con húc húc vào mạn thuyền mẹ như đòi bú tí. Thuyền lớn khi nằm ở bến trông nặng nề uể oải, khi rời bến bỗng hóa nhẹ tênh, cánh buồm giương cao lướt trên sóng biếc bay đến chỗ chân trời trông sáng quắc như những thanh gươm nhọn. Thuyền ở Vạn Hòa Phước cập bến và rời bến rất bất thường. Thuyền ông Mười ý to nhất vạ, có ba buồm, ăn đường ở các bến sông rồi giương buồm ra đến Huế. Nó từng vượt sóng biển khơi. Đối với bọn trẻ trong làng, nó có uy tín rất lớn. Khi thấy nó về, chúng reo to:

- Ghe bầu ông Mười đã về!

Chỉ một lúc sau tin tức được loan báo khắp làng. Ai cũng muốn chạy xem ông Mười đã đưa loại mắm gì về, mắm cá nục hay cá cơm, đựng bằng thùng hay bằng tĩn. Nếu có gạo tốt thì người

không mua cũng bốc vài hột về cho bà con trong xóm cùng xem. Thuyền của dượng Hương Thư tuy nhỏ nhưng rất chắc, nhiều lần vượt thác. Thuyền của dượng mỗi năm chỉ nằm ở vịnh Hòa Phước vài ba tháng. Trước đây, dượng về ngụ cư ở vịnh Hòa Phước. Thuyền bà Phương chuyên nghề đưa khách xuôi phố Hội An, thường nhổ sào vào lúc sẩm tối. Thuyền ông Hoạt dáng bè bè, trông dày dặn, có lúc lên bán mắm trên nguồn.

Vịnh Hòa Phước còn đón thuyền ở các nơi đến. Thuyền vùng biển ghé vịnh mua lá keo về trồng khoai. Đêm xuống, họ đốt lửa nấu khoai sáng rực cả bờ sông. Hấp dẫn nhất là thuyền bán đồ "Nha Trang". Thuyền thường đến trước Tết, chở đầy những mâm hoa quả, những nải chuối vàng hươm, những quả cam rực rỡ, nhưng toàn bằng đất sét. Trẻ con Hòa Phước không hiểu những thứ đó làm ở xứ nào. Chỉ biết người ta gọi đó là đồ Nha Trang. Ngoài hoa quả, còn có những con cò trắng bạch đứng bên lá sen, những con nhái ngồi xổm trên ống tre. Khi thuyền Nha Trang đến, bọn chúng tôi ù té chạy xem, không ngớt ca ngợi, vì những chuối thật, những con nhái thật cũng không đẹp hơn những đồ đó được.

Bỗng vịnh Hòa Phước mất hết vẻ hấp dẫn khi trước. Nó hiện ra đầy bí mật vì có một tên ma tà bị tróc nã đang lẩn quất ở đấy.

Tôi và thằng Cù Lao vẫn ra bến tập bơi. Tôi muốn tránh xa chỗ vịnh. Nhưng thằng Cù Lao từng được ông Bảy Hóa để cao, bảo nó sẽ dẹp được giặc dưới nước. Nay giặc đang nằm ngay trong thuyền ông Hoạt, nó khó làm lơ. Nó phải bơi đến chỗ vịnh để điều tra. Nó sẽ bơi quanh, giả vờ như không biết phán Ninh là ai cả. Sau đó nó sẽ báo cáo mọi việc với anh Bốn. Thằng Cù Lao nói nghe có lí, nếu làm được việc đó, anh Bốn sẽ thưởng chớ chẳng phải chơi. Thằng Cù Lao bơi vun vút phía trước. Tôi bơi theo sau, bơi đến những thuyền cắm tận ngoài xa. Chẳng thấy ông Hoạt đâu cả. Chúng tôi hết sợ, lên bờ mặc quần áo la cà đến bên những thợ mộc đang chữa thuyền. Một ông nổi quát đuổi đi vì có một đứa giống thằng Cù Lao đã cắp mất cái đục. Thật chán! Ra đi để làm một việc quan trọng như vậy, đến lúc quay về lại bị nghi oan là ăn cắp đục!



Ông Bảy Hóa đến đâu cũng nêu cao tài bơi lội của thằng Cù Lao. Danh của nó bay xuống xóm chợ, lọt vào tai bọn trẻ con dưới đó. Lúc đầu chúng chưa tin. Sau khi thấy rõ chúng đều phục lẫn phục lóc.

Đứa nào cũng muốn tập bơi. Thằng Cù Lao tập cho mấy đứa. Chúng trầm trồ:

- Tài quá! Tài quá!

- Thằng Cù Lao để tay vào chỗ bụng mình, là mình bơi giỏi mới lạ chứ!

Đội ngũ bơi lội càng đông. Một vài đứa đã vượt sông Thu Bồn. Những đứa trước đây chê thằng Cù Lao là ngốc, nó là một thứ mọi biển, nay càng mê nó. Để tỏ mối tình, bọn bơi lội mở tiệc chiêu đãi.

Thằng Thân ở xóm chợ mở gói lá chuối, chấp tay đặt trên rốn:

- Mời các vị cứ thiết tình! Đây là món thịt quý đãi anh Cù Lao.

Thằng Cù Lao dòm dòm:

- Thịt chi vậy?

- Thịt chim công! Chim công lông đẹp, thịt ngon. Tôi giết vài con đãi bạn. Bốc một miếng ăn đi.

Tôi bốc một miếng lên xem. Đó là miếng dái mít, ăn vào sẽ xít cuống họng. Tôi bỏ dái mít vào mồm. Thật kì lạ! Dái mít bỗng hóa ngọt ngào chẳng khác gì xôi ngọt. Thằng Cù Lao khen:

- Ngon hơn chả!

- Ấy! Dái mít phải cắt ra thành miếng, gọi lại đem ép dưới cối đá mới ngon như rứa!

Ăn "thịt chim công" xong, chúng tôi uống "rượu".

Rượu là nước sông Thu Bồn. Uống xong đứa nào cũng gật gật, cũng bước xiêu vẹo, cũng nói: "Ta không say, ta không say" như mấy người say rượu chính cống.

Trong lúc "say rượu", có đứa nói thật là nó mong Pháp đổ bộ lên Đà Nẵng kéo đến đóng ở sông Thu Bồn, nó có dịp bơi lặn tẩn cho bọn Pháp một trận để lập công!

Tôi cũng nói thật là nhờ tài bơi lội mà tôi và thằng Cù Lao đã lãnh một nhiệm vụ vô cùng quan trọng: Chú Năm Mùi đã giao cho chúng tôi "vượt thác xuống gành" một chuyến. Đó là dịp tốt để chúng tôi thi thố tài năng, và để lấy gỗ ở Dùi Chiêng về xây dựng... cuộc đời mới. Lên Dùi Chiêng thế nào cũng được đi sẵn hổ.

Tất cả đều cho chú Năm Mùi rất sáng suốt. Sự thật tôi được đi Dùi Chiêng để lo việc... nấu cơm, vì tôi là loại "lỡ rơi xuống nước cũng không đến nổi như cục đá", như dượng Hương đã nhận xét.

Tôi và thằng Cù Lao phải đi Dùi Chiêng rất gấp. Phải dựng trường trại cho nhanh, vì bọn trẻ con đang lêu lổng, có đứa đã đi ăn cắp đục của các ông thợ mộc ngoài vạ.

XI

Trường sẽ xây dựng ở chòm đa Lí. Thầy Lê Hảo đứng ra trực tiếp lo mọi việc. Gạch ngói sẽ dỡ lấy ở ngôi miếu cũ giữa vườn đa. Cần mua thêm một ít vôi ngói. Gỗ phải đi lấy ở Dùi Chiêng. Ông Hội Hiệt đã hứa đóng góp đủ gỗ. Việc đi lấy gỗ giao cho dựng Hương Thư và chú Hai Quân. Dựng Hương Thư năng lên xuống các ngõ nguồn, mọi việc sẽ thuận lợi.

Tôi và thằng Cù Lao mang hai cái nôi, một bị gạo, một hũ mắm đặt vào thuyền. Dựng Hương mua thêm hai chục cá chuồn thính, một chục cá mè dẫu, ba cân tôm khô, hai cân đường cát đem về cho dì Hương và để biếu bà con trên đó. Chú Hai mua một xấp thuốc lá đem biếu dì Hương. Gió nồm vừa thổi, dựng Hương nhổ sào. Cánh buồm nhỏ căng phồng. Thuyền rẽ sóng lướt bon bon như đang nhớ núi rừng phải lướt cho nhanh để về cho kịp.

Chỉ một chốc sau, chúng tôi đã đến ngã ba sông, chung quanh là những bãi dâu trải ra bạt ngàn đến tận những làng xa tít.

Thỉnh thoảng chúng tôi gặp những thuyền chắt đầy cau tươi, dây mây, dẫu rái, những thuyền chở mít, chở quế. Thuyền nào cũng xuôi chậm chậm. Càng về ngược, vườn tược càng um tùm. Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. Núi cao như đột ngột hiện ra chắn ngang trước mặt. Đã đến Phường Rạnh. Thuyền chuẩn bị vượt nhiều thác nước.

Đến Phường Rạnh, dựng Hương sai nấu cơm ăn để được chắc bụng. Mùa nước còn to, có khi suốt buổi phải chống liên tay không phút hở. Ba chiếc sào bằng tre đầu bịt sắt đã sẵn sàng. Nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn. Dựng Hương Thư đánh trần đứng sau lái co người phóng chiếc sào xuống lòng sông nghe một tiếng "soạc"! Thép đã cắm vào sỏi! Dựng Hương ghì chặt trên đầu sào, lấy thế trụ lại, giúp cho chú Hai và thằng Cù Lao phóng sào xuống nước. Chiếc sào của dựng Hương dưới sức chống bị cong lại. Nước bị cản văng bọt tứ

tung, thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống, quay đầu chạy về lại Hòa Phước.

Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt. Thuyền cố lặn lên. Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. Dượng Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dượng Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ.

Cho đến chiều tối, thuyền vượt qua khỏi thác Cổ Cò.

Chú Hai vớt sào, ngồi xuống thở không ra hơi. Dòng sông cứ nhảy quanh co dọc những núi cao sừng sững. Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vùng tay hô đám con cháu tiến về phía trước. Qua nhiều lớp núi, đồng ruộng lại mở ra.

Đã đến Trung Phước.



Thuyền vượt thẳng lên Dùi Chiêng. Nghe nói Dùi Chiêng, tôi và thằng Cù Lao quên cả chuyện đi lấy gỗ, đầu óc tràn ngập những chuyện bắt hùm sắp đến. Chúng tôi sẽ gặp ông Bá Hoành và ông Hội Hiệt. Họ đều có lông chân mọc ngược, có cặp mắt nảy lửa, làm hùm beo khi nhìn thấy phải cúp đuôi bỏ chạy.

Thuyền cập bến Dùi Chiêng. Dượng Hương Thư đưa thẳng chúng tôi lên nhà ông Hội Hiệt.

Một ông già vóc nhỏ, gầy nhom từ trong ngôi nhà gạch bước ra. Dượng Hương cho biết đó là ông Hội. Tôi sững sờ. Không lẽ một người bắt hổ hình vóc lại nhỏ bé khảng khiu như vậy? Hổ khịt mạnh, ông Hội có thể bay mất. Tiếng nói của ông dịu dàng chứ không như tiếng sấm. Cặp mắt cũng không nảy lửa. Tôi hơi thất vọng. Thằng Cù Lao nhìn chăm chú vào chân ông, xem quả lông chân có mọc ngược không. Ông Hội cũng nhìn chúng tôi thật chăm chú như muốn hỏi: Hai chú bé này con nhà ai vậy?

Dượng Hương Thư nói chúng tôi là cháu của dượng, là những học trò giỏi. Dượng giới thiệu với ông Hội chú Hai Quân cũng người làng Hòa Phước. Xưa kia, chú đã đánh bọn cường hào võ sọ.

Sau đó chú vượt biển Đông ra ở ngoài cù lao Chàm, tự do vùng vẫy. Đã là phượng hoàng thì không thể ở chung với bọn gà vịt. Đến nay đã mười lăm năm, nước nhà độc lập, chú về lại với quê cha đất tổ.

Ông Hội vuốt chòm râu thưa, nhìn chú Hai vẻ khoan khoái:

- Thế là trên nguồn dưới biển, cùng quê cha đất tổ cả. Nhờ cách mạng anh em ta lại gặp nhau, đoàn tụ!

Ông Hội đưa tất cả vào nhà, mời khách ngồi vào ghế. Hôm đó, tôi và thằng Cù Lao ăn mặc sạch sẽ, khi ngồi vào những chiếc ghế gỗ láng bóng thấy cũng hợp. Ông Hội lấy làm lạ vì sao mới vừa lứt xong Dượng Hương đã lên chơi sớm vậy. Dượng Hương nói lên lấy gỗ về làm trường như ông Hội đã hứa.

- Tưởng gì! Gỗ đó tôi không dùng nữa, tôi xin biếu hết cho làng. Nhà cửa với miếng vườn này tôi cũng muốn dâng cho cách mạng.

Ông Hội nhìn sang chú Hai:

- Không mấy khi các anh và các cháu lên đây. Mời ở lại ăn thịt ướp. Cây nhà lá vườn...

Nhà ông Hội trông bề thế. Giữa nhà treo một lá cờ đỏ sao vàng. Cách mạng trên nây cũng có. Tôi nhìn quanh. Những đầu hổ và những da hổ treo thành một hàng trên vách. Trên các cột còn móc đủ loại sừng. Có những sừng giống như mũi mác. Có cái dài ngồng ngoèo giống như một cành cây nhiều nhánh. Hai bên vách, treo vào súng săn, nỏ mã tấu dao rừng. Tôi cứ nhìn nhìn, cái gì nom cũng lạ. Một chốc sau cơm đã dọn lên. Ông Hội mời tất cả ngồi lại. Vì chúng tôi là học trò giỏi nên được cùng ngồi một mâm. Ông Hội cầm đĩa chỉ vào một đĩa thịt đầy ắp, giới thiệu đó là thịt hổ, ăn món thịt hổ sẽ khỏe ra ngay. Đợi người lớn gấp trước, tôi và thằng Cù Lao gấp thịt bỏ vào mâm. Thì ra thịt hổ cũng mềm như thịt trâu, không cứng như tôi tưởng. Gắp đến cục thịt thứ hai, tôi nghe khấp người khỏe ra, những mệt mỏi tiêu tan đâu mất!

*

* *

Chú Hai Quân nhấp tí rượu, nói:

- Ở vùng xuôi, ai cũng đồn cù Bá Hoành nhà ta săn hổ giỏi. Cù có cặp mắt sáng quắc là nhờ cù uống nhiều rượu có dấm mắt cộp.

Ông Hội cười:

- Không phải vậy đâu. Mắt ông cù cũng như mắt mọi người. Còn muốn săn được cộp phải biết tính nết của nó.

- Người ta đồn giống cộp tài lắm! Ta nói gì chúng đều nghe hết. Nhưng khi đi khỏi ba mươi thước là chúng quên hết!

- Cho nên người ta còn gọi cộp là ông ba mươi.

Ông Hội cười:

- Hùm chỉ là loài hung dữ. Nó cũng sợ người. ở rừng sâu không có người qua lại. Chột phải ta, nó nhìn như hỏi: "Con gì lạ vậy?" Rồi cúi sát lẫn trốn. Nó bắt người là vì đói và cũng là hùm già, không đánh nổi với trâu rừng, bò tót. Ngày trước, cha tôi chuyên gài bẫy. Nhiều bẫy nay còn đó. Chú Hai chỉ một tấm da treo cạnh những da hổ:

- Còn con này cũng là hùm chó?

- Nó là giống beo. Đi rừng ta phải dè chừng beo ngồi trên cây. Khi nó leo cây, nó lấy chân sau hất mình lên từng đợt, cứ thế leo lên cây ngồi đợi. Thấy hươu nai chạy ngang, nó thả người xuống phóng lên đón đầu, không để chạy thoát.

Tôi và thằng Cù Lao muốn ông Hội kể mãi chuyện đánh hùm beo, nhưng dựng Hương Thư chợt hỏi:

- Hôm nào anh cho đi xem gố?

Ông Hội cho biết sáng ngày kia phải đi sớm. Chúng tôi sẽ vào chòi của ông trong rừng, gổ chất trong đó. Sẽ ngủ lại một đêm trong chòi. Dựng Hương quày quả đứng dậy xin ra thuyền. Dựng còn tranh thủ về thăm dì Hương. Nhà dựng cách bến Dùi Chiêng chỉ hơn cây số. Chèo chống giỏi, nửa giờ sau là đến chỗ dựng.

*
* *

Dựng Hương Thư đưa chúng tôi về nhà. Nhà dựng nằm giữa một khu vườn có nhiều cây cau cao vút. Cây nào cũng thẳng

tấp trông như những cột cờ, trên chóp tỏa ra một chùm lá xanh um với những buồng cau sai quả.

Dì Hương sung sướng vô kể. Dì cho tôi và thằng Cù Lao đã vượt thác băng ngàn đến thăm dì ở nơi thâm sơn cùng cốc. Dì rất mong chú Hai và thằng Cù Lao lên đóng ở Dùi Chiêng, đất Dùi Chiêng dễ kiếm sống. Với lại ai đến Dùi Chiêng thì ở yên như bàn thạch. Theo dì, tôi đã gây tộp lại, có lẽ vì ăn uống quá ít. Lần nào gặp tôi, dì cũng bảo tôi gây tộp lại, mặc dù tôi đã béo ra làm ai cũng quở. Dì xách cây sào tre, chạy ra vườn gõ mít, xem có quả nào đã "trở tiếng". Quả nào gõ nghe bình bịch, dì lấy câu liềm dứt rơi xuống đất. Tôi và thằng Cù Lao ăn mít chín đến ngấy. Dì còn làm đãi khách món da trâu ăn để giải nhiệt.

- Da trâu ăn mát lắm! Nó sẽ "giải" bớt cái nhiệt của món thịt hổ đăng nhà ông Hội.

Dì vừa nói vừa thái món da trâu ướp. Da trâu được dì biến chế hóa trắng hóa mềm ăn nghe xộp xộp.

Dì Hương Thư cũng trồng dâu nuôi tằm cũng có nong nia, giỏ to, giỏ nhỏ chẳng khác gì ở Hòa Phước. Chung quanh nhà cũng có cánh đồng rộng trồng ngô trồng dâu chẳng có vẻ gì là thâm sơn cùng cốc. Nhiều bạn hàng đi bữa cau đang trú ở nhà dì. Cau Dùi Chiêng quả nào cũng nhiều ruột, loại lòng tôm có ngấn vàng, loại lòng com trắng đục. Các bà bữa cau, bà nào cũng muốn tôi và thằng Cù Lao ăn thử một miếng trâu cho biết vị cau nguồn vừa thơm vừa béo. Dì Hương Thư lấy rơm lót vào giỏ, sắp đầy một giỏ xoài tượng biếu chú Hai. Dì gửi cho mẹ tôi năm quả mít và hai buồng cau lòng tôm quả to như những trứng gà. Tiếc rằng sau này lúc xuống thác, những thứ đó bị hất tung xuống nước.



Chòi của ông Hội không giống như chòi giữ ngô ở Hòa Phước. Đó là một ngôi nhà sàn lớn có đến mười cột lim. Sàn lót bằng ván kiên kiên vững chắc. Lên sàn phải leo một cái thang sáu nấc. Ông Hội dựng chòi giữa rừng nói là để làm trạm liên lạc cho việc săn bắn, nhưng đó cũng là nơi trú ngụ của nhiều nhà yêu nước.

Dưới chòi có dựng hai thớt lim cắm đầy chông nhọn bằng sắt. Dượng Hương cho biết đó là cái bẫy cọp. Khi gài bẫy, ông Hội rút

một thót lim lên. Khi bấy sập, thót lim đó đánh ập xuống, hổ bị kẹt vào giữa, chông sắt cắm vào bụng. Ông Bá Hoành đã nghĩ ra nhiều loại bấy, có loại bấy hầm, có loại bấy kẹp, có loại bấy sập cắm chông. Khi sa bấy, cộp không thể thoát.

Ông Hội ngồi dựa lưng vào vách chòi hút thuốc. Ông nhìn sang chú Hai:

- Ngày trước, ông nội tôi cũng bỏ làng đi lên trên này mưu đồ làm giặc, tôi cũng muốn bắt chước ông tôi. Vào đây tự nhiên thấy thênh thang, chẳng ai trói buộc mình được!

Ông Hội cho biết ông nội của mình xưa kia học chữ nho đi thi hương, sau đó ông đi thi võ nhưng không đỗ. Ông vào rừng tìm cỏ trường sinh, uống vào con người sẽ sống mãi. Tìm cỏ trường sinh không ra, ông quay về nhà. Sau đó, ông nhập đảng Cần Vương nổi lên chống Pháp. Ông cùng nhiều ông khác lên trên này lập căn cứ nghĩa quân. Vùng Trung Phước xưa kia còn gọi là Tân Sở vì nghĩa quân lập căn cứ rút lui ở đây. Cần Vương không thành, Pháp lùng bắt rất dữ. Ông trốn lên trên này đổi họ, giấu tên, trà trộn với đồng bào Thượng, làm nghề săn bắn. Ông nội trước khi tắt thở đã trối lại cho con cháu biết những chuyện nói trên, dặn khi nước nhà hết giặc phải về thăm làng cũ, tìm lại tông tích ông bà, lấy lại họ cũ để cho phải đạo.

Chú Hai ngậm ngùi:

- Lúc bỏ làng ra đi, tôi cũng thích làm giặc!

Ông Hội cười:

- Sau ba đời, chúng tôi mới tìm lại được quê nội. Còn anh Hai về làng sau mười lăm năm! Chỉ vì ta mất nước. Trước kia trên này cách biệt với dưới đó. Hòa Phước cách biệt với cù lao Chàm, không phải vì biển rộng, núi cao mà vì ta mất nước. Nay độc lập, tất cả giang sơn như xít gần lại, có gì cách trở nữa đâu! Sau cướp chính quyền, tôi đi một mạch từ Trà Linh xuống Cửa Đại. Chúng ta chỉ cách nhau bốn mươi cây số, có núi che ngang, nhưng cùng một quê nội!

Một chim cu nổi gáy. Rừng núi như im lại. Tiếng nói của ông Hội vang lên rõ hơn:

- Lúc còn sống, cha tôi chuyên nghề bắt hổ. Nhưng ông muốn nói chí ông cha mưu đồ việc lớn. Nhiều người yêu nước qua lại trên này. Họ gặp nhau bàn mưu tính kế. Cha tôi xây dựng chòi này

không phải để nghỉ chân, đây là nơi tụ họp. Nhưng việc lớn không thành. Những người bỏ nhà ra đi, lên rừng núi ẩn núp không ít. Họ mài răng cặng tai, sống hòa mình với đồng bào Thượng.

Chú Hai hỏi:

- Thế có khi mô Tây mò đến đây không?

- Có một lần. Sau đó nó hoảng kinh, cắt mất. Rừng núi ông bà linh thiêng lắm!

Ông Hội vui hân lên:

- Một dạo chúng tôi được trát sức phải đưa hai quan lớn Pháp đến vùng có nhiều hùm để các quan săn bắn. Cha tôi lấy dao đâm lũng chân tay, nói là bị cọp bầu không thể đích thân hộ tống các quan lớn được. Phải giao việc đó cho tôi là con trai, cũng là một tay săn cọp. Cực chẳng đã, tôi phải vâng theo. Cha tôi dặn tôi phải đưa chúng chệch sang một hướng khác.

Hai quan lớn đi săn mang theo một đoàn tùy tùng đến hai mươi đứa. Linh tráng, bồi bếp, phu phen phải khiêng các quan trèo núi. Không chỉ khiêng các quan mà còn phải khiêng thùng đựng rượu, đựng bình toong, hộp sữa, các máy để ngắm, để đo. Quan sai dọn cỏ, hạ cây, dựng lều chỗ cao ráo. Nhà phải đặt gần suối để quan tắm táp. Chỗ cột ngựa nhất thiết phải có hàng rào để phòng cọp đến tha ngựa.

Một buổi tối bọn bồi bếp ở ngoài suối chạy về kêu la hoảng hốt:

- Có hùm! Có hùm! Nhiều lắm!

Có tiếng ào ào rồi tiếng cây gãy rãng rắc. Qua vài phút im lặng, rừng núi như nổi cơn dông. Đất đá từ trên cao đổ ào ào. Tôi chỉ còn kịp leo lên một cây to gần đấy. Một đàn voi có đến ba mươi thốt từ đâu xông đến. Trong bóng trắng mờ mờ chúng lồng lên, gào rống chà đạp. Chục xóc vào nhà dũ, quật vãi bạt, đạp quần áo, giày dép, bao bị, súng ống, rương hòm, co vùi móc tất cả vứt lên cao rồi lại chà, lại đạp. Chợt chúng lặng im rồi gào rống to hơn. Hai thằng Tây theo tôi tót lên cây nên thoát chết. Dượng Hương Thư quả quyết:

- Chúng tinh lắm, khôn lắm!

Khi một con bị thương ngã xuống, những con khác quỳ xuống, lấy đầu đẩy, dùng vòi dựng dậy. Khi biết bạn mình đã chết,

chúng rống lên một hồi thảm thiết, moi đất đắp lại. Sau đó chúng kêu lên mấy lần rồi mới từ biệt.



Nghỉ trưa xong, chúng tôi tiếp tục xuyên rừng đi xem gỗ của ông Hội. Chúng tôi lên dốc, xuống dốc, chui qua gai góc, bước lom khom. Một con chim lông màu đá, ngực vàng óng, nổi kêu: Rết ta ta! Rết ta ta! Một vài chim câu lưng màu xanh, cổ màu hồng, cất cánh nghe một tiếng "roặc". Chợt có tiếng lao xao trên cành cây cao, một khuôn mặt tí tẹo với cặp mắt trong veo của một chú khỉ đang nhìn xuống. Một ngọn nước từ trên cao đổ xuống, bọt tung như hoa trắng. Tôi với thằng Cù Lao có một nghìn việc muốn hỏi ông Hội, vì nhiều câu hỏi quá nên không biết hỏi câu gì. Dượng Hương đi trước chốc chốc chỉ cho chúng tôi thấy những dấu vết của giống thú rừng qua lại. Thú rừng bị ngứa thường cào mình vào các gốc cây và để lại một túm lông. Dượng Hương biết đó là lợn rừng, bò rừng hay gấu...

Chúng tôi lội quanh một con suối, trèo lên một dốc cao có nhiều đồng lá. Đó là những khúc gỗ của ông Hội bị lá rụng phủ kín. Dượng Hương Thư hất lá, cứ trảm trồ chưa bao giờ dượng thấy những cây sơn to đến thế. Muốn đưa được những cây gỗ đó ra sông phải thuê thợ xẻ nhỏ, trâu mới kéo được. Việc đó cũng không phải dễ. Tính đi tính lại, dượng Hương và chú Hai không dám nhận số gỗ ông Hội tặng. Ông Hội cho biết ông còn một số gỗ nhỏ đang nằm ở Thạch Bích. Dượng Hương và chú Hai đến đấy mà lấy. Ông Hội đã thanh toán giá cả với ông Kí và thợ rừng ở đó. Ông Hội đang bận nhiều cuộc họp nên không cùng đi với chúng tôi được.



Sáng hôm sau, chúng tôi rời Dùi Chiêng để lên Bình Kiều và Thạch Bích. Từ Dùi Chiêng đi Bình Kiều, núi non hai bên bờ lúc khép lại, lúc mở ra. Càng lên cao, sông càng hẹp lại, chảy xiết giữa những bậc đá chập chồng. Múi Thạch Bích trước mặt hiện ra sừng sững. Dòng sông phóng từ trên cao xuống giữa hai vách đá đồ sộ, thẳng tắp giống như một cổng trời cao vút. Vách đá láng bóng

không một vết lồi lõm. Tục truyền xưa kia, vị Thượng Ngàn đã dùng gươm thần chặt núi Thạch Bích ra làm đôi. Nếu vậy thì núi lúc đó phải mềm như đất nhão và kĩ thuật chém núi phải thật cao cường. Có vậy mới tạo ra được một chiều đứng ngay thẳng kì lạ như vậy. Nước lao vun vút như đàn ngựa phi nước đại. Tiếng nước chảy vang lên như có hàng trăm chiếc cồng cùng đánh một lúc. Dượng Hương cho dừng thuyền ở phía dưới Thạch Bích, tìm vào nhà ông Kí. Ông là thợ rừng quê ở Bình Kiều. Ông từng hạ những cây lim to bán cho dượng Hương. Số gỗ ông Hội là loại gỗ sến nhỏ, rất vừa cho việc xây dựng nhà cửa. Ông Kí đưa chúng tôi vào nhà. Nhà ông cách bến nước một cây số, dựng giữa một cái dốc cheo leo như cắm vào lưng chừng núi. Đứng trong nhà nhìn ra thấy mây bay dưới chân lớp lớp. Những chóp núi nhấp nhô trong mây nom giống một đàn trâu đang ngụp lặn. Giữa nhà ông Kí treo một lá cờ đỏ sao vàng rực rỡ. Không ngờ cách mạng cũng lên tận những nơi thâm sơn cùng cốc.

Ông Kí nói:

- Không năm nào ghe thuyền lên đây sớm như năm nay. Vừa lứt xong, các bác đã lên chở gỗ. Có ghe vạn Hòa Phước lên mua dầu rái. Cách mạng thành công, chánh phủ bỏ hết thuế chợ, thuế thuyền. Ai cũng muốn lên xuống thông thương cho sướng!

Dượng Hương Thư vẻ ngạc nhiên:

- Nước còn to, ở vạn Hòa Phước chẳng ai đi đâu cả. Có ai lên trên này đâu! Chúng tôi lên sớm để... kịp việc trường trại. - Dượng Hương Thư vừa sực nhớ: - Chỉ có ghe ông Hoạt, không biết đi đâu?

Ông Kí nói gần như reo:

- Phải rồi! Ông đó là ông Hoạt. Ông Hoạt ghé qua đây hôm qua, hỏi mua dầu rái. Ông Hoạt nhiều lần lên đây bán mắm. Mắm ngon lắm!

Vừa nghe đến ông Hoạt, tôi đã chú ý. Thì ra thuyền ông Hoạt lên trên này. mấy hôm trước đây, tôi và thằng Cù Lao đã ra vạn Hòa Phước bơi tìm thuyền ông Hoạt nhưng không thấy đâu cả.

Tôi vội vàng hỏi:

- Ghe ông Hoạt lên đây hờ bác?

- Ủ, ông Hoạt.

Thằng Cù Lao hỏi tiếp:

- Có phải ông Hoạt có búi tóc không bác?

- Ủ, ông đó.

- Ông lên đây lúc nào bác?

- Hôm qua.

- Ông lên một mình hở bác?

- Có vợ có con nữa chứ.

Có tiếng chú Hai dặng hắng. Chú Hai quắc mắt, nhìn thẳng Cù Lao:

- Mà ầy để các bác nói chuyện! Con nít hỏi lia lịa việc đó làm chi!

Thằng Cù Lao cứ thấp thỏm, cố tìm cách hỏi thêm. Nó đánh bạo:

- Ông Hoạt đi đâu rồi bác?

- Chẳng biết!

Chú Hai lại mắng:

- Im ngay! Mà ầy trăm hòng người lớn, la mãi không được! - Chú phân trần - Con nít vô lễ, làm tui giận hết sức!

Ông Kí giảng giải:

- Trẻ con là vậy. Khi thương ai, chúng hỏi rồi rít. Sau đó lại quên. Chúng cười đó, khóc đó, vì cái "tính bốn thiện" của chúng đã định được đâu. La mắng làm chi cho mệt!

Từ hôm biết tin thuyền của ông Hoạt đang ở Bình Kiều, tôi và thằng Cù Lao cứ nghi nghi. Dượng Hương cũng không hiểu ông Hoạt lên trên này làm gì, vì chưa đến mùa bán buôn đổi chác. Thằng Cù Lao muốn gặp ngay anh Bốn Linh, muốn về sớm. Ai cũng ngạc nhiên vì trước đó nó muốn ở lại xem ông Hội bắt hổ. Nó còn xin phép dượng Hương cho nó vào rừng xem thử có ai trong đó không? Dượng Hương tưởng nó hóa rồ:

- Có ai? Có cọp trong đó thì có! Mà ầy muốn cọp xách hả?

Chú Hai lo thằng Cù Lao bị ma ám. Vì có bị ma ám mới nói lảm nhảm như vậy.

Ông Kí bảo nó bị lạc vía. Khi về nhà phải làm lễ để hù ba hồn bảy vía nó lại. Trẻ con đi rừng chưa biết kiêng kị, phạm phải

chỗ ăn chỗ nằm của chư vị. Chư vị đã hợp mất hồn. Chỉ cúng con gà, cái rô của nó sẽ bay mất.

Tôi bảo thằng Cù Lao phải tỏ ra không rõ không điên gì cả. Nhưng nó bảo không nên để lộ. Cốt làm sao tin cho anh Bốn Linh biết.



Dượng Hương Thư chọn gỗ xong thuê trâu kéo ra bến. Đường tuy gần nhưng rất khó đi. Trâu phải kéo từng cây gỗ một. Bắt ách xong, ông Kí quất một roi vào lưng trâu, trâu trườn lên bắt đầu leo dốc. Vừa leo lên dốc lại phải xuống dốc. Dượng Hương và chú Hai theo sau, tay cầm đòn xeo sẵn sàng bẫy gỗ giúp trâu vượt qua chỗ hiểm. Trâu rừng rất khôn biết mình đang đi trên một vực thẳm. Gỗ rơi xuống vực thì trâu cũng bị rơi tõm. Trâu choãi chân cố bước, không hề thụt lui. Dượng Hương vừa bẫy, vừa xeo, miệng hô "lố, lố, lố" động viên cho trâu cố bước.

Gỗ chất thành đống ở mé sông, khúc nào cũng nặng chịch, chỉ có đòn xeo mới xeo nổi. Dượng Hương cột gỗ thành bè. Việc cột bè là một nghệ thuật, sau này tôi không thấy sách nào dạy cả. Bè dài, ngắn, cột chặt hay cột lỏng là tùy con nước.

Cột bè xong, dượng Hương điềm tĩnh ngồi hút thuốc. Chợt dượng đứng dậy nhặt sào, chống bè rời bến. Vẻ mặt lạnh lùng, dượng bước đến trước bè. Chú Hai cầm sào đứng phía sau bè. Tôi và thằng Cù Lao ngồi thuyền lo việc bát và chày. Dượng Hương đã chỉ bảo những điều nhất thiết phải làm khi bè xuống thác.

Ra đến giữa dòng, chiếc bè nhập vào chỗ nước dềnh lên, nhún nhảy, dừng lại một phút như đang phân vân rồi bắt đầu phóng. Những khúc gỗ nặng chịch bỗng hóa nhẹ nhàng linh lợi như những phao câu. Dượng Hương hai tay cầm ngang chiếc sào đứng khom khom, cặp mắt dán về trước, như chực đâm một con thú dữ vừa xuất hiện. Chợt chiếc bè rung chuyển toàn bộ. Đuôi bè chống lên, mũi bè lút xuống. Dượng Hương và chú Hai như đang ngồi trên nóc nhà. Dượng Hương quay về phía chúng tôi, thét to:

- Chạy mạnh! Nói dây, nói dây!

Thằng Cù Lao chạy mạnh, nói dây buộc thuyền để thuyền tách ra khỏi bè. Thuyền vẫn bị xách lên. Bát chén trong thuyền rơi

loảng xoảng. Mít cau của dì Hương lẫn ào ào xuống nước. Con thác hung dữ tìm đủ cách để hất bè tung lên. Nước gầm réo, văng bọt tứ tung. Đôi sào của dượng Hương và của chú Hai làm việc tới tấp. Chợt dượng Hương chĩa mũi sào ra đằng trước, quát to:

- Gành đó! Coi chừng!

Phía trước, một mũi đá nhọn hoắt đang hút bè lao tới. Dượng Hương thét xong, mũi sào của dượng đã chạm vào đá nghe một tiếng "roạt" ghê rợn. Chiếc sào bị nống cong lại như cây sung. Mũi bè chỉ còn cách ghềnh đá vài phân, bè bị hai chiếc sào cản lại, quay vòng như lúng túng không hiểu sao mình chưa vỡ tan ra từng mảnh. Bè lại tiếp tục trôi xuôi. Cặp sào của dượng Hương và của chú Hai cứ rút lên thả xuống rầm rập, khi nống bên này, khi đỡ bên kia lia lịa. Chợt thằng Cù Lao nổi kêu to:

- Ai như ông Hoạt kia kia!

Nó vừa kêu vừa chỉ tay vào một vòm lá ngả trên sông. Chỗ đó tối om, tôi thấy có một chiếc thuyền. Thằng Cù Lao kêu toáng lên mấy lần nữa. Chú Hai quắc mắt, quát âm:

- Mặc người ta! Gọi ông Hoạt làm chi?

Tao nện cho một sào bây giờ!

Dượng Hương cũng quát:

- Lo mà cạy! Không khéo bể ghe đó!

Chiếc bè cứ lao về phía trước. Dòng thác như một dây cung đang bắn bật mũi tên. Mũi tên đó là chiếc bè.

Xuống đến Trung Phước, bè thôi không phóng nước đại nữa. Trời về chiều. Bị ngấm nước lâu, ai nấy cũng rét run cầm cập. Dượng Hương cho dừng bè lại, đợi sáng hôm sau, lúc sương tan, bè tiếp tục xuôi về Phường Rạnh.

*
* *

Qua khỏi ghềnh Ngô, sông Thu Bồn bỗng như tỉnh táo hẳn lại. Đôi bờ rộng ra, mặt sông trở nên êm ả. Chú Hai thở phào:

- Nam mô Phật!

Dượng Hương thả rơi cây sào trên hè:

- Lên thác xuống ghềnh là vậy đó!

Chiếc bè trở lại chậm chạp, trôi nặng nề như đang buồn ngủ. Tôi và thằng Cù Lao cố chống nhưng nó chẳng nhích nhanh hơn.

Đến quá nửa chiều, vạn Hòa Phước hiện ra đằng xa. Dượng Hương Thư lái bè vào bến. Bọn trẻ thả trâu ăn trên bãi vừa nhìn thấy bè đã chạy ủa ra mé sông gọi kêu ầm ĩ. Bè vừa cập bến, chúng tôi chạy gấp về nhà gặp anh Bốn, báo cho anh biết thuyền ông Hoạt đang trốn tránh ở Thạch Bích. Anh Bốn ngồi nghe cặp mắt chớp chớp, vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ. Anh Bốn không hiểu vì sao chúng tôi lại biết được chuyện phán Ninh làm mật thám. Chúng tôi thú thật chuyện được nghe lỏm tối hôm nọ. Anh Bốn bỏ qua, dặn đi dặn lại phải giữ bí mật. Anh suy nghĩ hồi lâu, hỏi đi hỏi lại không biết mấy lần. Hỏi xong anh Bốn vội vã ra bến gặp chú Hai và dượng Hương Thư. Anh hỏi chuyến đi của họ có mệt nhọc lắm không? Dượng Hương trả lời chẳng có tí gì mệt nhọc cả. Anh Bốn mời dượng Hương và chú Hai về nhà để bàn một việc gấp. Tôi đoán biết anh Bốn đã bàn việc gì. Ngay sau đó anh Bốn lên huyện. Sáng hôm sau anh về nhà, cùng đi theo có hai người mang súng ống. Dượng Hương Thư lại nhô sào vôi vã đi nguồn một chuyến nữa.



Thầy Lê Hảo và chú Năm Mùi được cử vào ban đốc công xây dựng trường mới. Tôi và thằng Cù Lao được chỉ định giúp việc kéo gỗ từ bến Hòa Phước vào chòm đa Lí. Trực tiếp lo việc kéo gỗ là trâu Bình. Công việc kéo gỗ hoàn toàn mới đối với nó. Nó rảo bước không cần roi vọt chửi mắng gì cả. Tôi và thằng Cù Lao bắt chước các bác thợ rừng cầm sào xeo gỗ, luôn mồm lô, lô! Chúng tôi lướt qua trước mắt mọi người, lòng đầy tự hào thấy mình đang lo kiến thiết một xã hội mới.

Chuyển gỗ xong, tôi và thằng Cù Lao giúp gánh đất đắp nền trường. Trường xây chỗ cao, mặt trước xây về hướng đông đón gió nồm từ bể thổi đến. Các bác thợ cửa đã đến. Họ đóng nọc, dựng ngược những khúc gỗ lên, dùng cửa to xẻ gỗ thành kèo, thành trích. Bột cửa gỗ sến màu vàng nhạt, gỗ mít nài màu trắng, gió hất tung bay, mùi thơm thoang thoảng. Chòm đa Lí bỗng rộn lên tiếng đục tiếng cưa, hòa lẫn với tiếng cười, tiếng chim hót. Thầy Lê Hảo

làm đốc công cho phép mọi người canh trưa được nghỉ một giờ. ...n trưa xong, tôi và thằng Cù Lao nằm khểnh dưới bóng mát. Một lúc sau, chúng tôi nhóm dậy chạy đi đánh mố để công nhân công trường chòm đa Lí trở lại làm việc. Tổ phụ nữ tỏ ra vô cùng tích cực. Chị Bốn, chị Ba thức dậy sớm hơn mọi ngày. Hai chị chạy gọi các chị trong xóm cùng vào chòm đa Lí đắp nền trường, gánh vôi, gánh gạch. Chỉ có việc dỡ gạch ở miếu thờ quý Bạch Thổ và quý Năm Nanh là chưa làm được. Miếu đã sập vì gió mưa, gạch đổ ngổn ngang dưới gốc cây đa lớn. Ông Kiểm Lài được chú Năm Mùi phân công đến nhặt những gạch tốt, sắp lại thành đồng dùng để dựng trường. Nhưng ông Kiểm cứ chần chừ. Cho đến hôm ngói ở Thanh Hà đã chở về, chú Năm phải đến giục ông Kiểm... Ông Kiểm đang nằm quán chiếu, vừa thấy chú Năm, ông Kiểm đã ngồi dậy nói ú ớ:

- Mô Phật, mô Phật! Tôi nằm chiêm bao thấy bà Bạch Thổ với bà Năm Nanh hiện lên. Hai bà nhe nanh, xòe vuốt, chỉ vào mặt tôi: "Mày đó hả? Mày định đến lấy gạch của tao đó, hả? Tao vất cổ cho mà biết!" Mô Phật! Từ hôm đó đến nay hồn vía tôi lên mây. Tôi chẳng dám làm chi nữa...

Chú Năm hỏi:

- Có phải hai bà tóc dài chấm đất, bà nào cũng có nanh, có vuốt, mặc áo trắng tinh phải không? Giữa khuya hai bà cũng hiện lên chỗ tôi nằm. Hai bà bảo tôi phải đến lấy hết gạch ở miếu đổ của bà, phải quét dọn sạch sẽ vì chồn chuột chui rúc phóng uế bậy bạ, hai bà không chịu nổi. Tôi đang phân vân thì hai bà liền bỏ nhỏ, ỏng a ỏng ọ bảo tôi phải giúp bà. Tôi với bọn thằng Cúc thằng Cù Lao đã đến xếp gạch thành một đồng vuông vức. Tôi nghe càng khỏe ra, chẳng ai vạ hòng vạ cổ chi cả.

Ông Kiểm Lài mở to mắt nhìn chú Năm, xem bộ chưa tin. Chú Năm quả quyết:

- Nếu ông chưa tin thì cứ vào chòm đa Lí mà coi, coi thử tôi có nói láo không! Gạch đã dỡ ra, xếp lại rồi - Nay ông vào để chuyển gạch cho thợ...

Chú Năm bảo bà Kiểm phải nấu ngay cho ông Kiểm một nồi cháo hành, ông ăn cho nóng. Và ăn xong ông phải vào ngay chỗ chòm đa Lí, vì các bác thợ vôi ở trong đó đang đợi.

Ông Kiểm đứng dậy, vội vã xách nón đi ngay vào chòm đa Lí gặp các bác thợ vôi.



Anh Bốn Linh và hai anh cán bộ đi suốt hơn tuần lễ vẫn chưa thấy về. ở nhà ai cũng trông đợi. Tôi tưởng phen này anh Bốn về nhất định sẽ mang theo phán Ninh chân tay bị trói chặt.

Một hôm ở chòm đa Lí về, tôi thấy anh Bốn Linh nằm khoèo trên giường, ngáy giòn tan. Anh ngủ suốt ngày hôm sau, khi thức dậy vẻ người phờ phạc. Tôi đoán là anh Bốn Linh không bắt được phán Ninh và mọi việc đã bị thất bại. Buổi tối, anh gọi thằng Cù Lao đến bên cạnh, nói cho nó biết là các đồng chí trình sát gửi lời thăm nó, công nhận nó có tinh thần cảnh giác, biết giúp chính quyền bắt được tên phản bội. Và như vậy, đoàn thể xem nó như đã được kết nạp vào đội Thiếu niên công tác.

Việc này chưa thể công bố với mọi người, vì tình hình đang rất gay go, mọi việc đều phải tạm rút vào bí mật. Thằng Cù Lao và tôi chỉ cần biết một điều. Đó là phải làm nhiều công tác, công tác đưa nào đưa ấy biết, không cần bàn tán lời thôi. Đã có chú Năm Mùi phụ trách, phân phối mọi nhiệm vụ. Nói xong, anh đưa ra một xấp ka-ki màu xanh láng mượt, bảo là các đồng chí cấp trên có hỏi về gia đình nó, gửi tặng nó bốn thước vải. Anh nhìn sang phía tôi:

- Còn may, độ rày có chút ít tiến bộ, cấp trên gửi cho một cái hộp gỗ.

Sự việc quá đột ngột, làm tôi và thằng Cù Lao bàng hoàng. Tôi hỏi lại anh Bốn Linh làm thế nào bắt được phán Ninh. Giọng anh Bốn Linh đánh lại:

- Ban ngày, phán Ninh vào ở trong rừng, khó khăn lắm!
- Nó đâu rồi?
- Đưa về cho các đồng chí trình sát ở tỉnh. Dem về đây sao được?

Anh Bốn Linh dặn chúng tôi phải giữ bí mật, nhất là những đồ vật được cấp trên gửi tặng, không được rỉ hơi ai biết. ở trên còn đang tiến hành điều tra những manh mối khác.

XII

Anh Sáu công tác ở Đà Nẵng về thăm nhà, cũng để bàn với anh Bốn Linh một vài việc. Trước tình hình Pháp muốn quay lại, cấp trên thấy cần xây dựng được cho Đà Nẵng một xưởng công binh. Xưởng sẽ đưa về Mĩ Lược. Mĩ Lược ở ngã tư sông, tất cả ngõ nguồn đều dồn về đây. Nếu chiến sự Đà Nẵng có xảy ra, Mĩ Lược vẫn là nơi rất tiện cho việc vận chuyển đường sông và tiếp tế vũ khí cho mặt trận. Mọi việc đã chuẩn bị, chỉ còn khâu quản lí, đang cần có người tin cậy.

Anh Sáu nhờ anh Bốn Linh tìm thuyền, lo mọi việc chuyên chở. Anh Sáu trao đổi với chú Hai nên nhận một công tác trong công binh xưởng. Việc học hành của thằng Cù Lao, anh Sáu sẽ đảm nhận.

Lúc đầu chú Hai còn phân vân vì chú thích được nhận một công tác ngay ở địa phương. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại thấy làm ở một công binh xưởng, dù lo việc vận chuyển, cũng có một cái gì vinh quang, vì đó là công tác quân sự. Nhưng điều làm cho chú Hai vui nhất là thằng Cù Lao được đi theo anh Sáu để anh rèn luyện cho nó nên người, trước tiên là trị cái thói... tự do quá trớn của nó.

Chú Hai nhận công tác ở xưởng công binh và thằng Cù Lao về ở Đà Nẵng. Không ngờ sự đời lại đổi thay đột ngột như vậy. Thằng Cù Lao sẽ từ giã Hoà Phước. Tôi với nó sẽ xa nhau. Tôi cứ yên trí tôi với nó mãi mãi cùng nhau chăn trâu, cùng nhau chơi vật, cùng tắm mát trên sông Thu Bồn cùng học một trường ở chòm đa Lí. Sau này cùng vào bộ đội, cùng chiến đấu ở một mặt trận. Tôi nói gì, thằng Cù Lao cũng cho là phải. Thằng Cù Lao nói gì tôi cũng thấy là hay. Không ngờ nó lại xa tôi. Lúc này tôi mới cảm thấy thằng Cù Lao rất cần cho tôi. Tôi chẳng có gì làm quà cho nó. Nó cũng chẳng có gì tặng tôi. Thằng Cù Lao sẽ xuôi thuyền đến phố Hội An, sau đó lên ô tô đi Đà Nẵng. Anh Bốn đi họp hội nghị nuôi quân ở Hội An sẽ cùng đi với chú Hai. Tôi cũng được đi tiễn thằng Cù Lao, đi đò xuôi cho tới phố.



Mặt trời gác núi. Một ông trăng tròn rọi rọi bay lên đậu trên chòm tre làng. Chúng tôi ăn xong cùng ra bến Hòa Phước. Bà Phương chuyên đưa khách đi Hội An chờ sẵn. Bà nhận cái gói của chú Hai và cái túi dệt của tôi cất vào khoang, đón chúng tôi lên thuyền.

Thuyền nhỏ sào. Gió thổi hiu hiu. Bà Phương suốt đời lên xuống sông Thu Bồn thuộc lâu từng bến nước. Khi thuyền qua mỗi khúc sông, bà lại nhắc:

- Văn Li kia! Đa Hòa kia rồi! Gái ơi! Gọi đò đi con!

Chị Gái, con bà Phương, đang chèo đàng lái gọi lên vang vọng:

- Ai... có... xuôi đò... ò không?

Có tiếng trả lời từ trong bờ:

- Ghé vô đây!

- Có thiệt... không?

- Sao không thiệt? Ai gọi chơi làm.. chi?

Thuyền bà Phương quay mũi vào bờ. Chiếc cầu ván trên thuyền được đẩy xuống mé nước để khách bước lên. Thuyền lại quay ra sông. Mái chèo của chị Gái lại đập nước hát lên những mảnh bạc loang loáng lướt vội bên thuyền.

Có khách nằm trong khoang nhắc:

- Đi đò xuôi muốn nghe câu hát. Mời hát lên cho vui.

Bà Phương ở đàng sau lái giục:

- Hát lên đi con!

Điệu hát chèo thuyền của chị Gái vang lên. Tôi nghe như có cơn gió chiều thổi nhẹ nhẹ qua cánh đồng rồi vút bay cao. Đôi cánh thần tiên như nâng tôi bay lơ lửng, đưa đến những bến bờ xa lạ. Trước mắt tôi vừa hiện ra con sông giống như sông Thu Bồn từ ngang trời chảy lại. Đàng chân trời, có vô số cánh bướm như cánh bướm trắng tôi từng gặp trong giấc mơ. Hai bên bờ trải rộng ngàn dâu xanh, lúc lấp lánh trong sương mai, lúc hắt hiu trong mưa thu gió thổi. Chị Gái đã dứt câu hò, tôi vẫn còn nghe nao nao.

Tất cả khách trong thuyền reo lên:

- Cha mẹ ơi! Hay chi hay quá! Mời hát nữa đi.

Chợt từ một chiếc thuyền xuôi bên cạnh, vang lên giọng hò của một chị khác, réo rắt không kém. Nội dung câu hát trách thuyền chị Gái sao nở chèo thuyền bạn, không biết đón gió bể khơi, vừa mới đến các phố phường đã nở quên bến cũ. Chị Gái trả lời là thuyền bạn chèo có lầm. Cảnh vật trên sông luôn luôn nhắc nhở... Khi thấy bãi dâu bạt ngàn của sáu châu Quảng Huế, khi thấy bãi ngô Giao Thủy trở cò, thấy khói của lò vôi Thanh Hà tỏa ra mù mịt, thấy lụa tơ của Thi Lai óng vàng phấp phới, khi nghe tiếng khung cửi Phú Bông rầm rập, nức mùi hương, về Hội An ăn bát cao lầu béo ngậy, tất cả đều nhắc nhở ta nhớ đến thuyền bạn. Nếu bạn chưa tin hãy hỏi ông trăng kia thì biết.

Thuyền bên kia đáp lại:

- Ta đã hỏi ông trăng rồi, hỏi ông trăng trên trời và cả ông trăng dưới nước. Tất cả bảo rằng mối tình giữa thuyền bạn với thuyền ta chưa hề phai nhạt. Như vậy dâu bòn lon ở nguồn sông Con hóa cay, khoai Trà Đỏa hóa đắng, cao lầu hóa khét, trầu cau hóa nhạt, cây mai vàng tổ bông tím, cây bầu, cây bí trở hoa nâu núi Thạch Bích biến thành biển, cửa Đại Chiêm biến thành gò, bên tả bên hữu Hòn Quắp, Núi Chúa bị lấp xuống biển, dâu tơ tằm bị đứt đoạn, lụa tơ bị đứt nát, ta vẫn chẳng quên nhau!

Tôi thúc vào vai thằng Cù Lao hỏi:

- Cù Lao nghe chưa?

Thằng Cù Lao nói trong hơi thở:

- Nghe rồi. Không quên nhau đâu! Mình không thích ở Đà Nẵng đâu. Hay Cù ra Đà Nẵng với mình!

Vài hạt mưa rơi lộp độp. Tôi và thằng Cù Lao vào trong khoang. Thuyền có gió, lắc lư như một chiếc võng.

Tôi chớp mắt lúc nào không biết.

Khi thức dậy nhìn ra thấy nhà ngói từng hàng bày ra trước mắt.

- Tới phố rồi đó. Mời dậy đi ăn cao lầu -tiếng bà Phương giục.

Anh Bốn Linh đưa chúng tôi qua những đường phố có những hiệu buôn chen chúc. Chúng tôi ghé vào quán ăn món cao lầu béo

ngậy, đi ngang qua Chùa Cầu có bốn con khỉ đập bằng vôi ngòi bốn góc giống như những con chó, rồi lên bến ô tô đi Đà Nẵng.

Chú Hai Quân và thằng Cù Lao lên xe. Xe mở máy. Xe chạy đến chỗ con đường cong. Xe bị lấp sau mấy cây gạo! Tôi nhìn theo thằng Cù Lao một chập lâu mới quay lại.

Hết